

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV11.278

CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG & CÁCH MẠNG
XÃ TÂN QUỚI
(1820 - 2000)
(SƠ THẢO)

789

DAVV11.278

ĐẢNG ỦY XÃ TÂN QUỚI VÀ
BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY THANH BÌNH - ĐỒNG THÁP

Tháng 12 - 2003

TÂN QUỚI

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN QUỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN

SỐ 537031.537049



**LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG &
CÁCH MẠNG
XÃ TÂN QUỚI
(1820 - 2000)**

(Sơ thảo)

959.789
45 (g)
1302 g

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG &
CÁCH MẠNG XÃ TÂN QUỚI
(1820 - 2000)**

(Số thảo)



278 DAWA11

**ĐẢNG ỦY XÃ TÂN QUỚI VÀ
BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY THANH BÌNH - ĐỒNG THÁP**

Tháng 12 - 2003

032 500

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ TÂN QUỚI TỶ LỆ: 1/40.000

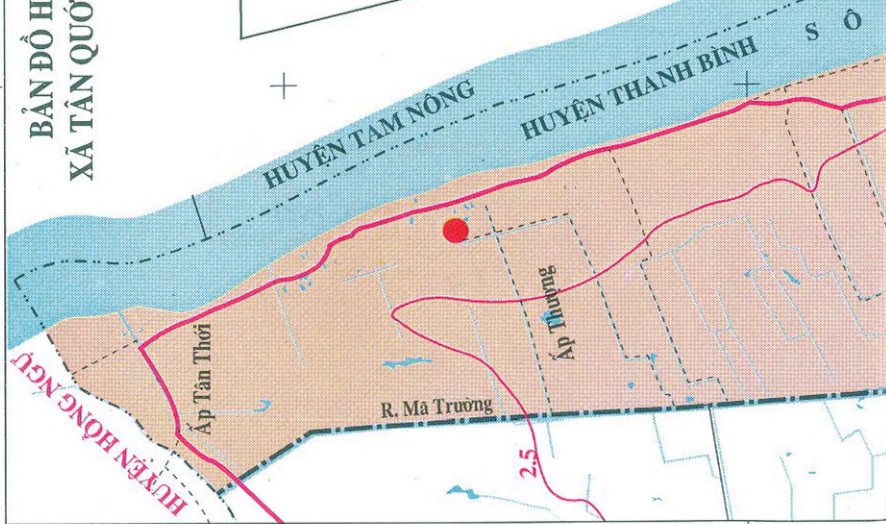
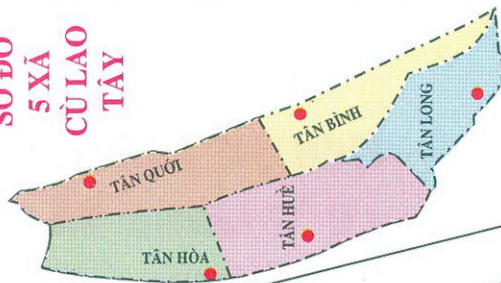


1182

500

000

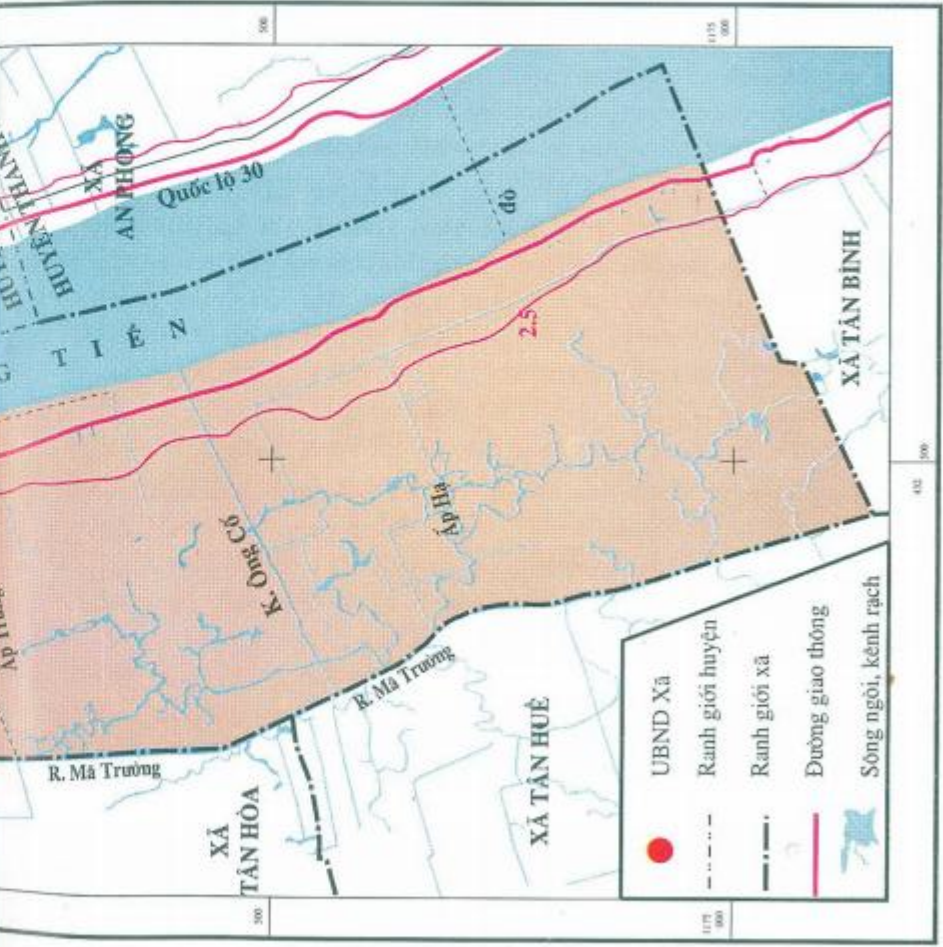
**SƠ ĐỒ
5 XÃ
CÙ LAO
TÂY**



1182

500

000



Lời giới thiệu

Là một xã nằm trên Cù lao Tây, Tân Quới cùng với Tân Huệ, Tân Long trước đây, nay thêm Tân Hòa và Tân Bình, do điều kiện tự nhiên và lịch sử qui định đã hình thành một vùng sinh thái - nhân văn khá đặc biệt so với nhiều địa phương khác ở vùng sông nước Cửu Long.

Vùng đất cù lao rộng lớn nằm trên sông Tiền, tứ bề sông nước; ở giữa có rạch Mã Trường chảy dọc gần suốt cù lao, mang lại cho cư dân một nguồn lợi thủy dôi dào; vật đất giồng quanh cù lao màu mỡ, nơi lý tưởng cho việc trồng dâu nuôi tằm... Nên ngay trong thời khai hoang lập ấp ở cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII đã có nhiều nhóm lưu dân người Việt tìm đến định cư; trong đó có không ít người là tín đồ đạo Thiên Chúa, do trốn tránh Chi dụ cấm đạo của Chúa Nguyễn mà đến đây, cùng nhau khai phá hình thành nên thôn Tân Hưng.

Đến đầu thế kỷ XX, Cù lao Tây với nhà thờ Tân Quới đã trở thành một trong những trung tâm đạo Thiên Chúa ở đồng bằng sông Cửu Long. Rồi gần nửa thế kỷ sau, mảnh đất cù lao này lại đón nhận một tôn giáo khác nữa; đó là Phật giáo Hòa Hảo (PGHH). Chính hai sự kiện này làm cho mọi mặt sinh hoạt xã hội của Cù lao Tây mà nhứt là Tân Quới mang đậm màu sắc tôn giáo.

Song, dù là tín đồ đạo Thiên Chúa hay PGHH, niềm tin tôn giáo cũng chỉ có tác dụng ngăn cản, kềm hãm, làm chậm bước tiến; chứ không thể trói buộc họ trước xu thế phát triển của xã hội Việt Nam nói chung, dòng thác cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã cuốn hút họ, đưa họ hòa vào cùng nhịp thở của nhân dân Tân Quới và của cả dân tộc.

Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, các cán bộ, đảng viên Cộng sản ở Tân Quới lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền và xây dựng chính quyền Cách mạng, rồi cùng nhân dân cả

nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Dù ra đời muộn trên một địa bàn dân cư khá phức tạp, song chi bộ Tân Quới cũng có đầy đủ bán lãnh, vận dụng đường lối cách mạng, chỉ thị của cấp trên vào tình hình cụ thể của địa phương, lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi thử thách cam go, tích cực góp phần trong phạm vi khả năng của mình vào thắng lợi chung của dân tộc qua hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Hòa bình lập lại, chi bộ Tân Quới lãnh đạo nhân dân ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới. Cuộc sống của nhân dân Tân Quới hôm nay, dù chưa phải là sung túc lắm; song so với 25 năm trước quả thật là đã tiến một bước khá dài. Thắng lợi đó là do nhân dân đoàn kết một lòng, Chi bộ Đảng địa phương đã vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, huy động được sức mạnh nội lực của mọi tầng lớp nhân dân xã nhà.

Do điều kiện tư liệu chưa được đầy đủ như mong muốn, năng lực biên soạn còn hạn chế, tập "**Lịch sử Truyền thống & Cách mạng xã Tân Quới từ năm 1820 đến năm 2000**" chỉ tái hiện được những đường nét cơ bản về cuộc sống, lao động và chiến đấu của nhân dân Tân Quới trong suốt mấy trăm năm qua, nhất là từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ sự biết ơn đối các vị am hiểu lịch sử địa phương và các bậc lão thành cách mạng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp... đã nhiệt tình đóng góp tư liệu, ý kiến quý báu giúp nhóm biên soạn sớm hoàn thành tập sách này và rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của các vị.

Xin thành thật cảm ơn và giới thiệu cuốn sách.

Tháng 12 - 2003
**BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY
XÃ TÂN QUỚI**

PHẦN THỨ NHẤT

LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG TỪ KHỞI THỦY ĐẾN NĂM 1930

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ XÃ TÂN QUỚI

1.- Đặc điểm về tự nhiên.

Xã Tân Quới ngày nay là một trong 5 xã nằm trên Cù lao Tây, một cù lao lớn giữa sông Tiền, án ngữ sông Vàm Nao (còn gọi là Thuận Cảng hoặc Thuận Giang) do phù sa bồi lắng tạo nên. Cù lao này có hình thoi, dài 19km, bề rộng chỗ phình to hơn 4km, châu vi độ 49km và có diện tích tự nhiên gần 8.835 hecta. Phía Bắc (đầu cù lao) đối diện với Cù lao Ma và hai xã Phú An, Chợ Mới (An Giang) và An Long (thuộc huyện Tam Nông, Đồng Tháp) nằm hai bên bờ sông Tiền. Phía Nam đối diện với hai xã Long Điền (thuộc huyện Chợ Mới, An Giang) và xã Tân Thạnh (thuộc huyện Thanh Bình, Đồng Tháp).

Do hiện tượng phù sa bồi lắng tạo nên lớp đất giồng ven sông làm cho Cù lao Tây trũng ở khu vực trung tâm, quanh năm thường xuyên ngập nước, là môi trường thiên nhiên thuận lợi cho việc nảy sinh các khu rừng ngập nước với nhiều tôm cá, chim muông và các loài động vật hoang dã khác. Trong

cuộc đo đạc địa chính năm 1836, lúc bấy giờ trên cù lao này còn có hai khu rừng ngập nước⁽¹⁾. Ngày nay, rừng không còn, chỉ có một số cây cỏ hoang dại mọc ở ven sông, đầu cồn, bãi hoang... Nơi đây hình thành một dòng chảy dọc theo gần hết chiều dài cù lao, được gọi là rạch Mã Trường.

Tân Quới nằm về phía Đông Bắc cù lao, phía Nam giáp xã Tân Bình, phía Tây giáp Tân Hòa và Tân Huệ mà ranh giới là rạch Mã Trường và kinh Mới (trước gọi là kinh Cù lao Tây), phía Đông bên kia sông Tiền là xã An Phong (huyện Thanh Bình) và hai xã An Long, Phú Ninh (thuộc huyện Tam Nông). Tân Quới có diện tích tự nhiên trước là 2.810 hécta, hiện nay là 1.885 hécta (nhỏ hơn lúc Cù lao Tây chỉ có ba xã). Địa hình hơi nghiêng về phía rạch Mã Trường; vào cuối mùa lũ hàng năm, khi vật đất ven sông Tiền nước đã rút cạn, thì rạch Mã Trường và Kinh Mới còn là biển nước mênh mông. Theo các bô lão thì mấy trăm năm trước, sông Tiền (nhánh phía Đông cù lao) rất hẹp, tre hai bên bờ lã ngọn có nơi gần giao nhau, đứng bên này sông gọi to, bên kia có thể nghe được⁽²⁾. Do nước phía

(1) Nguyễn Đình Đầu - *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - An Giang* - NXB TP.HCM, 1995, trang 226.

(2) Điều này đã được chứng minh: trong cuộc kháng chiến chống quân Xiêm can thiệp, nhân vụ nổi loạn của Lê Văn Khôi (1833-1835), các chiến thuyền của ta do Bình Khẩu Thượng tướng Trần Văn Năng (đang được thờ tại Dinh ông Đốc Vàng) làm thống lãnh đều di chuyển theo nhánh phía Tây của Cù lao Tây, tức là ngang qua Thuận Giang (Vàm Nao) và Siêu Tân (Bến Siêu).

thượng nguồn cù lao đổi dòng chảy làm bờ sông trên cù lao bị sụp lở liên tục, dòng sông ngày một rộng ra. Con đường xuyên qua Tân Quới và các xã khác trên cù lao, tính đến nay đã bốn lần di dời vào trong. Như vậy, có thể ước tính bờ sông phía này đã sụp lở mất đi khoảng gần 400m.

Là đất cù lao, bốn bề sông nước, quanh năm lúc nào khí hậu cũng mát mẻ, trong lành. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Hàng ngày, nước lớn ròng lên xuống theo thủy triều; mùa lũ nước lên cao từ tháng 9 đến tháng 10, hầu hết ruộng vườn, đường sá đều bị ngập; sinh hoạt của nhân dân gặp nhiều khó khăn, di chuyển chủ yếu bằng ghe xuồng. Sau trận lũ lịch sử năm 2000, nhân dân đã nâng cao đường sá, đắp đê bao, khó khăn trên được khắc phục phần nào.

2.- Đặc điểm về hành chánh - dân cư.

Khi công cuộc khai hoang thành công bước đầu, vào đầu thế kỷ XIX trên Cù lao Tây hình thành thôn Tân Hưng. Theo bảng danh sách xã thôn mà Trịnh Hoài Đức lập khoảng năm 1820⁽¹⁾, thì thôn này thuộc tổng Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh An, trấn Vĩnh Thanh. Trong cuộc đo đạc địa chính năm 1836, thôn Tân Hưng là một trong 11 thôn của tổng An Lương, huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang. Từ năm 1839 đến

(1) *Trịnh Hoài Đức: Gia Định thành thông chí - Bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo, tập trung, Q.III, Nha Văn hóa, S.1972, tr.72.*

1868, Tân Hưng là một trong 33 thôn của huyện Đông Xuyên (có 4 tổng), thuộc phủ Tân Thành (đóng tại Sa Đéc).

Sau năm 1867, thực dân Pháp chiếm toàn bộ Nam kỳ lục tỉnh, để tiến hành thống trị và khai thác thuộc địa, chúng phân chia lại các đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy cai trị. Đến nay chưa có tư liệu về thời điểm thôn Tân Hưng chia thành ba làng Tân Huệ, Tân Quới và Tân Long; song với tư liệu hiện có cho thấy, vào thời điểm này, huyện Đông Xuyên từ 4 tổng với 33 thôn, tăng lên 6 tổng với 50 làng. Do đó, ta có thể cho rằng ba làng trên Cù lao Tây ra đời vào khoảng năm 1868 và thuộc hạt tham biện Châu Đốc. Hạt (Arondissement hay Inspection) này hình thành trên cơ sở phủ Tuy Biên với hai huyện Đông Xuyên và Hà Dương. Đến năm 1876, hạt Châu Đốc lên đến 10 tổng với 91 làng. Ba làng Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long nằm trong tổng An Lương.

Đầu năm 1900, thi hành Nghị định Toàn quyền ngày 20/12/1889, thực dân Pháp đổi hạt thành tỉnh; toàn Nam kỳ có 21 tỉnh thành. Dưới tỉnh lập cấp quận, duy trì cấp tổng, Tân Quới là một làng trong tổng An Lạc (gồm 6 làng), quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Cai tổng đầu tiên là ông Lê Văn Vĩnh (người làng Tân Long), kế tiếp là Phạm Hữu Giác (người Tân Huệ), rồi đến Phan Văn Khải (người Phú Lâm).

Năm 1929, thực hiện Nghị định ngày 19/12/1929, thực dân Pháp lập thêm quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc, tách từ 9 làng

của tổng An Phước thuộc quận Tân Châu, là phần đất nằm ở tả ngạn sông Tiền. Được sự đồng tình của dân ba làng Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long của tổng An Lạc, ông ban biện Lê Văn Đạm (cháu Lê Văn Vĩnh) xin cho ba làng này nhập vào quận Hồng Ngự và thành tổng Cù lao Tây. Như vậy, lúc bấy giờ quận Hồng Ngự có hai tổng (An Phước và Cù lao Tây) với 12 làng; tình trạng này kéo dài đến ngày Nhứt đảo chánh Pháp 9/3/1945.

Sau đó, tổng Cù lao Tây rơi vào sự kiểm soát của quân đội giáo phái Hòa Hảo. Trong kháng chiến chống Pháp, tổng Cù lao Tây tồn tại đến năm 1954, do ông Nguyễn Văn Hòa, người Tân Huệ, làm Chánh tổng.

Dưới thời Ngô Đình Diệm, tổng Cù lao Tây nằm trong quận Thanh Bình, tỉnh Kiến Phong đổi tên thành tổng Thanh Liêm.

Về phía chánh quyền Cách mạng, từ năm 1946 đến 1949, ta theo cách phân chia của địch. Từ năm 1949 đến 1951, Cù lao Tây thuộc quận Tân Hồng, tỉnh Long Châu Tiền. Từ ngày 27/6/1951 đến tháng 9/1954 lại thuộc huyện Tân Hồng, tỉnh Long Châu Sa. Sau đó ta theo cách phân chia hành chánh của địch cho đến năm 1974. Đến tháng 8 năm 1974, tỉnh Long Châu Tiền tái thành lập, các xã trên Cù lao Tây thuộc quận Thanh Bình của tỉnh này.

Đầu năm 1976, hai tỉnh Long Châu Tiền và Sa Đéc sáp

nhập thành tỉnh Đồng Tháp. Huyện Thanh Bình nhập vào Tam Nông lấy tên là huyện Tam Nông, xã Tân Quới thuộc huyện này cho đến năm 1983. Khi đó, ta lại tách ra thành hai huyện Tam Nông, Thanh Bình và Tân Quới lại thuộc huyện Thanh Bình như trước cho đến nay. Trong kháng chiến chống Mỹ, quận Đồng Tiến của tỉnh Kiến Phong, được ta đặt tên là Tam Nông, tên một huyện của tỉnh Phú Thọ kết nghĩa.

Hiện nay, cư dân trên cù lao đều là người Việt, dấu vết cư trú của người Khmer chỉ còn lại là các mảnh gốm, đồ gốm (ghè ống, chình, phù điêu...) mà nông dân thỉnh thoảng phát hiện trong khi canh tác ruộng rẫy và một số địa danh như rạch Bồn Bồn, Bến Dinh, Bến Siêu⁽¹⁾... Vào thế kỷ XVII, đã có người Việt đến đây cư trú, mặc dù phải đến năm 1757 đất này mới thuộc chủ quyền của người Việt. Lốp người tiên phong khai phá cù lao này, đến ngày nay còn một vài vị được nhắc tên như ông Nguyễn Diệu ở Tân Huệ, hai ông Đỗ Văn Thạnh và Nguyễn Văn Diện ở Tân Long. Hai vị này đã được dân làng tôn làm tiền hiền, hiện còn thờ ở đình Tân Long (tức ngôi đình Tân Hưng ngày xưa). Đến năm 1836, họ khai khẩn được gần 383 mẫu ta.

(1) Tên Hán Việt trong sách cổ là Siêu Tân tức là Bến Siêu. Theo các cụ cao niên, thì ngày trước người Khmer lập ở đây một lò (bucher) thiêu thi hài người chết. Lò có ba lỗ trũng, dành cho ba loại thi hài: đàn ông, đàn bà và trẻ con. Có thể khi người Việt đến lò này vẫn còn hoạt động, để tránh ý nghĩa ghê rợn và với ý muốn người chết được siêu thoát theo đạo Phật, nên Bến Thiêu được gọi trại thành Bến Siêu.

Qua hơn 100 năm mà khai hoang được chừng ấy diện tích, điều này chứng tỏ cho đến thời điểm đó số cư dân trên Cù lao Tây rất ít, khoảng trên 1.500 người, vì đến năm 1901 con số này tăng lên 6.930 người; chia ra Tân Huê có 3.146 người, Tân Long có 1.813 người và Tân Quới 1.971 người⁽¹⁾. Bảy mươi năm sau (1970), những con số này tăng lên; toàn cù lao có 29.251 người, trong đó Tân Huê có 12.132 người, Tân Long có 7.861 người và Tân Quới có 9.258 người⁽²⁾.

Đối chiếu các con số trên ta thấy:

Biểu 1:

| | Cù lao Tây | Tân Huê | Tân Quới | Tân Long |
|----------|------------|---------|----------|----------|
| Năm 1901 | 6.930 | 3.146 | 1.971 | 1.813 |
| Năm 1970 | 29.251 | 12.132 | 9.258 | 7.861 |
| Tăng | 422% | 385,5% | 469,7% | 433,5% |

Như vậy, bảy mươi năm đầu của thế kỷ XX, dân số trên toàn Cù lao Tây tăng trên bốn lần, riêng xã Tân Quới tăng gần 5 lần. Hai nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng dân số này là đất Cù lao Tây mâu mở thu hút người ở địa phương khác đến sinh sống. Và trong các thời kỳ chiến tranh, Cù lao Tây là vùng tôn giáo (Thiên Chúa, Phật giáo Hòa Hảo), ít chiến sự xảy ra, nên là nơi đến tạm trú của những người tản cư, trốn quân địch.

(1) *Monographie de la Province de Châu Đốc. 1902, tr.18.*

(2) Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Định Tường, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1994, tr.106*

Đến 1/4/1999, dân cư Tân Quới có 13.960 nhân khẩu với 3.160 hộ. So với năm 1970, mặc dù đã cắt đất thành lập xã khác, diện tích chỉ còn 2 phần 3 so với diện tích trước đây; song dân số vẫn gia tăng rất nhanh.

3.- Đặc điểm về kinh tế - xã hội.

Hiện nay Tân Quới có bốn ấp gồm: ấp Tân Thới, ấp Thượng, ấp Trung và ấp Hạ. Toàn xã có 13.960 người, mật độ trung bình trên 800 người/km², tập trung đông đảo dọc theo sông Tiền, nơi đất giồng cao ráo. Trên đó có con đường trải nhựa dài 9km chạy dài từ ấp Thượng đến ấp Hạ, nối liền với tuyến đường chạy quanh Cù lao Tây, tạo điều kiện đi lại, giao lưu buôn bán trong nhân dân. Tính đến năm 2001, toàn xã có 52,68% hộ dân có điện sinh hoạt, sản xuất và một trạm bưu điện với 152 máy điện thoại thuê bao (đạt 1 máy/89 người).

Do điều kiện tự nhiên qui định, kinh tế của Tân Quới chủ yếu là hoạt động nông nghiệp, với 1.790 ha sản xuất lúa 2 vụ (20 ha cho 3 vụ) và 241 ha trồng hoa màu. Ngoài ra, còn có một số ít hộ (55 hộ) sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chăn nuôi. Kết quả này có được là do sự phấn đấu, cần cù lao động của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nông dân từng bước thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, áp dụng khoa học kỹ thuật vào các khâu sản xuất, thay đổi cây, con giống, phát huy sức mạnh tập thể trong công tác làm thủy lợi, đắp bờ bao... đưa năng suất lên đến 6,5 tấn/ha/vụ. Do đó, lương thực chẳng những bảo đảm đời sống cho nhân dân trong xã, mà còn dư để phục vụ chăn nuôi và xuất khẩu.

Trong năm học 2000-2001, xã có 2.231 học sinh, trong đó có 305 học sinh mẫu giáo, 1.307 học sinh tiểu học và 916 học sinh trung học cơ sở; các điểm trường được bố trí cho học sinh thuận tiện đi lại. Trạm y tế xã điều trị hàng năm khoảng 3.000 lượt bệnh nhân, kết hợp với hoạt động của Hội Chữ thập đỏ xã trị những bệnh thông thường, người bệnh khỏi phải đi xa. Bên cạnh đó, xã cũng đẩy mạnh các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình... tạo điều kiện cho đời sống nhân dân về mọi mặt ngày một nâng cao.

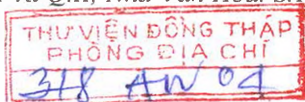
4.- Đặc điểm về văn hóa, tín ngưỡng.

Đây cũng là đặc điểm chung của toàn Cù lao Tây do lịch sử qui định. Địa danh Cù lao Tây với tên là Cù lao Té được ghi vào sách *Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức*, quyển sách địa dư chí đầu tiên của Nam kỳ.

"Cù lao Té ở thượng lưu Tiền Giang, có thôn Tân Hưng ở đây. Cù lao Lộc ở phía Đông, Cù lao Nghĩa ở phía Tây, Cù lao Trư ở phía Bắc, Cù lao Đào ở phía Nam; hình như hoa mai vậy. Nơi đây tre xinh tốt, làm chỗ sào huyệt cho loài cầm thú"⁽¹⁾.

Sách này được viết xong vào khoảng năm 1820, nên tất cả các địa danh được đưa vào đều được hình thành từ trước đó khá

(1) Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo, Tập Thượng, Q.I và Q.II, Nha Văn Hóa. S.1972, tr.99.



lâu. Điều này cho phép ta suy đoán rằng, vào cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII Cù lao Tây còn là bốn cù lao riêng lẻ: *Cù lao Tru ở phía Bắc* (bao gồm một phần của Tân Quới và Tân Hòa), *Cù lao Nghĩa ở phía Đông* (bao gồm một phần của Tân Quới và một phần của Tân Bình), *Cù lao Lộc ở phía Tây* (trụn xã Tân Huệ) và *Cù lao Đào⁽¹⁾ ở phía Nam* (gồm toàn bộ xã Tân Long và một phần xã Tân Bình). Qua năm tháng, khoảng cách giữa các cù lao được phù sa bồi lắng kết liền nhau thành một cù lao lớn như ngày nay. Mấy mươi năm sau, trong cuộc đo đạc địa chính vào năm Minh Mạng thứ XVII (1836), được ghi rõ trong địa bạ thôn Tân Hưng:

"Tân Hưng thôn, ở bốn xứ Tê châu, Tru châu, Tân bồi châu và Tiểu châu...".

Cho thấy lúc bấy giờ trên Cù lao Tây có một thôn duy nhất, được hình thành bởi bốn xóm (xứ) mang tên theo bốn cù lao trước đó, song đã đổi tên hết ba, chỉ còn Tru châu (tức Cù lao Heo). Cù lao Lộc trở thành Cù lao Nhỏ (Tiểu châu), còn gọi là Cồn Vôi, trên cồn này là ấp Tiểu Châu (nay thuộc xã Tân Hòa), Cù lao Nghĩa thành Tân Bồi Châu (tức là mới bồi)

(1) Trong Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt, Tập hạ (An Giang - Hà Tiên), Bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo, Nha Văn hóa, S.1972, ở trang 27 có viết: "Bãi Tê ở thượng lưu sông Tiền Giang, là sở trị thôn Tân Hưng; bãi Lộc châu ở phía Đông, bãi Nghĩa ở phía Tây, bãi Tru ở phía Bắc, bãi Hòa Đào ở phía Nam, hình hoa mai, nơi đây tre xinh tốt, cảm thú đông nhiều". Cho thấy Cù lao Đào còn có tên là Hòa Đào. Bãi, châu là tiếng để chỉ cù lao.

và Cù lao Đào (còn gọi là Hòa Đào) thành Tê Châu (cù lao có hình đầu con Tê giác, cũng gọi là con Tây).

Trong một tài liệu về địa dư chí quận Tân Châu⁽¹⁾, có chép:

"Ngày xưa cù lao này của Thủy Chân Lạp, đến khi thuộc bán đảo Việt Nam, thì bấy giờ nơi đây còn hoang vu, toàn là rừng rú, dân cư thưa thớt đều là người Thổ (Miên). Rồi lần đầu, người Việt mới để chon lên đây khai khẩn điền địa.

Tục truyền, thuở xa xôi ấy, các bậc tiền bối đã gặp một con thú khá to tựa về ở chỗ đất cao trên đầu cù lao, nên cho là con Tây (Rhino céros), do đó đầu cù lao này được gọi là "đầu Tây". Ở giữa cù lao có một con rạch rất sâu mà cũng rất ngay chạy từ dưới đuôi lên đến quá nửa cù lao, tục gọi là rạch "Mã Trường" (ruột ngựa). Gần đuôi còn có một cái cồn nổi dính vào cù lao này; thường ngày có bầy heo rừng ra đó kiếm ăn, nên gọi là "Cù lao Heo".

Đã vậy, các bậc cao niên còn cho biết: ngày xưa triều đình ta có cho cất tại đuôi cù lao này (thuộc xã Tân Long) một cái đồn phòng thủ có một đạo binh để ngăn ngừa giặc Miên thường xâm phạm vào lãnh thổ nước ta. Vì thế, đêm đêm quân sĩ nổi lửa lên sáng ánh một vùng để tiện canh gác. Do đó, các vị kỳ cựu gọi đuôi xã Tân Long là "doi lửa".

Nhờ bốn đặc điểm trên, nên các bậc tiền bối ở đây mới đặt tên cù lao đó là: Đầu Tây (do con Tây), Đuôi Heo (do Cù lao Heo) Ruột Ngựa (rạch Mã Trường) và Đít Lửa (Doi Lửa)".

(1) Nguyễn Văn Kiêm: Tân Châu (1870-1964), tác giả xuất bản, S.tr.148-149

Thực tế trên đã phản ánh phần nào khả năng sáng tạo ngôn ngữ, góp phần làm phong phú thêm phương ngữ Nam bộ. Tuy nhiên, sự ghi chép và lý giải của tác giả, tài liệu này có chỗ chưa ổn là có sự lẫn lộn giữa đầu và đuôi cù lao và giải thích chưa chính xác chức năng của hỏa đài ở đồn biên phòng tại Doi Lửa. Do sông Tiền là thủy lộ chiến lược trọng yếu từ Cao Miên xuống, từ Hậu Giang qua theo ngã Thuận Giang (sông Vàm Nao), Cù lao Tây lại nằm án ngữ trước Vàm Nao. Vì vậy, ngay từ thời chúa Võ vương Nguyễn Phước Khoát (1738-1765), Nguyễn Cư Trinh đã cho dựng tại mồm doi ở đầu Cù lao Tây một đài cao dùng để đốt lửa (hỏa đài) khi có tin tức cần khẩn báo cho khu vực hạ lưu, nên mồm doi đó được gọi là Doi Lửa. Sau chiến thắng Vàm Nao - sông Tiền 1834, để bảo đảm an ninh biên giới và thuận tiện trong việc canh phòng, triều đình Minh Mạng đã cho xây hai pháo đài hai bên bờ sông Tiền, đài bên tả ngạn gọi là *Toàn thắng đài*, bên hữu là *Phá địch đài*⁽¹⁾.

Khai thác cá tôm trên sông Tiền và vùng đất trũng ở giữa Cù lao Tây đầu nguồn Mã Trường và rạch Mã Trường với lối đánh bắt dăng đó, gió gạt, chài lưới, lờ lộp, kéo bò, chất chà... cùng với nghề trồng dâu, nuôi tằm là những sinh hoạt kinh tế trong buổi đầu thời khai hoang. Riêng nghề trồng dâu đã tạo cho Cù lao Tây một nét văn hóa đặc biệt trong khu vực cùng

(1) Đại Nam thực lục chính biên, Q.XIV, tr.56.

các thôn làng khác: Thường Phước, Long Khánh, Long Thuận (nay thuộc Hồng Ngự) và xa hơn là Vĩnh Hòa, Tân An, Vĩnh Xương, Long Phú (nay thuộc Tân Châu - An Giang), góp phần hình thành "xứ tơ tằm Tân Châu".

Hiện nay, đình làng Tân Quới tọa lạc ở ấp Thượng, được xây dựng vào năm 1920, thờ thần Thành hoàng Bốn cảnh. Đình cất theo dạng chữ nhất, có chiều dài 30m, chiều ngang 11m, cao 6m, lợp ngói âm dương. Thật ra đây là ngôi đình mới lập khi thôn Tân Hưng tách thành ba làng Tân Huệ, Tân Long, Tân Quới. Đình làng của thôn Tân Hưng là ngôi đình chung của Cù lao Tây, lập vào năm 1845, đến năm Tự Đức thứ V (1852) được sắc phong Bốn cảnh Thành hoàng chi Thần, đình này nay tọa lạc tại ấp Tân Hội, xã Tân Long. Lá sắc đình còn lưu giữ cẩn thận có nội dung như sau:

"Sắc Bốn cảnh Thành hoàng chi Thần, nguyên tặng Quảng hậu Chính trực Hậu thiện chi thần, hộ quốc tì dân, nhằm trí linh ứng tể. Kim phi ưng cảnh mệnh miễn niệm thân hưu, khả gia tặng Quảng hậu Chính trực, Hậu thiện Đôn ngưng chi Thần. Nhưng chuẩn Đông Xuyên huyện, Tân Hưng thôn y cựu phụng sự Thần. Kỳ tương hữu bảo ngã lệ dân. Khâm tai.

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập nhật".

(Sắc mệnh chi bảo).

Tạm dịch:

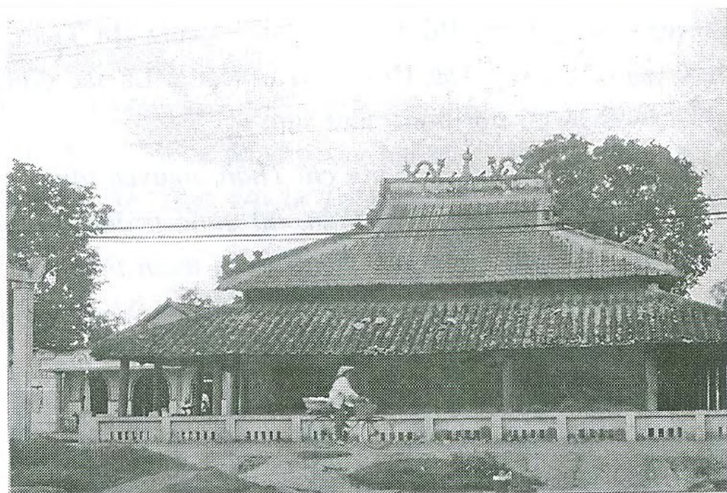
Sắc phong cho Thần Thành hoàng Bốn cảnh, trước tặng là

Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện, giúp nước phò dân linh ứng tính đã lâu. Nay Ta ít đức lãnh sứ mạng lớn, Ta liên miên nghĩ tới công ơn Thần, nên gia tặng: Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng. Chuẩn cho thôn Tân Hưng, huyện Đông Xuyên thờ phụng Thần như cũ. Còn Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của Ta. Kính vậy thay.

Ngày 20 tháng 11 năm Tự Đức thứ V (1852).

(Ấn: Sắc mệnh chi bảo)

Ngoài thần Thành hoàng, đình còn thờ hai ông Nguyễn Văn Diện và Đỗ Văn Thạnh là người có công khai lập thôn,



Đình Tân Quới (ấp Thượng) xây cất năm 1920. Trong những năm Mỹ - nguy ráo riết bắt lính đôn quân, hàng trăm thanh niên vào đây "trốn quân dịch".



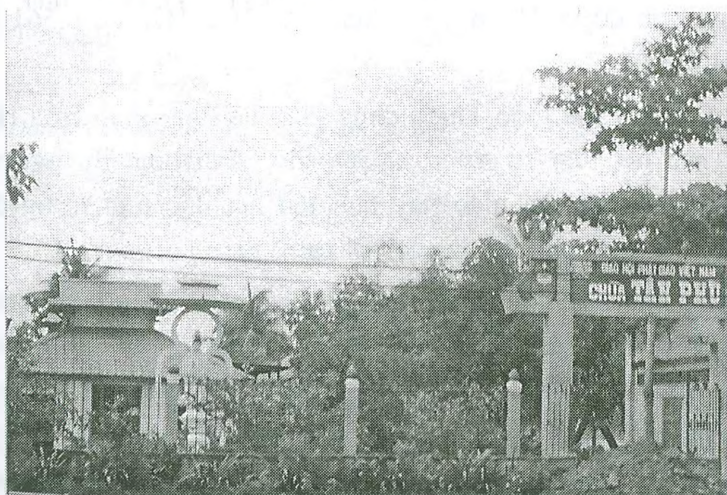
Nhà thờ đạo Thiên Chúa (ấp Trung) xây cất vào khoảng đầu thế kỷ XX.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều cán bộ Việt Minh đến ở, hoạt động được nuôi chứa, bảo vệ chu đáo.

Trong chống Mỹ, nhiều thanh niên vào đây "trốn quân địch".

←

Chùa Tân Phú (ấp Thượng) xây cất năm 1957 là một trong những di tích ở xã Tân Quới. ↓



được dân làng tôn làm Tiền hiền của làng. Cũng như đình Tân Hòa, hiện nay đình Tân Quới sao lại sắc Thần của đình Tân Hưng ngày xưa để thờ. Điểm đáng chú ý ở đây là hai bên bàn thờ Thần ở chánh điện, đình còn thờ một danh sách Liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vừa qua. Điều này đã thể hiện được truyền thống uống nước nhớ nguồn, tri ân những người có công với làng, với nước của dân tộc, của nhân dân Tân Quới. Trong thời kháng chiến chống Mỹ, đình Tân Quới là nơi chứa chấp nhiều thanh niên trốn quân dịch.

Ngoài tín ngưỡng dân gian truyền thống, Tân Quới cũng như các xã khác trên Cù lao Tây, sinh hoạt tôn giáo rất đa dạng với nhiều tôn giáo. Theo cuộc điều tra tôn giáo và tín ngưỡng dân gian năm 1995 thì, Tân Quới có đạo Thiên Chúa với 5.723 tín đồ (1.267 hộ) và Phật giáo Hòa Hảo có 6.561 tín đồ (1.452 hộ).

Tín đồ hai tôn giáo Thiên chúa giáo và Phật giáo Hòa Hảo chiếm gần hết dân cư trong xã. Do đó, sinh hoạt tín ngưỡng của giáo dân hai tôn giáo này tạo nên nét đặc biệt trong đời sống tâm linh của nhân dân trong xã.

Cũng như các nơi khác ở đồng bằng sông Cửu Long, trên Cù lao Tây, Phật giáo Hòa Hảo phát triển mạnh sau năm 1940.

Đến nay chưa có tư liệu về niên đại xây dựng nhà thờ Tân Quới lần đầu tiên. Chỉ biết, giáo dân đạo Thiên Chúa đến cư ngụ trên Cù lao Tây sau Chỉ dụ cấm đạo của chúa Nguyễn

Phước Khoát (1738-1765) ban hành ngày 14/4/1750. Ngôi nhà thờ Tân Quới hiện nay là kiến trúc đồ sộ nhứt trên cù lao, với kích thước dài 49m, ngang 14m và cao 30m, bằng vôi, cát, ô dước; là ngôi thờ tự thứ ba, được xây dựng vào những năm 20 của thế kỷ XX, dưới thời linh mục Đinh Ngọc Sỏi và được mọi nơi gọi là nhà thờ Cù lao Tây. Hai nhà thờ trước xây dựng đơn giản gần bờ sông, đã sụp lở từ thế kỷ trước. Cận nhà thờ là khu thánh địa (nghĩa trang) rộng một hécta, qua thời gian các ngôi mộ chồng lên nhau. Điều này kết hợp với một danh sách gồm 12 vị linh mục Chánh sở⁽¹⁾ kết tiếp nhau cai quản họ đạo Cù lao Tây trong hơn 100 năm qua (1870-1973), chứng tỏ Cù lao Tây là một trung tâm Thiên Chúa giáo lâu đời ở đồng bằng sông Cửu Long, có tác động nhứt định đến đời sống tinh thần của nhân dân trong vùng.

Ngoài ra, Tân Quới còn có một ngôi chùa tên Tân Phù tự ở ấp Thượng, được xây dựng vào năm 1957, có ít tín đồ.

(1) Danh sách 12 linh mục cai quản họ đạo Cù lao Tây từ 1870 đến 1973:

1. L.M. Gazignol: đến (?) đi 1882,
2. L.M. Thiện (người Pháp) 1882-1891,
3. L.M. Lavtastre: 1891-1895,
4. L.M. Herrgott (người Đức): 1895-1896,
5. L.M. Blondet: 1896-1897,
6. L.M. M.Hion: 1897-1908,
7. L.M. Thomas Nhân: 4/1908-1/1913,
8. L.M. Ch. Grandmaire: 1/1913-9/1914,
9. L.M. Lm. Đê: 9/1914-3/1916,
10. L.M. Anton Đinh Ngọc Sỏi: 3/1916-4/1941,
11. L.M. Anton Nguyễn Văn Thiện: 4/1941-7/1955,
12. L.M. Phêro Nguyễn Phước Lưu: 7/1955-4/1973.

Chương II

TÂN QUỚI TRÊN CÙ LAO TÂY TỪ BUỔI ĐẦU KHAİ PHÁ ĐẾN NĂM 1930

1.- Cù lao Tây trong buổi đầu khai hoang mở cõi.

Như toàn vùng Nam bộ, trước khi lưu dân người Việt vào khai khẩn sinh sống, Cù lao Tây nằm trên đất Tầm Phong Long (vùng đất giữa sông Tiền và sông Hậu) thuộc miền hạ của nước Chân Lạp cổ, được người Trung Quốc gọi là Thủy Chân Lạp; do sự bồi lắng phù sa của sông Tiền và sông Hậu chưa hoàn tất, nên đất thấp, nhiều nơi còn ngập nước. Thổ dân người Khmer cư ngụ thưa thớt ở các phum, sóc chủ yếu là trên các gò cao và dải đất giồng ven sông lớn, dưới hình thức tự quản, không thuộc sự quản lý của chính quyền nào. Họ sinh sống bằng nghề làm lúa, rẫy và đánh bắt cá ven sông, theo Phật giáo Nam tông (Tiểu thừa). Tượng Phật, phù điêu... mà nông dân đã phát hiện trong lúc canh tác, nổi bật là di vật còn lưu giữ ở chùa Phật Nổi (tức chùa Tân Phước tự) ở ấp Tân Phú A, chứng minh điều đó. Rải rác đó đây ven sông, bên gốc cổ thụ còn sót lại miếu thờ néak Tà, như một dạng miếu ông Địa của người Việt, trong miếu có mấy hòn đá tròn hay bầu dục trơn láng...

Người Việt biết đến vùng đất này khá sớm. Những điều ghi chép trong hồi ký *Xứ Đàng Trong năm 1621* của giáo sĩ người Ý, Chrisforo Borris cho biết: vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ

XVII, đã có người Việt sinh sống ở đây. Hồi ký ghi rõ: sau cuộc hôn nhân giữa quốc vương Chân Lạp, Chey Chetta II và công chúa Ngọc Vạn, con của Sãi vương Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635) thường có nhiều đoàn sứ bộ đông đảo của chúa Nguyễn gửi đi Nam Vang hoặc Oudong, đều đi bằng đường biển từ cảng Nước Mặn (Qui Nhơn) rồi theo dòng sông Tiền đi lên⁽¹⁾ - con đường mà vào thế kỷ XIII, Châu Đạt Quan, sứ thần nhà Nguyên đi thăm vương quốc Chân Lạp⁽²⁾. Sa Đéc đương nhiên là trạm dừng chân nghỉ ngơi. Đoạn ở Cù lao Tây nhánh phía Đông của sông Tiền rất hẹp, nên thuyền bè đều đi nhánh phía Tây, giữa cửa Thuận Giang (Vàm Nao) và Siêu Tân (tức Bến Siêu, nay thuộc xã Tân Huệ).

Từ đây về sau, con đường vào cửa Tiểu hoặc cửa Đại qua Mỹ Tho, lên Sa Đéc, tới Chợ Mới, ngang qua Cù lao Tây, rồi qua Ba Nam đến Nam Vang và thẳng tới Oudong, trở thành thủy lộ huyết mạch giữa hai nước. Năm 1623, phái bộ Đàng Trong sang xin vua Chey Chetta II, lập hai đồn thu thuế ở Sài Gòn và Bến Nghé. Từ năm 1674, do Nặc Nộn cầu cứu, chúa Nguyễn sai Nguyễn Dương Lâm sang Chân Lạp, ông dùng thủy quân phá vỡ ba lũy Sài Gòn, Gò Bích và Nam Vang. Nặc Nộn được phong làm Phó Vương đóng ở Sài Gòn, đã hai lần

(1) *Christoforo Borri: Xứ Đàng Trong năm 1621, bản dịch Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr.84.*

(2) *Châu Đạt Quan: Chân Lạp phong thổ ký, bản dịch Lê Hương, Nxb. Kỷ Nguyên Mới, S. 1973.*

(1679 và 1682) vị Phó Vương này kéo quân sang đánh quốc vương Ông Thu ở Nam Vang, song đều thất bại, phải trở về Sài Gòn. Năm 1689, bộ hạ của bô thần nhà Minh Dương Ngạn Địch là Hoàng Tiến làm phản, chúa Nguyễn sai Mai Vạn Long đem quân chiếm các thành Ba Nam, Gò Bích và Nam Vang, nhưng không diệt được Ông Thu. Năm 1690, ông đem quân sang bắt được Ông Thu giải về Sài Gòn... Tất cả các biến cố đó ít nhiều đều có tác động đến công cuộc khai phá vùng đất Tầm Phong Long, như là Cù lao Tây, vì nó nằm án ngữ ngay trên sông Tiền.

Như vậy, trễ lắm là vào đầu hoặc giữa thế kỷ XVII, là đã có lưu dân người Việt đặt chân lên cù lao nằm giữa sông Tiền này, cùng lúc với công cuộc khai phá vùng Kiến An, Tứ Diên... (Chợ Mới), Hòa Hảo, Phú An... (Phú Tân) của An Giang và Tân Thạnh, An Phong, An Long, của Đồng Tháp ngày nay.

Đến năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn Phước Chu đem binh kinh lược xứ Cao Man (Chân Lạp). Ông lấy đất Nông Nại đặt làm Gia Định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, thiết lập cơ sở hành chánh cai quản vùng đất mới. Ranh giới hành chánh thuở ấy ở đất Nam kỳ rất mơ hồ, nên có thể hiểu rằng huyện Tân Bình có thể kiêm quản đến tận bờ sông Tiền. Bên

kia sông là Cù lao Tây nằm trên đất Tầm Phong Long chưa thuộc chủ quyền của ta.

Năm sau (1699), thấy chúa Nguyễn ủng hộ Phó Vương Nặc Nộn (đóng ở Sài Gòn), quốc Vương Chân Lạp Ông Thu làm phản. Nguyễn Hữu Cảnh được phái đi chinh phạt. Năm 1700, xong nhiệm vụ, trên đường trở về ông đóng quân ở Cù lao Siêu Mộc (tức Cù lao Cây Sao hay Cù lao Ông Chưởng sau này), với ý đồ chiến lược, chế ngự giao liên giữa "*Chân Lạp miền trên*" với "*Chân Lạp miền dưới*". Một nhà quân sự tài ba như Nguyễn Hữu Cảnh, dứt khoát với vị trí án ngữ Vàm Nao (trên con đường sang sông Hậu), án ngữ sông Tiền (trên con đường sang Chân Lạp) của Cù lao Tây, không thể bị xem thường. Như vậy, đã có một bộ phận quan trọng trong binh đội của ông sang đóng trên cù lao chiến lược này. Có thể nói, đây là một trong những lần góp phần làm cho cư dân trên Cù lao Tây đông thêm.

Một sự kiện khác nữa cũng góp phần gia tăng dân số cơ học trên cù lao này. Vào những năm 70 của thế kỷ XVIII, xuất hiện một nhóm khá đông giáo dân đạo Thiên Chúa chạy trốn từ miền Trung vào vì Chỉ dụ cấm đạo của chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) ban hành ngày 14/4/1750. Chỉ dụ này là phản ứng của chúa Nguyễn trước lệnh cấm giáo dân người Việt thờ cúng tổ tiên của giáo hoàng Benoit ký ngày 16/11/1744. Nhóm giáo dân này vào định cư ở một số cù lao trên sông

Tiền, tập trung nhứt là ở Cù lao Giêng (Diên) và Cù lao Tây, khu vực Cái Đồi - Bờ Đập (ngang thành phố Long Xuyên ngày nay).

Năm 1757, chúa Nguyễn phong Nặc Ông Tôn làm quốc vương Chân Lạp, để đền đáp ơn này, Nặc Ông Tôn dâng đất Tầm Phong Long cho chánh quyền Đàng Trong. Theo đề nghị của Nghi biểu hầu Nguyễn Cư Trinh, chúa Nguyễn cho đặt Đông Khẩu đạo ở xứ Sa Đéc (trị sở đặt tại Sa Đéc), Tân Châu đạo ở Tiền Giang (trị sở đóng ở Long Sơn) và Châu Đốc đạo ở Hậu Giang (trị sở đặt tại Châu Đốc). Kể từ đây Cù lao Tây chánh thức thuộc chủ quyền người Việt và thuộc đạo Tân Châu.

Để giữ gìn an ninh biên giới cho vùng đất mới, chúa Nguyễn cho hình thành hai cụm dân cư người Côn Man (người Chiêm Thành, còn gọi là người Chăm), đồng thời cũng là hai đạo thủ: một ở Tây Ninh và một ở Châu Đốc. Hai đồn thủ này được nối liền bằng hệ thống thủ, bảo:

- Bảo Thông Bình, thủ Phong Kha Minh ở phía bắc sông Tiền do đạo thủ Tuyên Oai kiêm quản.

- Thủ Tân Châu, thủ Hùng Ngự do đạo thủ Tân Châu kiêm quản.

Lúc bấy giờ trị sở đạo thủ Tân Châu đóng tại thôn Mỹ Hưng ở đầu Cù lao Giêng (tên chữ Hán là Dinh Châu). Thủ Chiến Sai (do âm Khmer Kiên Srai có nghĩa là cây xoài) nằm

trên bờ sông Vàm Nao, gần vàm rạch Ông Chưởng (thuộc thôn Tú Điền nay là xã Kiến An, huyện Chợ Mới, An Giang), hiện còn dấu vết nền đồn cũ (nay còn hai địa danh Chợ Thủ và thủ cũ Chiến Sai hay Cự Chiến Sai). Trong địa bạ 1836 còn ghi thôn Tú Điền ở xứ Cự Chiến Sai. Còn thủ Hùng Ngự thì đóng ở vàm Đốc Vàng. Cù lao Tây nằm giữa ba thủ này, cho nên để tiện việc canh phòng lúc ban đêm hoặc để báo tin lúc có biến động, người xưa đã cho xây một hỏa đài ở doi đất tại đầu cù lao, nên có địa danh Doi Lửa như đã nói ở trên. Trong *Nhất thống địa dư* ghi:

"Ở giữa sông là Dinh Châu (tức Cù lao Giêng), có chính thủ Tân Châu; phía bên hữu châu ấy có rạch Đốc Vàng tức là Hùng đạo thủ (thuộc địa giới tỉnh Định Tường), cùng Chiến Sai thủ đạo đều thuộc về đạo Tân Châu cai quản. Ba đạo này là phòng bị kẻ gian tế, coi thu thương thuế và kiểm soát gian thương, nơi đây chính là chỗ yết hầu vậy"⁽¹⁾.

Trong cuộc nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh (1775-1788), trên đất Nam bộ tồn tại hai chánh quyền đối kháng. Từ năm 1776, ở Ba Giồng (nay thuộc Cai Lậy, Tiền Giang), 3.000 quân Đông Sơn của Đỗ Thành Nhơn dựa vào Đồng Tháp Mười để chống lại Tây Sơn. Và sau khi Nguyễn Ánh giết Đỗ Thành Nhơn (1781), các thuộc tướng Đông Sơn là Võ Nhàn, Đỗ Bảng

(1) *Đại Nam thực lục, Nxb Sử học - Khoa học xã hội, Hà Nội. 1962-1976, T.II, tr. 126-136.*

lại cũng dựa vào Đồng Tháp Mười để chống lại Nguyễn Ánh. Như vậy, Đồng Tháp Mười trở thành căn cứ địa hoặc là nơi ẩn trốn của lực lượng hay cá nhân đối lập với chánh quyền đương thời. Cù lao Tây chỉ cách Đồng Tháp Mười con sông Tiền. Sông lúc bấy giờ rất hẹp, chỉ cần một tiếng hú đò là bên kia có thể nghe được, nên các đặc điểm trên của Đồng Tháp ít nhiều cũng ảnh hưởng đến vùng đất cù lao này.

Sau khi nội chiến chấm dứt ở Nam kỳ và lùi ra Trung và Bắc, vùng đất phía Nam có điều kiện tiếp nhận thêm lưu dân để khai thác các nguồn lợi tự nhiên phong phú ở đây. Có thể đây là thời điểm mà thôn Tân Hưng ra đời trên Cù lao Tây, cùng thời điểm với sự xuất hiện của các thôn ở hai bên bờ sông Tiền.

Từ năm 1788, sau khi chiếm lại đất Gia Định lần cuối cùng, để tích lũy sức người, sức của đương đầu với Tây Sơn ở phía Bắc, chánh quyền Nguyễn Ánh tăng cường hoạt động cai trị và thu thuế. Năm 1790, chánh quyền Gia Định ra lệnh cấm thuyền buôn đi lại, mua bán qua các đạo thủ Quang Hóa, Tuyên Oai, Thông Bình để sang Chân Lạp. Riêng đạo Tân Châu được lệnh phải ra sức hạn chế các sứ bộ Chân Lạp lợi dụng hộ chiếu ngoại giao mà sang buôn bán dọc sông Tiền⁽¹⁾.

Vào thời điểm này, cư dân trên Cù lao Tây còn thưa thớt,

(1) Dẫn lại Đại Nam nhất thống chí Lục tỉnh Nam Việt, tập Hạ, An Giang - Hà Tiên, tr.33.

chủ yếu là người Việt theo (đa số đạo Thiên Chúa) sống chung với một số người Khmer, tập trung trên các vạt đất giồng và một số ít người Hoa. Có thể phỏng đoán, số cư dân lúc bấy giờ (1757) khoảng 300 người là nhiều lắm, vì căn cứ vào biểu mẫu ở **biểu 1** (điểm II chương một) thì cứ khoảng 60, 70 năm thì dân cư trên Cù lao Tây tăng lên khoảng hơn 4 lần:

Năm 1757: 300 người (*phỏng định*)

Năm 1836: 1.500 người (*phỏng định*)

Năm 1901: 6.930 người (*Theo Monographie de la Province de Châu Đốc, 1901*)

Năm 1970: 29.251 người (*Theo tài liệu HES, tháng 12/1970*)

Đây là vùng cận biên, việc lấn chiếm đất đai, xâm nhập qua lại, buôn bán, khai thác lâm - thủy sản⁽¹⁾... giữa nhân dân hai nước là việc thường xuyên diễn ra. Các hoạt động này, như là hoạt động thương nghiệp góp phần đẩy mạnh giao lưu văn hóa, phát triển giao tiếp xã hội, rút ngắn khoảng cách giữa thiên nhiên và xã hội cũng như giữa các nhóm xã hội khác nhau. Điều này chẳng những góp phần gia tăng dân số trên Cù lao Tây mà còn biến cù lao này thành một trong những trung tâm trung chuyển sang khai thác Đồng Tháp Mười. Song, đối với chánh quyền đương thời, biên giới qua ngã sông Tiền luôn

(1) *Kế cả trộm, cướp...*

là vấn đề phức tạp, phải thường xuyên quan tâm. Năm 1812, trong một lần tranh chấp biên giới, quân Xiêm đã bắt 36 thuyền và 163 người Việt qua Chân Lạp buôn bán, đốn củi. Đến khi phó tướng Chấn Võ quân trấn thủ đồn Tân Châu Trần Văn Năng gửi thơ phản đối, họ mới thả về và rút lui, nhưng lại đề nghị chánh quyền Đại Nam cho dân dọc theo sông Tiền tự do thông thương sang tận Nam Vang.

Lợi dụng sự cầu cứu của Lê Văn Khôi sau khi nổi dậy năm 1833, quân Xiêm trước sau gồm 5 mũi tiến đánh nước ta. Phía Tây Bắc, gồm 3 mũi tấn công vào Cam Lộ (Quảng Trị), Cam Cát, Cam Môn (Thanh Hóa), Trấn Ninh (Nghệ An); phía Tây Nam với hai mũi, một bằng đường bộ tấn công Hà Tiên, hai bằng đường thủy từ Nam Vang xuống đánh thành Châu Đốc chiếm An Giang. Mưu đồ của giặc dùng mặt trận Tây bắc làm kế nghi binh, kéo dẫn quân ta ra hỗ trợ cho mặt trận chính phía Tây nam chiếm Hà Tiên, An Giang rồi cả Nam kỳ. Với chức Bình Khẩu tướng quân, Lương tài hầu Trần Văn Năng đã đàn áp được cuộc nổi dậy, tàn binh của Lê Văn Khôi bị vây trong thành Gia Định.

Được tin cấp báo từ biên giới, giặc Xiêm đã chiếm Chân Lạp, quốc vương Nặc Chân chạy xuống An Giang, quân Xiêm đang tràn vào nước ta. Triều đình ra lệnh Lương tài hầu Trần Văn Năng dẫn 3.000 quân cấp tốc cùng Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân chỉ huy binh thuyền sang Chân Lạp. Cuối năm 1833 đến đầu năm 1834, giặc Xiêm đã chiếm được thành Hà

Tiên và thành Châu Đốc, định vượt sông Thuận Cảng (Vàm Nao) với ý đồ sang sông Tiền xuống chiếm Vĩnh Long, Định Tường. Lúc ấy, binh thuyền của ta cũng đã đến khu vực Cù lao Tây, cửa sông Vàm Nao. Với quyết tâm chống giặc, Trần Văn Năng bố trí binh lực với hai ý đồ chiến lược: một là không cho quân Xiêm ra tới sông Tiền, hai chận không cho giặc theo sông Tiền trốn thoát về biên giới; nên trận quyết chiến chiến lược sẽ diễn ra trên sông Vàm Nao. Đoạn sông này không dài, rộng hẹp bất chợt, có chỗ gọi là Cổ Hũ (thuộc địa phận thôn Tú Điền, nay thuộc xã Kiến An), ở đây dòng sông hẹp lại đột ngột như cổ của cái hũ. Đồn thủ Chiến Sai đóng gần vị trí này do Phạm Hữu Tâm làm quan quản vệ. Đó là nơi được Trần Văn Năng đặc biệt lưu ý khi bố trí lực lượng hai bên bờ sông Vàm Nao. Còn ở sông Tiền về phía thượng lưu, cũng như hạ lưu của cửa Vàm Nao đều có bộ và thủy binh mai phục. Cù lao Tây với vị trí nằm án ngữ cửa Vàm Nao và sông Tiền đóng vai trò chiến lược trong trận ác chiến này. Từ Dơi Lửa ngược lên phía thượng lưu dọc qua Siêu Tân (Bến Siêu) là địa bàn xung yếu đối phó với giặc khi chúng thoát ra khỏi sông Vàm Nao. Đặc biệt là ở đầu cù lao (thuộc ấp Thượng xã Tân Quới ngày nay), để phòng giặc từ biên giới xuống theo ngả sông Tiền, hỗ trợ cho bọn định vượt sông Vàm Nao đánh sau lưng quân ta; một lực lượng thủy bộ lớn trấn thủ tại đây, do tham tán Nguyễn Xuân chỉ huy với mấy chục binh thuyền⁽¹⁾.

(1) *Đại Nam Thực lục, Nxb Sử học - Khoa học xã hội, Hà Nội. 1962-1976, Tập XIV, tr.28.*

Chiến cuộc diễn ra đúng ý đồ chiến lược của Trần Văn Năng, được sách *Đại Nam thực lục* mô tả cô động như sau:

"Khi trước Trương Minh Giảng từ Thuận Cảng lui đóng ở sông Cổ Hổ, đặt đồn ở hai bên bờ làm thế ý giốc. Sau đó vài ngày, tướng Tống Phước Lương lại đến. Giặc Xiêm đưa hơn 100 binh thuyền từ Thuận Cảng xuống, dàn ngang giữa sông cầm cự với chu sự của ta, lại vây đánh đồn bờ bên tả. Quân vệ giữ đồn là Phạm Hữu Tâm cự chiến chém được tên đại đầu mục giặc là Phi - Nhã Khố Lạc và hơn 20 đầu giặc. Giặc dựng trại đối diện với lũy ta, ngày đêm bắn đại bác. Quân ta có người bị thương và chết. Trương Minh Giảng cho rằng thế giặc đương dữ tợn hung hăng, bèn phi tư cho quân thu Gia Định phái thêm binh thuyền đến tiếp ứng. Bấy giờ vừa gặp tham tán Hồ Văn Khuê đến quân thứ. Trần Văn Năng liền ủy (Khuê) đi giúp việc quân. Lại phái phó vệ úy vệ Hậu thủy Nguyễn Tiến Khoan đem hơn 300 binh đồng và 7 chiếc thuyền, đồng thời cùng tiến"⁽¹⁾.

Sau đó quân Xiêm lui về phía thành Châu Đốc tổ chức trận đánh mới cũng trên sông Vàm Nao với quyết tâm vượt ra sông Tiền:

"...Lúc ấy, giặc ở thượng lưu sông, thủy bộ cùng chống cự với quân ta, đương đêm thừa lúc nước triều xuống, chúng ở hai

(1) *Đại Nam thực lục*, Tập XIV. Sđd, tr.6-7.

bên ven sông đốt lửa đánh bè, ngăn cản chu sự của ta, rồi đem quân sấn đến đồn tà ngạn, xông đánh. Tướng quân Tống Phước Lương bị bệnh, không ra quân được. Trương Minh Giảng sai quân vệ Phạm Hữu Tâm thúc quân ở trên đồn: hoặc đâm đánh, hoặc bắn súng, giết được nhiều giặc. Lại ở trên các thuyền Cự hải lấy đại bác, mặt trước, bắn vào thuyền giặc, bên cạnh, bắn vào bộ binh của giặc ở bên bờ tà; từ giờ Dần đến giờ Tị, giặc chết ngổn ngang thây chất chồng lên nhau. Chúng liền rút lui. Quân ta cũng đóng lại. Trận đánh dữ dội với giặc này, Ban trực Tà vệ rất được việc...⁽¹⁾.

Thừa thắng, quân ta đuổi giặc ra khỏi biên cương, rồi tiến sang giải phóng Chân Lạp. Đầu năm 1835, khi công việc đang dang dở, bỗng Lương Tài hậu Trần Văn Năng lâm trọng bệnh, giao việc cho Trương Minh Giảng, ông lui về nước trị bệnh, nhưng thuyền đến Bến Siêu thì qua đời. Thi hài ông tạm đưa đến thủ Hùng Ngự (lúc bấy giờ còn đóng ở vàm Đốc Vàng) khâm liệm và chuyển về kinh đô Huế.

Hoàn cảnh gần hai năm chinh chiến (cuối năm 1833 đến đầu năm 1835) đã ảnh hưởng không ít đến tình hình kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài ở Cù lao Tây. Bên cạnh những thanh niên yêu nước, hăng hái tình nguyện gia nhập các đội hương đồng, cũng có nhiều tráng đinh bị cưỡng bách vào đội ngũ phục vụ chiến trường; điều này gây tác động không nhỏ

(1) Đại Nam thực lục, tập XIV. Sđd, tr.14-15.

đối với sản xuất. Sự có mặt bất ngờ của số đông binh lính tạo nên ít nhiều xáo trộn xã hội. Số binh sĩ đào ngũ ở lại sau chiến tranh, góp phần làm gia tăng dân số cho thôn Tân Hưng.

Địa bạ thôn Tân Hưng, do kết quả cuộc đo đạc điền địa năm 1836, được ghi chép với chi tiết như sau:

"Tân Hưng thôn, ở 4 xứ Tê châu, Trư châu, Tân Bôi châu và Tiểu châu.

- Đông giáp sông, nhìn sang thôn An Phong (tổng Phong Thạnh, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường).

- Tây giáp sông và nhìn sang địa phận thôn Mỹ Lương.

- Nam giáp sông.

- Bắc giáp sông.

- Thực canh đất trồng 382 mẫu 9 sào 1 thước.

- Tang căn thổ 345 mẫu 8 sào (48 sớ và Bốn thôn đồng cư 6 sớ là 17 mẫu 6 sào.

- Thổ viên 37 mẫu 1 sào 1 thước (29 sớ).

- Rừng chằm 2 khoảnh⁽¹⁾.

Sớ và khoảnh trước đây được coi là đơn vị đo đạc, song rất mơ hồ không có định lượng cụ thể, tạo điều kiện cho việc ẩn lậu thuế điền, nên trong cuộc tổng đo đạc năm 1836 không dùng nữa; do đó sớ và khoảnh ở đây để chỉ một khu vực ruộng

(1) Nguyễn Đình Đầu; Sđd, tr.226.

đất và rừng bụi. Mẫu ở đây là mẫu ta chỉ bằng 4.894,4m². Như vậy, ruộng đất ở thôn Tân Hưng sau khoảng 200 năm khi phá được gần 187 ha với 83 sớ; trong đó có tới trên 169 ha trồng dâu (nuôi tằm), 18 ha đất vườn và 8,3 ha đất ở.

Lưu dân trên cù lao đã tốn biết bao nhiêu công sức, tâm trí, trải qua trên 200 năm (từ đầu thế kỷ XVII đến 1836) mới khai khẩn được chừng ấy diện tích. Song điều cần lưu ý là trên thôn Tân Hưng, người ta không trồng lúa như các cư dân khác ở hai bờ sông Tiền mà lại trồng dâu, nuôi tằm như các thôn trên Cù lao Cái Vừng (gồm các thôn Long Thuận, Phú Thuận), Cù lao Long Khánh... và một số thôn ở thượng nguồn của các cù lao này. Trong quá trình khai thác vùng đất mới, lưu dân lợi dụng các đặc điểm của thiên nhiên để phục vụ cuộc sống. Vùng bồn trũng giữa cù lao, nơi có rạch Mã Trường chảy qua, còn bị ngập nước, có hai khu vực từng ngập nước với nhiều cá tôm, một nguồn lợi to lớn đối với nhân dân thôn Tân Hưng. Theo tài liệu địa dư chí của chánh quyền thực dân, vào năm 1901, thì hàng năm rạch Mã Trường cung cấp một lượng cá tôm trị giá 579 đồng⁽¹⁾. Đây chỉ là con số bán đi có đóng thuế, không kể con số tự sản tự tiêu, mà chánh quyền thực dân không thể biết được.

Năm 1842, lực lượng chống đối nhà Nguyễn ở Chân Lạp đem 5.000 quân Xiêm - Lào đến Sách Sô làm le tràn xuống

(1) *Monographie de la Province de Châu Đốc, 1901, tr.32.*

nước ta qua ngã sông Tiền, thủ Tổng đốc Long Tường Nguyễn Tri Phương điều động binh thuyền tới đóng ở các cửa khẩu Thông Bình, Tân Châu và Hùng Ngự (lúc bấy giờ đã dời đến vị trí Hồng Ngự hiện thời) với ý đồ báo cho giặc biết là ta có phòng bị⁽¹⁾. Từ đó đến khi Pháp xâm lược, vùng biên địa Tân Châu tương đối yên ổn, tạo điều kiện tốt cho Tân Hưng phát triển về các mặt.

Tháng 2/1859, thực dân Pháp tiến công đánh chiếm Nam kỳ, dưới sự lãnh đạo của Trương Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực... nhân dân đã đứng lên cùng quân triều đình chống giặc. Hòa ước 1862, triều đình nhà Nguyễn nhường ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường) cho Pháp. Sau khi Trương Định hy sinh ở Gò Công, Thiên hộ Võ Duy Dương chọn Đồng Tháp Mười làm căn cứ chống thực dân Pháp xâm lược. Căn cứ này không thể tự túc về lương thực cũng như các phương tiện phục vụ chiến đấu khác. Cù lao Tây chẳng những là một trong những điểm trung chuyển, tập kết lương thực, vũ khí của các tỉnh miền Tây cung cấp cho nghĩa quân, mà còn là đầu cầu liên lạc ra bên ngoài của căn cứ.

Sau khi triệt hạ căn cứ Tháp Mười (tháng 4/1866), thực dân Pháp tiến chiếm ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang và

(1) Đại Nam thực lục: Sđd, tập XXIV, tr: 9-11.

Hà Tiên) vào năm 1867. Lãnh binh Nguyễn Hương trấn thủ thành Hà Tiên, gốc người Cao Lãnh, không hàng giặc, cùng với Kim Chung, Quản Bạch kéo quân về Cao Lãnh lấy vàm Hồ Cú làm căn cứ, được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân địa phương. Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rộng từ Cù lao Tây xuống đến Cần Lố. Các đồn bót của giặc trong khu vực thường xuyên bị đánh phá. Đặc biệt trong trận đánh đồn Đốc Vàng, nghĩa quân được sự tham gia, ủng hộ, tiếp tế của nhân dân Cù lao Tây. Sau đó, chúng phản công càn quét nghĩa quân, Kim Chung hy sinh, lãnh binh Nguyễn Hương trốn thoát, riêng Quản Bạch bị giặc bắt, chém bêu đầu ở Cần Lố.

Sau khi bình định xong các phong trào võ trang chiến đấu giành độc lập của nhân dân Nam kỳ, thực dân Pháp bắt tay vào việc phân định lại địa giới hành chính, tiến hành khai thác, bóc lột.

2. Làng Tân Quới ra đời và những năm tháng dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

Sau khi thực dân Pháp chiếm Nam kỳ, năm sau (1868) chúng đặt huyện Đông Xuyên vào hạt tham biện Châu Đốc. Từ 4 tổng với 33 thôn, chia thành 6 tổng với 50 làng. Thôn Tân Hưng trên Cù lao Tây được chia ra ba làng: Tân Huệ, Tân Quới và Tân Long. Làng Tân Quới nằm phía Đông - Bắc cù lao. Cũng như các làng khác ở Nam kỳ, chúng duy trì bộ máy hương chức cũ có từ thời nhà Nguyễn để cai trị và bóc lột, với

các chức danh: *huong cả, hương chủ (huong chánh), hương nhứt, hương nhì, hương lão, hương sư, hương trưởng, hương quân, hương lễ, hương nhạc, hương ẩm, hương văn, hương thân, hương hào, thôn trưởng (xã trưởng), thủ bộ, thủ chí, thủ khoán, câu đương, cai đình và một số phụ tá cho hương lễ, cai đình, hương ẩm, hương văn, thôn trưởng.*

Với cơ chế này; hương chức có nhiều quyền tự trị đối với chánh quyền cấp trên và khó kiểm soát được nhân dân trong làng. Rút kinh nghiệm từ kết quả cuộc đàn áp cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân (1872-1875), đến năm 1904 chúng thay đổi bằng Nghị định ngày 24/4/1904. Theo Nghị định này, hội đồng hương chức chỉ có 11 chức danh (không kể các chức danh phụ tá tức hương chức thứ) quyền hạn bị hạn chế rất nhiều so với trước đây đối với dân làng và với cấp trên: *huong cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương quân, hương bộ, hương thân, xã trưởng và hương hào*; chức danh mới là *chánh lục bộ* đã được thực dân Pháp bổ sung, song chưa được nằm trong hội đồng hương chức. Phải đến năm 1927, chức danh này mới được chánh thức nằm trong hội đồng, nâng số thành viên trong hội đồng lên đến 12.

Trụ sở làm việc của hội đồng hương chính làng Tân Quới là nhà việc nằm trong khuôn viên đình làng được xây dựng xong năm 1924. Đến nay, cả ba làng trên cù lao lưu truyền hai câu ca dao:

"Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long

Ba làng hiệp lại không xong làng nào".

Có giải thích cho rằng: hương chức của ba làng chểnh mảng không làm tròn chức trách do quan trên giao phó, mà cụ thể là trễ nải trong việc đăng nạp thuế hàng năm, bị quan chủ quận Tân Châu phê phán. Điều này xét ra chưa hợp lý, vì theo tinh thần Nghị định cải lương hương chính năm 1904, mà nhất là Nghị định năm 1927 thì, tính tự trị xã thôn không còn như dưới triều Nguyễn, hương chức và dân làng không có quyền hành rộng rãi như trước. Nếu vi phạm như giải thích thì hương chức sẽ bị chủ tỉnh cách chức. Thực ra đây là lời châm biếm của nhân dân đối với bọn hội tề chỉ biết bóc lột, hiếp đáp dân và nịnh bợ quan trên.

Ruộng đất ở Tân Quới tập trung cao độ vào tay một số ít đại điền chủ và nhà thờ. Trên Cù lao Tây thời này có năm đại điền chủ là cai tổng Phạm Hữu Giác, hội đồng Huỳnh Văn Lang (ở Tân Huệ), hương cả Trần Văn Túc (ở Tân Quới), cai tổng Lê Văn Đạm và hương quản Nguyễn Văn Gia (ở Tân Long). Riêng ở Tân Quới, một phần lớn ruộng đất còn ở trong tay các cha cố trong nhà thờ; ruộng đất này lên đến trên 600 héc-ta, cũng phát canh thu tô như ruộng đất của điền chủ; hàng năm nhà thờ thu trên 4.000 giạ lúa. Ngay cả nguồn lợi thủy sản tự nhiên trên rạch Mã Trường, vào mùa lũ chánh quyền thực dân cũng cho dấu thầu để lấy thuế sai viên. Người được thầu thường là các đại điền chủ. Đại bộ phận nông dân, tá điền vào

mùa này thường không còn đủ lúa ăn, nên chỉ trông cậy vào công việc chài lưới, lờ lộp... nhưng lại phải nộp thuế cho đại điền chủ.

Dưới thời Pháp thuộc, thuế là gánh nặng của nông dân nói chung. Người có vài mẫu ruộng hoặc tá điền chịu thuế cũng không khác nhau mấy; chỉ có khác ở chỗ là tá điền thì phải nộp lúa ruộng (địa tô) cho điền chủ, còn nông dân có một ít ruộng thì phải đóng thuế điền cho thực dân. Còn các thứ thuế khác thì hoàn toàn giống nhau.

Đầu tiên chúng qui định, về thuế điền: mỗi mẫu ta nộp 5Fr.; năm 1873 tăng lên 10Fr (tương đương 1,50\$). Năm 1897, chúng qui định mỗi mẫu ta bằng 3.680m² (trước đó là 4.970m²), sau đó lại rút xuống, mỗi mẫu ta chỉ có 3.600m². Như vậy thuế điền bị tăng hai chiều. Kế đến là thuế thân, người có điền sản (gọi là *hữu sản* hoặc *hàng sản*) đóng 5,50\$, người vô *hàng sản* đóng 4,50\$ một năm. Thuế chỉ bài trâu 5\$/con/năm. Khi giá lúa bấy giờ dao động từ 0,40\$ đến 0,50\$ một giạ (42 lít). Như vậy, một nông dân vô hàng sản hàng năm phải nộp thuế thân thôi cũng mất 10 giạ lúa. Còn hộ nông dân có khoảng 5 mẫu ruộng, với hai lao động và đôi trâu để cày bừa phải nộp:

- Thuế thân: 5,50\$ x 2 lao động = 11,00\$
- Thuế điền: 1,50\$ x 5 mẫu = 7,50\$
- Thuế trâu: 5\$ x 2 con = 10,00\$.

Tổng cộng = 28,50\$ (tương đương 57 giạ lúa)

Dưới thời Pháp thuộc, cũng như Tân Huệ và Tân Long, trên diện tích 28.100 ha đất tự nhiên của Tân Quới, có một diện tích khá lớn dành cho việc trồng dâu (nuôi tằm) trên vùng đất bồi ven sông. Lúc bấy giờ ở Tân Châu có hai hăng dệt tơ tằm: hăng Tằm Trên (ở ấp Long Hưng, xã Long Phú) và hăng Tằm Dưới (tại thị trấn Tân Châu). Cả hai đều do ông Bùi Quang Chiêu, Giám đốc Sở Canh nông Nam kỳ, lập vào năm 1909 và 1912, đã kích thích nghề trồng dâu trên đất bồi ở các cù lao trên sông Tiền.

Nông dân Tân Quới trồng dâu theo hai cách. Một là chặt hom dâu dài cỡ 20cm, rồi đem ra bãi đất đã chọn, dùng xuống đào lỗ đặt hom xuống, lấp đất lại. Hai là để nguyên cây dâu, cắm một năm khoảng 5 cây, trồng xuống, rồi dùng cây móc thật bén chặt lấy đi phần trên, chừa đoạn dưới cũng khoảng 20cm; còn đoạn trên trồng bụi khác. Cách này tiết kiệm được thời gian chặt hom trước. Mỗi công đất trồng được 36 hàng, mỗi hàng cách nhau 0,8m và mỗi bụi cách nhau 0,4m. Nếu gặp điều kiện thời tiết tốt, ba tháng sau là thu hoạch. Nơi đất cao, một năm thu hoạch 4 lứa, đất thấp 3 lứa; thường lứa thứ hai trở đi thu hoạch gấp đôi lứa đầu tiên. Khi thu hoạch, nông dân đốn sát gốc, bó lại từng bó, bán cho người nuôi tằm đem về xắt cho tằm ăn. Gốc dâu được tưới nước hay gặp mưa sẽ đâm chồi xanh tốt. Nên đất trồng dâu ở Tân Quới và cả vùng Tân Châu được gọi là *ruộng dâu*, chứ không phải *vườn dâu* như ở Cao Miên hay Cao Nguyên Nam Trung bộ và ở miền Bắc, vì ở đây người ta chỉ tuốt lá dâu chứ không đốn sát gốc.

Trước năm 1939, nghề trồng dâu chưa được nông dân ưa chuộng, vì hàng tơ lụa trong nước bị hàng Châu Âu, Trung Quốc và Nhật cạnh tranh mạnh, do kỹ thuật thủ công lạc hậu. Khi thế giới chiến tranh lần thứ hai (1939-1945) nổ ra, đường giao thương quốc tế bị trở ngại, hàng vải trở nên khan hiếm, có nhiều nơi đồng bào ta phải dùng bao bố tời hoặc đệm bàng để che thân. Đó là điều kiện kích thích ngành dệt tơ tằm ở Tân Châu phát triển, lôi cuốn nông dân trong vùng trồng dâu. Vào thời điểm này, một công dâu bán được từ 1.000\$ đến 1.500\$; người đương thời so sánh một bó dâu thôi, cũng bằng lương tháng của một tiểu công chức. Sau khi chiến tranh chấm dứt, hàng vải các nước phương Tây tràn ngập, nhứt là hàng của Pháp làm cho hàng tơ tằm Tân Châu và nghề trồng dâu bị bóp chết. Với chủ trương nâng đỡ nền công nghiệp chính quốc, thực dân Pháp hẳn tâm để cho một ngành thủ công truyền thống mai một. Nông dân trồng dâu ở Tân Quới đành phải chuyển sang trồng lúa để chịu cảnh bóc lột như bao nông dân khác ở Cù lao Tây.

Đến năm 1954, nghề trồng dâu nuôi tằm ở Tân Quới chỉ còn tập trung ở ấp Hạ và một ít hộ ở ấp Thượng. Nông dân làm tơ sống đem đi bán ở Chợ Vàm, Tân Châu, Chợ Thủ.

Một đặc điểm xã hội nổi bật khác ở Tân Quới đáng lưu ý là phần lớn nhân dân trong làng còn bị chi phối, khống chế về tinh thần của hai tôn giáo Thiên Chúa và Phật giáo Hòa Hảo.

Tân Quới là nơi tọa lạc nhà thờ lớn nhất và cai quản toàn bộ giáo dân trên cù lao, nên có tên là nhà thờ Cù lao Tây. Vào đầu thế kỷ XX, đây là một trong hai nhà thờ lớn nhất trong tỉnh Châu Đốc. Toàn tỉnh có 3.399 giáo dân, một phần lớn ở Cù lao Tây. Nhà thờ vừa quản lý một bộ phận đất đai và toàn bộ giáo dân trong làng; Cha sở họ đạo nắm *phần hồn* của giáo dân. Đặc điểm này có ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt sinh hoạt xã hội đối với nhân dân trong làng. Sau năm 1939, khi Phật giáo Hòa Hảo phát triển mạnh trên Cù lao Tây, đặc điểm tôn giáo này càng nổi bật hơn, có tác động tiêu cực đến quá trình hình thành và phát triển các phong trào cách mạng ở địa phương.

PHẦN THỨ HAI

TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ TÂN QUỚI (1930-1975)

Chương I

TỪ VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Cùng tọa lạc trên đất Cù lao Tây, song là một làng có nhiều đồng bào theo đạo Thiên Chúa lâu đời với tổ chức và sinh hoạt xã hội nằm trong phạm vi khống chế của Cha xứ và nhà thờ về tinh thần lẫn kinh tế. Nhà thờ dùng ruộng đất để khuyến dụ mọi người vào đạo qua ruộng đất, địa tô (lúa ruộng) nhà thờ chi phối giáo dân trong mọi sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Song, trước phong trào cách mạng đang lên trong cả nước và trong vùng, mà cụ thể là phong trào của Tân Huê và các làng thuộc tổng Phong Thạnh Thượng, nhân dân Tân Quới - trong đó có cả một bộ phận giáo dân - ngày càng bị cuốn hút vào sự nghiệp đấu tranh đòi độc lập dân tộc và quyền sống của dân tộc.

1.- Ảnh hưởng của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng ở tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây đối với nhân dân xã Tân Quới.

Sau cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đội tiên

phong của giai cấp công nhân trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Trong khi đó, các phong trào yêu nước đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam đều bị thực dân Pháp đàn áp, khủng bố, lâm vào tình trạng bế tắc về đường lối. Vượt lên nhiều sĩ phu, thanh niên yêu nước khác, Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài, tìm phương cứu nước. Người tiếp xúc nhiều chủ nghĩa, lý thuyết, nhưng thấy chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin là phù hợp cho Việt Nam vận dụng để giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.

Sau bao năm bôn ba nhiều nơi trên thế giới, năm 1925 Người về Quảng Châu (Trung Quốc), tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên⁽¹⁾ (VNCMTN), đào tạo những thanh niên ưu tú trong nước thành những hạt nhân cách mạng, rồi về nước tuyên truyền, vận động, tổ chức lực lượng cách mạng. Đến năm 1927 có nhiều tổ, chi hội VNCMTN được thành lập ở Nam kỳ; ở tỉnh Sa Đéc thành lập được 7 tổ, ở tỉnh Châu Đốc cũng đã có nhiều tổ xuất hiện hoạt động khá mạnh.

Do vị trí khá đặc biệt của quận Hồng Ngự, nên lúc này, Hồng Ngự được tiếp xúc với tổ chức VNCMTN từ hai hướng. Một hướng từ chi hội Hòa An (Cao Lãnh) lên hoạt động ở các làng thuộc phía bắc sông Tiền là Thường Lạc, Thường Phước...; một hướng từ chi hội Chợ Mới đến tổng Phong Thạnh Thượng và các cù lao trên sông Tiền để vận động và tổ chức quần chúng yêu nước. Riêng Cù lao Tây, tỉnh hội VNCMTN

(1) Còn gọi là Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Châu Đốc cử đồng chí Trần Văn Thạnh về xây dựng cơ sở ở hai làng Kiến An (thuộc quận Chợ Mới, Long Xuyên) và Tân Huê. Còn các đồng chí Nguyễn Văn Cung cùng anh là Nguyễn Văn Cái và Lê Văn Nhung phụ trách cả Cù lao Tây. Các đồng chí Trần Văn Thạnh và Nguyễn Văn Cung cùng Nguyễn Văn Tây (bí danh Thanh Sơn), nguyên là học sinh trường trung học Cái Khế, Cần Thơ. Tây học sau Thạnh và Cung một lớp. Sau vụ bãi khóa do lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, cả hai bị đuổi học một năm. Năm sau cả ba cùng sang Quảng Châu dự khóa huấn luyện thứ ba do Tổng bộ VNCOMTN tổ chức.

Cuối năm 1927, Chi hội VNCOMTN Long Điền - Chợ Mới được thành lập đầu tiên ở tỉnh Long Xuyên. Chi hội tích cực đi vào quần chúng xây dựng cơ sở, vận động tuyên truyền giác ngộ cách mạng, vạch trần tội ác của bọn quan lại, làng lính và bọn thực dân cướp nước; trên cơ sở đó, tuyên truyền yêu nước chống ngoại xâm, về cách mạng vô sản, về đường lối cứu nước... nhằm khuấy động phong trào đấu tranh trong nhân dân. Từ đó phát hiện những thanh niên tích cực, nòng cốt kết nạp vào hội, tạo điều kiện cho Chi hội tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây hình thành. Trong thời gian này khu vực tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây còn chịu sự tác động của chi hội Hòa An (Cao Lãnh). Tháng 5 năm 1928, anh Phan Văn Túy (Mười Giải), một thợ bạc ở Bình Thành (tổng Phong Thạnh Thượng) được kết nạp vào Chi hội VNCOMTN Hòa An (Cao Lãnh). Mấy tháng sau các anh Nguyễn Văn Kiệt, Lê Văn Tường... ở Tân Huê cũng được kết nạp vào hội. Đó là những

hạt giống đỏ đầu tiên của tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây. Các đồng chí này tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng khơi dậy tinh thần yêu nước và cứu nước bằng con đường Cách mạng Tháng Mười Nga. Đến cuối năm 1928, đầu năm 1929 trên địa bàn Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây có bốn chi hội lần lượt ra đời ở các làng Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh và Tân Huệ. Đây là các tổ chức tiền thân của Đảng, chuẩn bị tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của các Chi bộ Đảng Cộng sản sau này.

Cho tới lúc bấy giờ Chi hội Tân Huệ là chi hội duy nhất trên cù lao. Hoạt động của chi hội này phần lớn thông qua những tổ chức mang tính chất công khai, hợp pháp dưới nhiều hình thức như vạ cấy, tổ lợp nhà, hội đá banh, hội tương tế, hội nhà vàng... để tập hợp quần chúng, giáo dục lòng yêu nước, kêu gọi đoàn kết, tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau; qua đó từng bước nâng cao ý thức, giác ngộ cách mạng của quần chúng. Chi hội còn lập ra tổ chức "Nông hội đỏ", có nhiệm vụ vận động nông dân đấu tranh chống tăng lúa ruộng (địa tô), chống áp bức, kêu gọi đoàn kết đứng lên chống đế quốc thực dân Pháp và bọn quan làng đòi công bằng xã hội. Hoạt động của chi hội có ảnh hưởng tốt, gây tiếng vang khắp cù lao. Tuy nhiên không như địa phương khác, Cù lao Tây là nơi tập trung nhiều người theo đạo Thiên Chúa. Do đó, ảnh hưởng hoạt động của các chi hội VNCOMTN chỉ có tác động nhất định đối với một bộ phận tín đồ. Các ảnh hưởng này chưa đủ mạnh để thức

tỉnh họ, giúp họ thoát ra khỏi sự khống chế của niềm tin tôn giáo và sự quản lý của nhà thờ. Thế nên, cho đến lúc này, vùng đông giáo dân trên cù lao như Tân Quới chưa xuất hiện những hạt nhân tiêu biểu tạo ra cơ sở cho hội bắt rễ và phát triển. Tuy vậy, một bộ phận không nhỏ nông dân nghèo khổ ở Tân Quới đang còng lưng dưới ách thống trị và bóc lột của bọn làng lính, đang trông chờ sự xuất hiện một "vận hội mới" như các làng xóm lân cận. Tháng 11 năm 1929, Đảng Cộng sản An Nam ra đời tại Nam kỳ. Các chi bộ đảng lần lượt ra đời ở Cao Lãnh, Chợ Mới. Sau hội nghị hợp nhứt ở Hương Cảng (3/2/1930), Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức thành lập, để thống nhứt hành động, các Xứ ủy được thành lập; từ đó Đặc ủy Hậu Giang ra đời để chỉ đạo phong trào cách mạng trong khu vực.

Thực hiện chủ trương đưa các bộ về nông thôn xây dựng cơ sở của Đảng, Đặc ủy Hậu Giang cử đồng chí Trương (tức Hùng)⁽¹⁾ về Bình Thành hoạt động cùng với đồng chí Phan Văn Túy. Ngày 10/2/1930 Chi bộ Đảng Cộng sản xã Bình Thành được thành lập gồm ba đồng chí Phan Văn Túy, mẽ và Hoài; do đồng chí Túy làm Bí thư. Đây là Chi bộ đầu tiên của tỉnh Long Xuyên. Đến tháng 4, ở khu vực tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây có thêm bốn chi bộ nữa là Tân Phú, Tân Thạnh, An Phong và Tân Huệ. Sự ra đời của các Chi bộ Đảng

(1) *Lịch sử truyền thống Cách mạng huyện Thanh Bình, Tập I (1930-1945), Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thanh Bình xuất bản năm 1986, tr.21.*

ở khu vực là kết quả tất yếu của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong trào công nhân, phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác-Lênin đã được Nguyễn Ái Quốc sàng lọc, tinh luyện phù hợp với hoàn cảnh xã hội nước ta, đáp ứng yêu cầu bức thiết của nhân dân trong khu vực. Từ đây nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây cùng với nhân dân cả nước luôn luôn tin tưởng Đảng và theo Đảng làm cách mạng, trước hết là tấn công vào bọn đế quốc thực dân và tay sai phong kiến. Trước cao trào cách mạng đang lên trong phạm vi toàn quốc, nhân dân Tân Quới cũng như nhân dân ở nhiều địa phương khác, dù chưa có sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng địa phương nhưng vẫn cuốn hút vào dòng xoáy cách mạng, hưởng ứng các cuộc đấu tranh do Đảng phát động đòi quyền dân sinh dân chủ...

Là thuộc địa của thực dân Pháp, Nam kỳ chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1930, đời sống của nhân dân lao động, như là nông dân và công nhân vốn đã cùng cực lại càng cùng cực hơn. Để cứu vãn nền kinh tế chính quốc, thực dân cấu kết với bọn tay sai tăng cường vơ vét, bòn rút sức người, sức của, bóp chết mọi quyền sống của nhân dân. Đã đến lúc nhân dân Việt Nam phải đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, giải phóng con người ra khỏi mọi áp bức, xây dựng xã hội mới. Lần này khác hẳn với bao lần trước, cuộc cách mạng được sự lãnh đạo, tổ chức của một chính Đảng của giai cấp vô sản.

Vào đầu năm 1930, trên khắp cả ba miền Nam Trung Bắc, công nhân, nông dân, nhân dân mọi giới đứng lên đấu tranh đòi quyền sống. Mở đầu là cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (cuối tháng 1 năm 1930), công nhân dệt Nam Định (3/1930), cuộc bãi công của công nhân nhà máy Diêm Bến Thủy (19/4/1930), cuộc đấu tranh của nông dân Nghệ An, cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc Dân Đảng lãnh đạo... Những cuộc đấu tranh lớn nói trên là những "phát pháo hiệu" mở đầu cao trào cách mạng mới ở Việt Nam. Trước tình hình đó, Đảng chủ trương phát động một cuộc đấu tranh rộng lớn trên toàn quốc nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5.

Hai cuộc biểu tình lớn nổ ra vào ngày 1/5 của nhân dân bốn làng Bình Thành, Tân Phú, Tân Thạnh, An Phong tại nhà cai tổng Cần (ở Bình Thành) và ngày 3/5 của nhân dân Bình Thành, Tân Thạnh, Mỹ Lương, Tấn Đức và các xã quanh vùng Cao Lãnh kéo đến dinh quận Cao Lãnh đấu tranh đòi hoãn thuế thân, thả người bị bắt vì thiếu thuế, thiếu xâu, bỏ phạt vạ vô cơ... Thắng lợi bước đầu đã kích thích, châm ngòi nổ cho phong trào đấu tranh của nhân dân vùng Cao Lãnh, Phong Thạnh Thượng, Chợ Mới... Ngày 9/5, thi hành mệnh lệnh của Đảng, nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây, gần một ngàn người do các chi bộ Đảng địa phương lãnh đạo, vượt sông Hậu kéo sang phối hợp với nhân dân Chợ Mới tiến về dinh quận, buộc quận trưởng Văn Thế Lộc chấp nhận yêu sách: hoãn thuế thân và thả những người bị bắt vì thiếu thuế, thiếu xâu...

Đây là lần đầu tiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Chợ Mới cùng nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây nổi lên đấu tranh giành thắng lợi. Qua đấu tranh, ý thức cách mạng của quần chúng ngày càng được củng cố và phát triển, ảnh hưởng mạnh đến con em địa chủ, tề xã và cả đồng bào có đạo trên cù lao. Ở Tân Quới, mặc dù chưa có tổ chức Đảng, nhưng đã có nhiều đồng bào tham gia ủng hộ các cuộc đấu tranh. Thực dân Pháp hoảng sợ trước xu thế phát triển của phong trào quần chúng, chúng tăng cường lính, mật thám, tay sai, ngày đêm rình mò, truy bắt người tham gia phong trào, đảng viên lãnh đạo. Tháng 4/1931, một đơn vị tay sai (gốc Khmer), được chúng điều từ Châu Đốc xuống, ngày đêm bố ráp, lùng sục ở các làng Thường Thới, Long Thuận, Tân Quới. Nhiều đảng viên và quần chúng bị bắt...⁽¹⁾ Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng, cuộc đấu tranh của nhân dân Cao Lãnh, Phong Thạnh Thượng, Chợ Mới và nhất là cuộc đấu tranh của nhân dân Tân Huê trong cao trào 1930-1931 có ảnh hưởng tích cực, trực tiếp đối với nhân dân Tân Quới.

Từ đó, nhân dân Tân Quới từng bước thoát dần ra khỏi sự ràng buộc của tôn giáo, hòa nhập vào cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sau một thời gian thoái trào, từ tháng 10/1931 đến 1935 các chi bộ lần lượt khôi phục, củng cố và phát triển. Trên Cù

(1) *Nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng của nhân dân Hồng Ngự, 1986, tr.27*

lao Tây, cuối năm 1932, Chi bộ Tân Huê được củng cố, đồng chí Nguyễn Văn Chơn được cử làm Bí thư. Qua năm 1933, ban ấn loát được lập lại, tài liệu, truyền đơn được in ấn và chuyển đi nhiều làng quanh vùng, hâm nóng lại phong trào⁽¹⁾. Cuối năm 1933, phong trào cách mạng dần dần được khôi phục khắp nơi, một số đảng viên ra khỏi nhà tù trở về tiếp tục tham gia hoạt động tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh đòi quyền sống, chống khủng bố... có tác động mạnh đến việc củng cố phong trào, phát triển cơ sở.

Trong khi đó, hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) làm cho mâu thuẫn xã hội ở các nước đế quốc ngày một sâu sắc. Để đối phó, chúng tiến hành thực hiện chế độ độc tài phát xít, thủ tiêu quyền tự do dân chủ. Trước tình hình đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII (tháng 3/1935) chỉ đạo các Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân trên thế giới phải đoàn kết thống nhất đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít, bảo vệ dân chủ và hòa bình thế giới. Tháng 6 năm 1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp (Chính phủ Bình dân) lên cầm quyền, ban hành nhiều chính sách tiến bộ, có ảnh hưởng thuận lợi đến tình hình cách mạng Đông Dương. Hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng ta (tháng 7/1936), chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, đề ra mục tiêu đấu tranh chống chế độ phản động ở thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc,

(1) *Lịch sử truyền thống - Cách mạng xã Tân Huê 1930-1975 (sơ thảo) - tr.32-33.*

đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình; chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

Để có bản *Dân nguyện* phản ánh trung thực chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp trước đây ở Đông Dương gửi lên Chính phủ Bình dân Pháp, Đảng ta phát động quần chúng trong cả nước khẩn trương thành lập các Ủy ban hành động, thu thập nguyện vọng của nhân dân để chuẩn bị tiến tới Đại hội Đại biểu Đông Dương thông qua bản *Dân nguyện*. Ngày 13/8/1936, Ủy ban hành động tỉnh Long Xuyên thành lập tại Mỹ Luông - Chợ Mới.

Quận ủy Chợ Mới chỉ đạo các làng phải ráo riết vận động và thành lập Ủy ban hành động. Ở tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây, Ủy ban hành động các làng Tân Huệ, Tân Phú, Tân Thạnh, Bình Thành, Tân Long lần lượt ra đời. Đến tháng 9, Ủy ban hành động Tân Quới ra đời. Ủy ban hoạt động công khai, lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ, lập bản dân nguyện gửi cho Chính phủ Bình dân Pháp. Qua phong trào, Đảng phát động nhân dân đấu tranh, tố giác tội ác, kích thích lòng căm thù đối với chính quyền thực dân và bọn địa chủ phong kiến tay sai. Cũng như các Ủy ban khác, Ủy ban hành động Tân Quới tổ chức nhân dân mít tinh, biểu tình đòi Chính phủ Pháp phải thực hiện cải cách dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, qua đó truyền bá chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh chống bọn tề xã, bọn quan làng cấu kết với những người lợi dụng tổ chức đạo bóc lột, khống chế nhân dân nhiều mặt. Từ

đó phong trào quần chúng công khai hình thành và phát triển, tạo điều kiện cho nhân dân như là đồng bào có đạo trong làng mạnh dạn bày tỏ nguyện vọng của mình. Lê Văn Đượm, cai tổng Cù lao Tây khét tiếng ác ôn, đàn áp nhân dân, làm cai tổng từ năm 1929, đành phải làm ngõ trước phong trào quần chúng công khai. Để giúp cho phong trào đấu tranh dân chủ công khai phát triển đều khắp trên cù lao, cuối năm 1936, Chi bộ Tân Huê họp tại nhà đồng chí Hứa (đây cũng là trụ sở bí mật của chi bộ) chủ trương tiến hành Đông Dương Đại hội nhân dân ba làng Tân Huê, Tân Quới, Tân Long.

Đầu năm 1937, Đại hội diễn ra công khai tại Miếu Bà (còn gọi là miếu Chú Dầu nay thuộc ấp Tân An, xã Tân Huê) thu hút đông đảo đồng bào các giới trên toàn cù lao, có đại diện của đồng bào các làng xã chung quanh như Kiến An, Tấn Mỹ... có cả quận trưởng Hồng Ngự, Nguyễn Văn Phẩm và đồng chí Ung Văn Khiêm. Trong buổi mít tinh, đồng chí Lê Văn Tường, thay mặt Ban tổ chức Đại hội trình bày tình hình hiện thời và yêu cầu bức thiết của nhân dân. Quần chúng tham dự hô vang các khẩu hiệu: "*Ứng hộ Mặt trận nhân dân Pháp chống Phát xít*", "*Ứng hộ Chánh phủ Léon Blum*", "*Chống chiến tranh phát xít, đòi dân chủ, hòa bình, giảm sưu, giảm thuế...*". Nhiều đồng bào phát biểu chất vấn quận trưởng Hồng Ngự, buộc y phải trả lời trực tiếp những câu hỏi của quần chúng và hứa sẽ trình lên chánh quyền cấp trên. Đại hội chẳng những gây tiếng vang trên cù lao mà còn lan rộng ra các làng chung quanh. Song song

với phong trào Đông Dương Đại hội, các làng còn tổ chức các hội quần chúng công khai hoặc nửa công khai như hội ái hữu, hội cứu tế, hội nhà vàng, hội lợn nhà, hội đá banh, hội báo chí... hoạt động của các tổ chức này khá sôi nổi và đạt được thành tích đáng kể.

Đầu năm 1937, lợi dụng việc đoàn phái viên của Chính phủ Pháp đến Đông Dương nắm tình hình, trong đoàn đến Chợ Mới có một thành viên là Hônêl, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, Đảng bộ Chợ Mới chỉ đạo các làng tập hợp khoảng 3.000 dân đến Chợ Mới đón tiếp phái đoàn và trao bản Dân nguyện. Một số quần chúng trung kiên ở Cù lao Tây do các đảng viên hướng dẫn kéo qua Chợ Mới tham gia⁽¹⁾.

Phong trào vận động dân chủ công khai ở Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây phát triển sôi nổi mạnh mẽ, chúng tổ chức trưng chuyển hướng hoạt động của Đảng là kịp thời và đúng đắn, đáp ứng được nguyện vọng bức thiết của nhân dân. Nên chẳng những đẩy mạnh phong trào quần chúng, mà còn lôi cuốn được một số hương chức làng xã tham gia.

2.- Phong trào đấu tranh của nhân dân Tân Quới dưới sự lãnh đạo của Đảng (1938-1945).

Đầu năm 1938, Mặt trận Nhân dân Pháp bị đổ, bọn tư sản phản động (cánh hữu) đưa Daladier lên nắm quyền. Chúng bóp

(1) *Lịch sử truyền thống - Cách mạng xã Tân Huệ 1930-1975 (sơ thảo) XB 2000 - tr.38*

chết các quyền tự do dân chủ cơ bản ở chính quốc và thuộc địa. Ở Đông Dương bọn thực dân phản động quay sang đàn áp khủng bố phong trào dân chủ; ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản, các tổ chức trực thuộc và liên quan; thành viên các Ủy ban hành động, đảng viên, quần chúng tích cực... bị bắt giam, cấm hội họp; khủng bố diễn ra khắp nơi. Đảng ta nhanh chóng chủ trương chuyển hướng hoạt động, rút vào bí mật, chuẩn bị đưa hoạt động cách mạng sang hình thức khác phù hợp với tình hình mới.

Để lãnh đạo phong trào trên Cù lao Tây, đồng chí Nguyễn Văn Chơn, Huyện ủy viên huyện Hồng Ngự được cử phụ trách toàn bộ Cù lao Tây. Nhân dân Tân Quới đã cùng nhân dân Tân Huệ, Tân Long và nhân dân tổng Phong Thạnh Thượng bước vào cuộc chiến đấu mới quyết liệt hơn.

Mặc dù không có chi bộ trực tiếp lãnh đạo, phong trào không mạnh bằng địa phương khác, song do tác động của phong trào chung và sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Chơn, Tân Quới cũng góp phần đưa phong trào chung trên toàn cù lao và tổng Phong Thạnh Thượng.

Tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 6 năm 1940, phát xít Đức đánh chiếm nước Pháp. Ở Đông Dương, Nhật xúi giục Thái Lan gây chiến với Pháp. Để đối phó với tình hình, thực dân Pháp ở đây ra lệnh tổng động viên, thi hành chính sách "kinh tế chỉ huy" nhằm vơ vét sức

người, sức của cung ứng cho chiến tranh đế quốc. Đồng thời chúng tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng mà chủ yếu là Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức quần chúng chung quanh Đảng. Chánh sách đàn áp khủng bố, bóc lột của thực dân làm cho nhân dân ta vốn căm thù chúng lại càng căm thù thêm.

Trước tình hình diễn biến ngày một phức tạp, Trung ương Đảng họp hội nghị ở Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) đã kịp thời chỉ đạo chuyển hướng chiến lược từ đấu tranh hợp pháp đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh giải phóng dân tộc, chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế. Dựa vào Nghị quyết Trung ương VI và tình hình thực tế ở Nam kỳ, tháng 3/1940, Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ phổ biến đến các địa phương bản "*Đề cương chuẩn bị khởi nghĩa*". Tháng 7, họp Hội nghị Xứ ủy mở rộng đánh giá tình hình, chỉ đạo chuẩn bị, tổ chức lực lượng khởi nghĩa.

Sau hội nghị, các tỉnh ráo riết chuẩn bị mọi mặt cho công cuộc khởi nghĩa. Ở khu vực tổng Phong Thạnh Thượng và Cù lao Tây, được sự chỉ đạo của Liên tỉnh ủy: Tỉnh ủy Long Xuyên cử đồng chí Lương Văn Cù về Chợ Mới, Tỉnh ủy Châu Đốc cử đồng chí Nguyễn Văn Bồi về Tân Huê trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa trên Cù lao Tây. Trên Cù lao Tây lúc bấy giờ chỉ có Chi bộ Tân Huê là chi bộ mạnh với 13 đảng viên, trong đó có nhiều đảng viên có năng lực và kinh nghiệm hoạt động. Còn hai làng Tân Long và Tân Quới chưa có chi bộ Đảng. Với

tư cách lãnh đạo trực tiếp, đồng chí Bồi chỉ đạo Chi bộ Tân Huê phải điều đảng viên sang hỗ trợ. Do đó, các bước chuẩn bị khởi nghĩa cũng được khẩn trương thực hiện. Quần chúng được tổ chức thành nhóm: Nông hội đỏ, Thanh niên, Phụ nữ phản đế...

Tình hình trên cù lao bây giờ đang gặp nhiều khó khăn. Ngoài việc bọn hội tề các làng được bọn mật thám tỉnh, quận về hà hơi tiếp sức, tăng cường rình rập, lùng sục ngày đêm; bọn lính ở đồn Tân An (Tân Huê) do tên cai Chi chỉ huy, bố ráp thường xuyên trên khắp Cù lao Tây. Tuy vậy, mặc dù lực lượng chưa mạnh, quần chúng vẫn háo hức trông chờ ngày hành động. Chấp hành sự chỉ đạo của trên, chủ trương khởi nghĩa của Xứ ủy và Tỉnh ủy được đồng chí Lê Văn Bá (Bá Hiến) phổ biến, các đảng viên của chi bộ trên Cù lao Tây khẩn trương vận động quần chúng nhứt là thanh niên nhiệt tình, biên chế thành tổ, nhóm. Đội du kích được thành lập, đội trang bị bằng vũ khí tự tạo từ các lò rèn của các ông Sáu Thanh, Tám Hứa và Lê Thành Vạn (Tur Đình); đội thường xuyên luyện tập võ nghệ chờ ngày hành động. Một bộ phận phụ nữ lo quyền góp tiền bạc, lương thực, may cờ búa liềm... Các hoạt động chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra rất khẩn trương.

Theo đúng kế hoạch, đêm 22 rạng 23/11/1940, hơn 100 người võ trang giáo mác, gậy gộc, mặc áo quần đen, khăn choàng tấm cột ngang lưng... tập hợp dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Văn Bá (Bá Hiến), để nghe đồng chí Nguyễn Văn Bồi

truyền lệnh khởi nghĩa và phân công. Đoàn người khởi nghĩa do đồng chí Tám Thu chỉ huy, chia làm ba mũi: mũi trên do đồng chí Lê Thành Vạn (Tư Đình), mũi dưới do đồng chí Sáu Tánh và mũi giữa do đồng chí Lê Bá Hường (Sáu Thiên) đảm trách. Cả ba bí mật kéo đến ấp Tân An (Tân Huệ) áp sát đồn lính trước nhà cai tổng Giác do cai Chi chỉ huy; chờ khi có tiếng pháo tre làm hiệu thì nhứt tề xung phong công đồn, cướp vũ khí địch trang bị cho mình.

Do kế hoạch bị lộ từ trên, nên địch được lệnh đề phòng cẩn mật, canh gác chặt chẽ, trong đồn đèn sáng rực. Thấy tấn công không thể thắng lợi được, ban lãnh đạo khởi nghĩa ra lệnh rút lui để bảo toàn lực lượng. Ngay ngày hôm sau, địch đối phó bằng cách điều một trung đội mã tà, lính kín (mật thám) từ Châu Đốc xuống phối hợp với bọn lính ở ấp Tân An (Tân Huệ) do tên đội Cale chỉ huy phối hợp với bọn lính ở đồn cả Chon (Tân Quới) lùng sục khắp ba làng trên cù lao bắt bớ, đánh đập, đốt nhà... những người tham gia hoặc ủng hộ khởi nghĩa mà chúng dò la biết được; nhiều người bị đi tù ở Bà Rá, Côn Đảo. Bọn tay sai nhân cơ hội này ra sức trả thù, trả oán, vu cáo để bắt người, cướp của, buộc nhiều người phải ngủ tập trung và đi trình diện định kỳ... Không khí hoang mang bao trùm khắp nơi, quần chúng dao động, tìm cách dựa vào tôn giáo để được yên thân, làm cho Tân Quới là làng vốn đông giáo dân đạo Thiên Chúa, nay lại càng tăng lên; thêm vào đó Phật giáo Hòa Hảo, một đạo mới ra đời có cơ hội phát triển rất nhanh.

Mùa lũ năm 1940 nước lên cao, nông dân mất mùa, giá lúa gạo tăng vọt và do ảnh hưởng chiến tranh thế giới lần thứ II (1939-1945), việc giao thương bị trở ngại làm cho các mặt hàng thiết thực đối với nông dân như vải vóc, dầu lửa, muối trở nên khan hiếm... làm cho đời sống nhân dân nói chung vô cùng chật vật.

Trong khi đó, tháng 2 năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Tháng 5, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ VIII, đề ra chủ trương "*Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận lợi hơn cả mà đánh bại kẻ thù*"⁽¹⁾. Nghị quyết đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh và các hội Cứu quốc. Đầu năm 1942, Nghị quyết của Trung ương về đến Hồng Ngự. Tháng 4/1942, Nghị quyết VIII được đồng chí Bảy Sùng phổ biến cho Chi bộ Long Khánh. Sau đó nhiều đảng viên của Chi bộ Long Khánh được phân công đến các chi bộ trên Cù lao Tây phổ biến nội dung Nghị quyết. Tháng 7 năm 1942, đồng chí Bùi Văn Dự, Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang về Cù lao Tây củng cố cơ sở Đảng và chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1943, Mặt trận Việt Minh ở Tân Quới được thành lập. Các tổ chức Thanh niên, Phụ nữ phản đế, Nông hội đỏ... được củng cố và đổi tên thành hội Thanh niên cứu quốc, Phụ

(1) Văn kiện Đảng (1939-1945) Ban NCLSD TU, H.1964 - tr.213.

nữ cứu quốc... Nói chung phong trào cách mạng được khôi phục từng bước, nhân dân hăng hái tham gia các đoàn thể, không khí hoang mang lẫn hồi tàn lụi. Để đáp ứng yêu cầu cách mạng ngày càng cao, cần có sự thống nhất trong toàn quận; được Liên Tỉnh ủy Hậu Giang chấp thuận, ngày 22/12/1944 Quận ủy lâm thời quận Hồng Ngự được thành lập, gồm các đồng chí: Phan Văn Cai, Lê Thành Vạn (Tur Dinh), Lê Văn Hiến, Trần Văn Sớ, Quí, Cứng, Chê, Vạn, Long. Quận ủy do đồng chí Phan Văn Cai làm Bí thư. Đồng chí Lê Thành Vạn (Tur Dinh) được phân công phụ trách ba làng trên Cù lao Tây.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chánh lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương, một vận hội mới mở ra cho cách mạng nước ta. Đảng ta nhanh chóng chớp lấy thời cơ. Ngay trong đêm đó Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng và ngày 12/3 ra chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*. Chỉ thị nêu rõ: *"Cuộc đảo chánh đã tạo ra một tình hình khủng hoảng chánh trị sâu sắc, làm cho những điều kiện của cuộc khởi nghĩa đi đến chín muồi nhanh chóng. Nhiệm vụ của Đảng là gấp rút chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước"*.

Đúng như chỉ thị đã nêu. Sau khi đảo chánh xảy ra, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngày nay, mặc dù Nhật chỉ thành lập bộ máy thống trị ở Sa Đéc, Cao Lãnh và Hồng Ngự, còn cấp cơ sở, chúng giữ nguyên bộ máy thống trị cũ, nhưng bọn tay

sai của Pháp vô cùng hoang mang, rệu rã nhiều tên bỏ trốn, đồn bót trống không... tình trạng vô chánh phủ, hỗn loạn, cướp bóc xuất hiện. Một số người đứng đầu đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo khẩn trương thành lập các đội võ trang, với danh nghĩa bảo vệ đạo, an ninh trật tự, nhưng thực chất là dựa vào Nhựt thành lập lượng lực chuẩn bị nắm chánh quyền. Bọn lưu manh lợi dụng tình hình, nổi lên cướp phá tài sản nhân dân; một số người cũng nhân cơ hội này tự động trả thù, trả oán; nông dân ở vài nơi nổi dậy đốt nhà, triệt hạ tài sản của địa chủ. Trong khi đó bọn tay sai Nhựt ở Hồng Ngự ra sức hô hào, cổ động chánh sách Đại Đông Á của Nhựt, kêu gọi lôi kéo thanh niên tham gia vào các tổ chức thân Nhựt. Tình hình chánh trị - xã hội trên Cù lao Tây diễn biến ngày một phức tạp.

Trước tình hình đó, được lệnh của Quận ủy Lâm thời Hồng Ngự, các đảng viên, cán bộ ở Cù lao Tây ra sức giải thích cho đồng bào thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, khuyên đồng bào bình tĩnh chờ đợi lệnh trên, không được nôn nóng manh động. Tháng 4, Chỉ thị "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Trung ương truyền đến Hồng Ngự. Để chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa, Quận ủy thực hiện chủ trương của trên là kiện toàn tổ chức Thanh niên Tiền Phong ở Hồng Ngự và chỉ đạo mỗi làng phải thành lập các đội Thanh niên Tiền Phong. Ở Tân Quới tổ chức này thu hút được nhiều thanh niên; lúc đầu do anh Nguyễn Văn Tấn làm thủ lĩnh, trang bị giáo mác, gậy tầm vông và một khẩu súng săn; ban ngày luyện tập

võ nghệ, ban đêm canh gác tuần tra, bảo vệ trật tự an ninh xóm ấp. Sau phát triển lên đến khoảng 80 thanh niên, do Thái Văn Võ (Giáo Võ) làm thủ lĩnh⁽¹⁾. Cũng như các làng khác trên Cù lao Tây, bên cạnh các tổ chức cứu quốc bí mật, bất hợp pháp; Thanh niên Tiền phong là tổ chức hợp pháp, công khai dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh cùng chuẩn bị lực lượng, chờ đợi thời cơ khởi nghĩa.

Để kiểm tra lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa, tháng 5 năm 1945, Quận ủy tổ chức báo động diễn tập trong tình huống giả định là thực dân Pháp cho quân Cao Miên từ biên giới tràn qua đánh vào thị trấn Hồng Ngự. Lập tức lệnh được truyền đi khắp nơi, quần chúng nổi dậy đánh mõ tre, thùng thiếc... Các đội Tự vệ, Thanh niên Tiền phong có mặt tại vị trí sẵn sàng chiến đấu. Trước khí thế cách mạng sôi nổi của quần chúng, bọn lính ngụy của Nhựt tại thị trấn hoảng sợ nộ súng cho ta và bỏ trốn⁽²⁾.

Sau cuộc diễn tập, khí thế chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong nhân dân Hồng Ngự ngày một lên cao. Nhiều nơi nông dân không nộp tô, thuế; các tổ chức Thanh niên Tiền phong, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Mặt trận Việt

(1) Hồi ký Lưu Công Danh, cán bộ hưu trí, ngụ tại 6D, Điện Biên, TX Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(2) Nửa thế kỷ đấu tranh CM... Hồng Ngự, Sđd, tr.44.

Minh phát triển nhanh chóng; phong trào tự vệ trang, luyện tập võ nghệ với vũ khí tự tạo phát triển tràn lan khắp xóm ấp... Phong trào cách mạng quần chúng càng phát triển làm cho bộ máy chánh quyền tay sai Nhựt càng hoang mang hơn.

Trong lúc đó, tình hình thế giới diễn biến hết sức thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, Đầu tháng 5, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh trên chiến trường Châu Âu; ở Châu Á, ngày 8/8 Hồng quân Liên Xô đánh bại đội quân Quan Đông của Nhựt, đồng thời nước Nhựt cũng bị Mỹ ném hai quả bom nguyên tử, nên ngày 15/8 Nhựt hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Bọn Nhựt và tay sai ở Đông Dương hoang mang, rệu rã. Thời cơ tổng khởi nghĩa đã đến.

Dù chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa của trên, nhưng Quận ủy lâm thời Hồng Ngự dựa vào diễn biến của tình hình địa phương, ngày 12/8, triệu tập hội nghị đại biểu các chi bộ bầu Ban chấp hành Đảng bộ Quận chánh thức và bàn kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị nhất trí chọn ngày 22/8 là ngày khởi nghĩa ở quận, còn các làng thì tùy điều kiện cụ thể của địa phương có thể khởi nghĩa trước để có lực lượng chi viện cho cuộc khởi nghĩa ở quận lỵ. Chính chủ trương này đã làm cho tình hình chuẩn bị khởi nghĩa thêm gấp rút và không khí cách mạng ngày một sôi nổi cuốn hút mọi thành phần xã hội.

Sau ngày 12/8, đồng chí Lưu Công Danh (Chà Ba) sang Tân Huê tiếp xúc với đồng chí Tám Dừa, Bùi Trung Phẩm bàn bạc, phối hợp lực lượng, thống nhất phương án giành chánh

quyền trên toàn Cù lao Tây; rồi về Tân Quới triệu tập các đồng chí Bảy Tông, Chín Kiện, Biện Khánh, Út Chử, Giáo Võ... lên kế hoạch giành chánh quyền cụ thể tại Tân Quới.

Sáng ngày 15/8 chi bộ Tân Huệ khoảng 700 người võ trang bằng giáo mác, gậy tầm vông vạt nhọn... tập trung tại Miếu Bà, rồi kéo lên bao vây đồn, nhà việc Tân Huệ. Bọn lính làng và hương chức bỏ trốn, ta tịch thu 2 khẩu súng trường. Thừa thắng, tối đến, ta tập hợp lực lượng võ trang và quần chúng cách mạng liên tục tuần hành thị uy qua ba làng trên cù lao. Cuối cùng đoàn biểu tình tập trung trước nhà hương quản Sào, cai tổng Đạm, cai tổng Giác, nhà thờ Bến Siêu, Bến Vinh, Tân Quới và nhà việc các làng tổ chức mít tinh, tố cáo tội ác của thực dân phát xít Pháp Nhựt và bọn tay sai, tuyên bố chánh quyền thuộc về nhân dân, về tay Việt Minh. Đoàn biểu tình mỗi lúc được nhân dân hưởng ứng đông đảo (gần 2.000 người), đa số là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, với khí thế sôi sục căm thù, vươn lên đòi quyền làm chủ, hô vang các khẩu hiệu: *Đả đảo đế quốc Pháp - Nhựt, Ủng hộ Mặt trận Việt Minh, Việt Nam độc lập muôn năm...* Phối hợp với đoàn biểu tình, các đội Thanh niên Tiền Phong, Thanh niên Cứu quốc tiến hành trừ gian... làm nhiều tên ngoan cố trước đây phải đầu hàng hoặc bỏ trốn. Bọn lính trong đồn Cả Chơn (đóng tại nhà hương cả Chơn, nay thuộc ấp Thượng) hoảng sợ trốn chạy.

Sáng ngày 16/8, dưới sự phối hợp lãnh đạo của các chi bộ trên cù lao, lực lượng võ trang và quần chúng cách mạng Cù

lao Tây vượt sông Tiền qua xã An Long cùng lực lượng tại chỗ bắt cai tổng Xuân, cai tổng An Phước phải giao nộp vũ khí.

Trước khi thể cách mạng bùng hực, toàn bộ chánh quyền địch ở Tân Quới tan rã. Để quản lý xã hội, duy trì trật tự an ninh, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân sau gần một thế kỷ lệ thuộc ngoại xâm, các cán bộ Tân Quới tiến hành tiếp thu chánh quyền vào lúc 3 đến 4 giờ chiều ngày 19/8/1945. Tối hôm ấy Ủy ban Hành chánh xã ra mắt, thành phần như sau:

- Chủ tịch: Nguyễn Văn Dư (Biện Khánh),
- Phó Chủ tịch: Nguyễn Ngọc Châu (Ba Châu)
- Phụ trách công an: Ba Ôn (người Tân Long),
- Phụ trách quân sự: Nguyễn Văn Thạch
- Ủy viên Thư ký: Trần Hữu Căng...⁽¹⁾

Đúng theo kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa Hồng Ngự, ngày 22/8, dưới sự hướng dẫn của cán bộ, quần chúng cách mạng Tân Quới cùng với lực lượng các xã kéo về thị trấn Hồng Ngự, bao vây dinh quận trưởng. Trước khi thể cách mạng của quần chúng, buộc Quận trưởng Sĩ phải giao toàn bộ chánh quyền, vũ khí, tài liệu cho đại diện Ủy ban khởi nghĩa Hồng Ngự và tuyên bố đầu hàng. Ngày 25/8, theo sự phân công của quận ủy, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng Tân Quới chia làm hai bộ phận, kết hợp với lực lượng các xã, một bộ phận kéo về Chợ Mới, Long Xuyên; bộ phận khác kéo về

(1) Hồi ký Đỗ Hữu Long, Chủ tịch MTTQ xã Tân Quới.

Châu Đốc góp phần giành chánh quyền trong khu vực. Như vậy, đến ngày 25/8/1945, toàn bộ chánh quyền tay sai thân Nhật các cấp từ xã, tổng, đến quận, tỉnh đều về tay nhân dân, vào tay cách mạng.

oOo

Cuộc khởi nghĩa giành chánh quyền ở Tân Quới trong cách mạng Tháng 8 năm 1945 diễn ra nhanh, gọn và sớm hơn một số nơi trong khu vực. Có được thắng lợi đó là do ở sự lãnh đạo sáng suốt, nhạy bén của Quận ủy Hồng Ngự cùng với tinh thần nhiệt tình yêu nước, căm thù thực dân đế quốc cao độ của nhân dân. Dù chưa nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương, song Quận ủy biết nắm bắt diễn biến tình hình thế giới đang có lợi cho cách mạng, chớp thời cơ kết hợp với thế và lực của cách mạng ở địa phương và khu vực, chủ động phát động khởi nghĩa trong toàn quận. Chi bộ Tân Quới tuy chưa ra đời nhưng các cán bộ xã đã nhạy bén học tập các nơi, từng bước trưởng thành và làm tốt vai trò lịch sử của mình trong việc tổ chức, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa thắng lợi, lập chánh quyền cách mạng.

Hơn tám mươi năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đây là lần đầu tiên, nhân dân Tân Quới cùng nhân dân cả nước thật sự làm chủ vận mệnh mình và đất nước mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân Tân Quới cùng nhân dân cả nước bước vào giai đoạn chiến đấu mới.

Chương II
XÂY DỰNG VÀ CỨNG CỐ CHÁNH QUYỀN
CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN, GÓP PHẦN
ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1945 - 1954)

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, chế độ thực dân phong kiến sụp đổ mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, *"kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội"*. Từ đây dân tộc Việt Nam thực sự làm chủ vận mệnh của mình. Song, công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ đang đứng trước những khó khăn, thách thức vô cùng to lớn. Nhưng với truyền thống yêu nước của dân tộc, toàn dân ta quyết tâm giữ cho kỳ được nền độc lập vừa giành được. Trong Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đọc ngày 2/9/1945 tại vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"Dân tộc ta có quyền hưởng tự do và độc lập"* Và *"quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy"*.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân xã Tân Quới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã cùng nhân dân cả nước vượt mọi khó khăn gian khổ, phát huy truyền thống của dân tộc, của địa phương ra sức xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng góp phần vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

1.- Những ngày đầu xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân (1945-1946).

Cũng như các xã trên Cù lao Tây và cả nước, sau cách mạng Tháng 8/1945, Ủy ban Hành chính (UBHC) Tân Quới phải giải quyết những hậu quả nặng nề về kinh tế - xã hội do thực dân Pháp và phát xít Nhật để lại. Đại bộ phận nhân dân đều là nông dân, phần lớn đều không có ruộng cày, phải thuê ruộng của địa chủ và của nhà thờ Thiên chúa. Những địa chủ Trần Văn Túc, Trần Văn Chanh, Nguyễn Văn Điều và nhà thờ sở hữu phần lớn ruộng đất trong xã. Ngoài việc đóng lúa ruộng (địa tô), nông dân còn phải đóng nhiều thứ thuế khác: thuế thân, thuế điền, thổ trạch và một số lao động phục vụ khác cho địa chủ và nhà thờ... làm cho đại bộ phận nông dân trong xã trở nên nghèo túng, đời sống khó khăn, nợ nần, con em thất học. Thêm vào đó là các tệ nạn, hủ tục: rượu chè, cờ bạc, đình đám, trọng nam khinh nữ...

Để làm tròn chức năng quản lý xã hội và giải quyết các vấn đề trên, trong điều kiện chính quyền mới vừa tiếp quản còn non trẻ, UBHC Tân Quới từng bước kiện toàn, phát triển tổ chức, củng cố Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng.

Sau ngày cách mạng thành công, ảnh hưởng và uy tín của Đảng và Mặt trận Việt Minh lên cao. Nhiều quần chúng có thành tích xuất sắc, giác ngộ lý tưởng Cộng sản được kết nạp vào Đảng, tăng cường sức mạnh lãnh đạo của Đảng ở địa

phương. Quân chúng hăng hái tích cực tham gia các tổ chức, đoàn thể cách mạng. Thực hiện chỉ đạo của trên và do tình hình cụ thể của địa phương, Ủy ban Hành chính Tân Quới nhanh chóng ổn định trật tự xã hội và mọi mặt đời sống của nhân dân. Để tăng cường sức mạnh đoàn kết toàn dân, tập hợp mọi lực lượng vào Mặt trận Việt Minh, đồng chí Nguyễn Văn Dur (Biện Khánh), Chủ tịch UBHC xã được giao nhiệm vụ làm công tác dân vận. Ông vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo, tập trung vào Phật giáo Hòa Hảo và Thiên Chúa, cho sửa sang chùa chiền, nhà thờ, cử hương chủ Nam phụ trách Phật giáo Hòa Hảo.

Lực lượng Thanh niên Tiên phong được kiện toàn một bước và chuyển Thanh niên Cứu quốc; giao cho các đồng chí Nguyễn Văn Quen (Tur Hồng), Nguyễn Ngọc Châu (Ba Châu) và Phạm Văn Trọng chỉ huy. Thực hiện chủ trương của Quận ủy, Tân Quới thành lập lực lượng võ trang để thường xuyên canh gác, tuần tra bảo vệ chánh quyền, giữ trật tự an ninh, trừ trộm cướp, đề phòng bọn phản động ngóc đầu dậy... Lợi dụng sự quản lý còn lỏng lẻo của chánh quyền cách mạng, như là sau sự kiện cướp chánh quyền cách mạng ở Cần Thơ (ngày 9/9/45) của bọn phản động lợi dụng tôn giáo, sau ngày Pháp tái chiếm Nam Kỳ (ngày 23/9/45)... một số toán cướp hoành hành trên sông Tiên như bọn "Cánh buồm đen", "Mây và Mưa"... làm cho nhiệm vụ của lực lượng võ trang cách mạng nặng nề thêm.

Ngay từ khi mới thành lập, UBHC và Mặt trận Việt Minh Tân Quới đã phổ biến rộng rãi chủ trương, chính sách của chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh. Vận động nhân dân đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, tăng gia sản xuất, xây dựng nếp sống mới, xóa nạn mù chữ; thi hành lệnh của Chính phủ xóa bỏ các thứ thuế vô lý, vận động địa chủ giảm tô, bỏ lễ công phục dịch (đối với giáo dân đạo Thiên chúa), tịch thu ruộng đất của địa chủ và hương chức phản động cấp cho nông dân... Đa số nhân dân phấn khởi tham gia các đoàn thể cứu quốc, thực hiện các chủ trương, chính sách của chính phủ góp phần diệt giặc đói, giặc dốt, hưởng ứng phong trào "Tuần lễ vàng", "hũ gạo cứu đói". Trong tuần lễ vàng, nhân dân Tân Quới không chỉ góp vàng, mà còn đóng góp cả nổi đồng, mâm thau, lu đồng... là những thứ gia bảo thể hiện tấm lòng của người dân đối với Đảng, với cách mạng trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tiếng súng tái xâm lược của thực dân Pháp ngày 23/9/45 đã ngăn chặn cuộc sống hòa bình và xây dựng của nhân dân ta. Với quyết tâm bảo vệ nền độc lập của đất nước mà nhân dân ta đã gian khổ trải qua gần một thế kỷ mới giành lại được. Ngày 25/11/45, Trung ương ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", nêu rõ: "Kẻ thù chúng ta lúc này là thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân". Trong đó củng cố chính quyền cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu hết sức cấp bách.

Chánh quyền cách mạng có đủ mạnh mới ổn định được tình hình, tạo điều kiện tập hợp mọi lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

Ngày 6/1/1946, nhân dân Tân Quới cùng với nhân dân cả nước đi bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cũng là lần đầu tiên nhân dân ta thể hiện quyền làm chủ đất nước của mình; đồng thời đây cũng là bước đầu xây dựng và củng cố chánh quyền cách mạng, tạo thế và lực cho nhân dân ta bước vào cuộc chiến đấu mới chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai bán nước.

2.- Chi bộ Đảng ra đời lãnh đạo nhân dân Tân Quới tham gia cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1946-1954).

• Từ khi Pháp tái chiếm đến toàn quốc kháng chiến (tháng 2/1946 đến cuối năm 1946).

Sau ngày 23/9/1945 đến đầu năm 1946, từ Sài Gòn thực dân Pháp đánh bung ra tái chiếm toàn bộ các tỉnh Nam Kỳ. Trong tháng giêng năm 1946, chúng lần lượt đánh chiếm các nơi: Sa Đéc, Cao Lãnh, Long Xuyên, Chợ Mới, Tân Châu... Đầu tháng 2 năm 1946, với tàu chiến, máy bay yểm trợ, chúng đổ bộ chiếm Cù lao Tây. Chiếm đến đâu, chúng sử dụng các nhà dân, nhà thờ kiên cố, các đồn bót cũ làm nơi trú đóng.

Bọn hương chức trước đây được cách mạng khoan hồng sau cách mạng Tháng 8/1945, nay góc đầu dậy hình thành bộ

máy tay sai cho giặc. Bọn phản động lợi dụng Phật giáo Hòa Hảo (PGHH), thuộc cánh Trần Văn Soái (Năm Lửa) và Lâm Thành Nguyên (Hai Ngoán) cấu kết với thực dân Pháp chống lại cách mạng và nhân dân. Chúng được thực dân Pháp giao nắm toàn bộ quyền cai trị trên Cù lao Tây. Riêng xã Tân Quới, bên cạnh bộ máy hành chánh tay sai, còn có Ban trị sự PGHH và ba đồn lính PGHH: Đại đội 69 đóng tại nhà Giáo Hón ở ấp Thượng, đồn gân nhà thờ Tân Quới (nhà ông Nguyễn Văn Túc và nhà ông Thân Viên), đồn ở ấp Hạ đóng tại nhà ông Dương Thái Biển, còn gọi là đồn Bảo an Hòa Hảo, với quân số một trung đội. Ngoài ra còn có một đồn lính công giáo (UMDC) đóng tại nhà thờ Tân Quới ở ấp Trung, riêng bọn Pháp và lính nguy đóng đồn tại nhà hương cả Trần Văn Chơn (thường được gọi là đồn Cả Chơn) do cò Hoành (Tổng Hoành) chỉ huy. Như vậy, lực lượng võ trang tôn giáo mà chủ yếu là PGHH và Thiên Chúa giáo thân Pháp đã khống chế, chi phối mọi mặt đời sống nhân dân trong xã.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của trên, đầu năm 1946 Chi bộ Tân Quới được thành lập do đồng chí Tô Ngọc Lợi (Lợi) làm Bí thư, Hai Quý (tức Sáu Nghị) Phó Bí thư và các đảng viên: Bảy Chục (Bảy Dân), Út Lúa (Hai Phán tức Nhựt). Chấp hành chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ quyết định rút các cơ quan xã qua xã An Phong, bên kia sông Tiền để bảo tồn lực lượng chuẩn bị kháng chiến. Bộ phận này gồm các đồng chí: Trần Hoành Phương, Nguyễn Văn Quen (Hai Quen tức Tư

Hồng), Ngô Văn Tiệm, Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Văn Tông, Huỳnh Văn Tô (tức Huỳnh Công Đức, Xã đội trưởng), Huỳnh Văn Phan, Nguyễn Văn Nỉ... Ủy ban Hành chánh xã đổi thành Ủy ban Kháng chiến; đồng thời xây dựng lực lượng dân quân du kích, củng cố các đội võ trang tự vệ, các đoàn thể cứu quốc và Mặt trận Việt Minh nhằm động viên, tập hợp sức mạnh của quần chúng phục vụ kháng chiến.

Với phương tiện chiến tranh hiện đại, dồi dào hơn ta gặp nhiều lần, thực dân Pháp tiến hành chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" với hy vọng trong một thời gian ngắn sẽ đè bẹp lực lượng non trẻ của ta, tái lập bộ máy thống trị như trước đây. Song, chúng vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân và dân ta trên khắp chiến trường Nam bộ. Tháng 2/1946, thay mặt Chánh phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng đồng bào miền Nam danh hiệu *Thành Đồng Tổ Quốc*. Bọn Pháp rêu rao đã bình định xong Nam kỳ và Nam Trung kỳ, nhưng thực chất chỉ chiếm đóng được thành phố, thị xã, thị trấn; còn nông thôn miền núi chúng đang sa lầy, chịu nhiều thiệt hại, tốn kém. Nền kinh tế Pháp kiệt quệ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai kéo theo khủng hoảng chánh trị triền miên, nên chúng phải tính đến mưu kế xâm lược khác. Chúng cấu kết với Tưởng Giới Thạch, cầu cạnh Anh, luồn lọt Mỹ để được thay thế quân Anh ở miền Nam, quân Tưởng ở miền Bắc. Trước tình thế đó, Đảng ta chủ trương "*hòa để tiến*" và ký Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946 với đại diện Chánh phủ Pháp. Theo Hiệp ước này thì: Chánh phủ Pháp

công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do, có chính phủ, quốc hội, quân đội, tài chính... riêng. Ta thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp vào thay thế 180.000 quân Tưởng ở miền Bắc và phải rút hết trong 5 năm; hai bên đình chỉ ngay mọi xung đột để mở đàm phán chính thức; trong khi đàm phán, quân đội hai bên vẫn đóng nguyên tại vị trí cũ.

Trong Chỉ thị *Hòa để tiến*, ngày 9/3/1946 Ban Thường vụ Trung ương Đảng nêu rõ:

"Chúng ta hòa với Pháp để: 1- Tránh tình thế bất lợi...; 2- Bảo toàn thực lực, giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng, củng cố phong trào, tóm lại, để chuẩn bị đầy đủ, nhằm thời cơ tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới" ⁽¹⁾.

Chỉ có ở Nam Bộ, ngay trên tuyến đầu lửa đạn, mới thấy được giá trị của hiệp ước sơ bộ 6/3.

Tranh thủ thời gian hòa hoãn, dân quân du kích, các đội tự vệ tích cực luyện tập quân sự, đẩy mạnh việc chế tạo vũ khí. Ở Tân Quới lực lượng du kích phát triển, mỗi ấp có một trung đội, trang bị chủ yếu là giáo mác, dao găm... và một khẩu súng lửa. Trong khi ta nghiêm chỉnh thi hành Hiệp ước, phía Pháp lại liên tiếp vi phạm. Trong tháng 3/1946, Chi bộ lãnh đạo nhân dân Tân Quới gửi kiến nghị phản đối phía Pháp bội ước.

(1) Theo hồi ký Lưu Công Danh, cán bộ hưu trí 69D, Điện Biên, TX Rạch Giá.

Để trừng trị hành vi bội ước của giặc và ngăn chặn âm mưu mở rộng vùng chiếm đóng về phía đầu Cù lao Tây; dân quân du kích Tân Quới phối hợp với bộ đội Chà Ba (một tiểu đội) do đồng chí Sáu Thiên đưa về, tập kích đồn Bến Siêu. Kết quả ta thu được 2 súng trường Ăng-lê, 3 súng trường Pháp và 11 lựu đạn; đồng thời buộc Linh mục nhà thờ Bến Siêu cam kết không đưa lính về đóng đồn ở đây. Sau trận này, Pháp không đóng ở Bến Siêu nữa, nhưng tăng cường lực lượng ở Hồng Ngự. Trong khi đó, ở Tân Huê ta liên tiếp đánh thắng nhiều trận; chúng cho rằng Cù lao Tây mất an ninh, nơi Việt Minh hoạt động mạnh, nên tiến hành ruồng bố, bắn giết, đốt nhà. Tại Tân Quới chúng vô cớ bắn chết bà Nguyễn Thị Đãi tại đình làng, bắt hai ông Phạm Văn Khôi và Phạm Văn Khi đem về giồng Tân Huê bắn chết...

Trong năm 1946, du kích Tân Quới hai lần đánh úp đồn Cả Chơn ở ấp Thượng, nhưng đều không thành công⁽¹⁾. Ủy ban Kháng chiến xã vẫn hoạt động, tập trung chủ yếu đẩy mạnh công tác trừ gian, diệt tề, vận động đồng bào lương giáo ủng hộ kháng chiến.

Ngày 14/9/1946, ta và Pháp ký Tạm ước qui định một số điều khoản quan hệ tạm thời về kinh tế - văn hóa giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam và ấn định thời gian tiếp tục cuộc đàm phán vào tháng 1 năm 1947.

(1) Theo hồi ký đ/c Đỗ Hữu Long, ấp Thượng, xã Tân Quới.

Dưới sự tổ chức phối hợp của các chi đảng bộ và Ủy ban Kháng chiến, ngày 20/9/1946, hơn 300 đồng bào cùng một lực lượng võ trang (khoảng một trung đội) của ba xã Cù lao Tây với băng cờ biểu ngữ mít tinh mừng Tạm ước 14/9 và diễu hành qua khắp cù lao, yêu cầu Pháp phải thực hiện những điều đã ký kết. Trước khí thế và yêu cầu chính đáng của quần chúng, thực dân Pháp và bọn tay sai không dám đàn áp.

Hiệp ước sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9 là quyết định sáng suốt, hợp tình, hợp lý của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh trước tình thế vận mệnh cách mạng Việt Nam như "nghìn cân treo sợi tóc"! Tận dụng thời gian thi hành hai văn bản này, ta phát động nhân dân đấu tranh chính trị, diệt ác trừ tà, ra sức củng cố lực lượng về mọi mặt, huy động sức người sức của chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

• *Góp phần vào cuộc kháng chiến trường kỳ, đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1947-1954).*

Sau Tạm ước 14/9, bọn thực dân phản động ở Đông Dương và ở Pháp lợi dụng tình hình nước Pháp chưa có chính phủ chính thức đẩy mạnh công cuộc lấn chiếm theo chính sách "việc đã rồi" nhằm thực hiện âm mưu lập lại nền thống trị của chúng trên toàn cõi Việt Nam và Đông Dương. Ở Nam bộ và Trung bộ, quân viễn chinh Pháp liên tiếp tấn công quân ta và khủng bố nhân dân rất dã man. Nhiều chiến sĩ yêu nước bị bắt giam, tra tấn, thủ tiêu... Ở miền Bắc chúng tiến hành nhiều vụ khiêu khích và đưa ra nhiều đòi hỏi vô lý, trịch thượng...

Trong tình hình đó, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng ngày 19/10/1946 đã nhận định:

"Nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mạnh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp"⁽¹⁾.

Đầu tháng 11 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo văn kiện *"Công việc khẩn cấp bây giờ"* nêu ra những phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu của kháng chiến.

Trong khi đó, suốt tháng 11 và những ngày đầu tháng 12/1946, thực dân Pháp tạo ra hàng loạt các vụ khiêu khích, lấn chiếm nhiều nơi trên miền Bắc và tại Hà Nội.

Vào hai ngày 18 và 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng đánh giá tình hình và khẳng định ta không còn con đường nào khác hơn là phải tiến hành kháng chiến chống xâm lược, và vạch ra đường lối cơ bản cho công cuộc kháng chiến là *toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cách sinh...* Đường lối chung được quán triệt về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa.

Cũng trong ngày 19/12, với tư cách đứng đầu Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát lời kêu gọi toàn dân kháng chiến hết sức thống thiết: *"Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng ra sức chống thực dân, cứu nước"*⁽²⁾.

(1) Văn kiện Đảng 1945-1954, tập I, Ban NCLSĐTU, 1978, tr.94.

(2) Hồ Chí Minh: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Tuyển tập, Tập I, Nxb ST, 1980, tr.403-404.

Nhân dân Tân Quới cùng nhân dân cả nước bước vào cuộc chiến đấu mới. Tại chiến trường Nam Bộ, một mặt chúng điều một lực lượng ra miền Bắc, mặt khác chúng củng cố hệ thống tay sai, tề điệp, kèm kẹp ở vùng chiếm đóng từ tỉnh xuống tận xã ấp. Chúng tăng cường đàn áp nhân dân, khủng bố cách mạng. Ở Tân Quới cũng như nhiều nơi khác ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, thực dân Pháp kích động bọn phản động lợi dụng tôn giáo (nhất là PGHH) gây thù hằn, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Bọn này được Pháp cho phép sử dụng Ban trị sự PGHH các cấp như bộ máy hành chính kèm kẹp khống chế, áp bức tín đồ và kể cả người không phải là tín đồ PGHH, tăng cường thành lập *lực lượng Bảo an Hòa Hào* (do Pháp trang bị vũ khí và trả lương) để ruồng bố, bắn giết, đánh phá cách mạng và nhân dân; nhiều cán bộ cách mạng và đồng bào vô tội bị hãm hại. Hành động này tạo nên tình hình cực kỳ căng thẳng, đẫm máu trên một vùng rộng lớn ở Tây Nam bộ. Trên địa bàn Tân Quới và cả Cù lao Tây, uy thế và lực lượng của Trần Văn Soái (Năm Lửa) và Lâm Thành Nguyên (Hai Ngoán) mặc sức hoành hành, nhiều quần chúng và cán bộ bị thủ tiêu, trong đó có các ông Nguyễn Văn Chúng, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Văn Dáo...

Để bảo toàn lực lượng theo đuổi cuộc kháng chiến trường kỳ, chấp hành sự chỉ đạo của Quận ủy, Chi bộ Tân Quới chủ trương tiếp tục cho nhiều bộ phận rút qua xã An Phong. Từ đầu năm 1947, các xã ven sông Tiền (Tân Phú, Bình Thành, Tân

Thạnh, An Phong...) và vùng sâu trong Đồng Tháp Mười là căn cứ địa cách mạng, nơi trú đóng của các cơ quan đoàn thể của nhiều địa phương. Bố trí các đồng chí chua ra mặt hoạt động công khai ở lại hoạt động, là các đồng chí: Ba Kênh, Sến, Nguyễn Thị Xúng, Nguyễn Thị Dền, Nguyễn Thị Tư; đồng thời củng cố, xây dựng nhiều cơ sở mật để các đồng chí từ căn cứ về có nơi đi lại công tác. Nhiệm vụ chủ yếu của các đồng chí ở lại là nắm địch tình, tiếp tế, binh vận và Hòa Hảo vận.

Vào tháng 4/1947, thi hành chỉ đạo của trên, Ủy ban Kháng chiến Hành chính ba xã Tân Huệ, Tân Quới và Tân Long thành lập Ủy ban Kháng chiến Hành chính Cù lao Tây, do đồng chí Nguyễn Hưng Ban làm Chủ tịch, đóng trụ sở tại An Phong. Ngoài ra còn có Ban Dân vận và Đội Võ trang tuyên truyền thường xuyên về cù lao hoạt động. Đồng chí Trần Văn Sớ (Bảy Sớ), Phó Bí thư Ban cán sự Đảng huyện, được điều về làm Bí thư Chi bộ Tân Quới.

Trong thời gian này, một trung đội của trên do đồng chí Nữ chỉ huy về Tấn Đức (cù lao Giêng) do yêu cầu của cuộc hành quân, phải trụ lại ba ngày ở Tân Huệ. Hương cả Chơn báo cho bọn Pháp ở Hồng Ngự biết. Chúng liền điều một lực lượng từ Hồng Ngự xuống kết hợp với cánh quân khác do tên phó quận trưởng Chợ Mới (người Pháp) chỉ huy. Chúng bao vây ta tại Giồng Xoài (phía sau nhà ông Cả Le). Trận đánh diễn ra ác liệt vào lúc 4 giờ chiều. Dù chênh lệch lớn về quân

số và hỏa lực, quân ta vẫn anh dũng chiến đấu, 12 chiến sĩ hy sinh. Sau trận này đồng chí Lưu Công Danh (Chà Ba) được cấp trên (Đồng chí Ung Văn Khiêm, Ủy viên Chánh trị - Hành chánh Nam Bộ) cho thành lập Ban Trừ gian diệt tề, gồm các đồng chí: Hâm, Mạnh, Cai, Lâm, Đạo, Nhi, do Chà Ba làm Trưởng ban... Được lệnh trên, Ban tiến hành bắt Cả Chơn, Quân Sào và Xã Ân giải về Cả Góc (Tân Thành) giáo dục. Sau này Quân Sào và Xã Ân trở thành cơ sở của ta, phụ trách nuôi giấu cán bộ. Hoạt động của Ban trừ gian làm cho bọn ác ôn co cụm lại. Song bọn Bảo an Hòa Hảo vẫn ráo riết ruồng bớ, bắt bớ, thủ tiêu... gây nhiều khó khăn trở ngại cho hoạt động cách mạng.

Để chống lại âm mưu lợi dụng tôn giáo gây thù hằn, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc ảnh hưởng đến sức chiến đấu của nhân dân, cấp trên chủ trương thành lập Ban Hòa Hảo vận, hoạt động với phương châm là nắm phần tử tích cực, giác ngộ phần tử lưng chừng, đấu tranh với những tên đối địch, củng cố khối đoàn kết lương giáo trong Mặt trận Việt Minh, hạn chế mê tín dị đoan, xây dựng tinh thần đoàn kết chống ngoại xâm. Quận ủy chỉ đạo các xã cù lao nơi tập trung nhiều giáo dân và lính bảo an Hòa Hảo phải coi trọng công tác Hòa Hảo vận.

Cuối năm 1947, Tân Quới thành lập Ban Hòa giải, tập trung các cán bộ cốt cán, gồm các ông Bảy Khoảng (đại diện đạo Cao Đài), Năm Tụi, Dư (đại diện PGHH), linh mục Luật

(đại diện đạo Thiên chúa), thầy giáo Thân (đại diện Việt Minh). Ban Hòa giải hoạt động tích cực, tín đồ PGHH từng bước nhận thấy được âm mưu lợi dụng tôn giáo, kích động thù hằn dân tộc của bọn thực dân Pháp và bọn phản động; phân biệt được bạn, thù... do đó sự xung đột giữa Phật giáo Hòa Hảo với cách mạng ngày một dịu dần. Tình đồng bào lương giáo càng gắn bó, cùng nhau đóng góp sức người sức của cho kháng chiến. Sự ra đời của Ban Hòa Hảo vận đánh dấu bước thất bại của kẻ thù chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo.

Năm 1948, đồng chí Hai Quý (Sáu Nghị) được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã. Lúc bấy giờ công tác Hòa Hảo vận vẫn tiếp tục phát huy tác dụng. Ta tiến lên một bước vận động họ với hòa hoãn với ta, làm cho tình hình ngày một bớt căng thẳng, bớt đổ máu. Trong khi đó, Pháp tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng bọn phản động đội lốt tôn giáo để chống phá cách mạng. Ở các xã trên Cù lao Tây, bên cạnh ban hội tề xã là chánh quyền cơ sở của ngụy quyền hoạt động quản lý xã hội, còn có Ban trị sự Phật giáo Hòa Hảo và giáo hội Thiên Chúa; nay chúng để mặc cho thế lực các tôn giáo tự do hoành hành thao túng. Sự đi lại, làm ăn bình thường của nhân dân gặp nhiều khó khăn do sự chiếm đóng cục bộ của các đồn lính bảo an Hòa Hảo và Thiên Chúa. Trợ lực cho Ban trị sự xã là đội Bảo an quân, được Pháp trang bị vũ khí, do một đoàn trưởng Bảo an quân chỉ huy. Ở Tân Quới, ngoài đội bảo an quân này còn có ba đồn lính Hòa Hảo khác.

Lính Pháp ở đồn nhà thờ Tân Quới rút đi giao lại toàn bộ cho bọn lính đạo (UMDC), một đồn lớn cấp trung đội đóng ở ấp Trung và hai đồn nhỏ cấp tiểu đội. Như vậy, đến năm 1948, PGHH và đạo Thiên Chúa chia nhau quản lý Tân Quới:

- Ấp Thượng: 1/3 do lính đạo Thiên chúa trấn giữ, 2/3 do lính PGHH,

- Ấp Trung: mỗi sắc lính đạo chia nhau nửa ấp,

- Ấp Hạ: hoàn toàn do lính PGHH trấn giữ.

Dân chúng sợ bị bắt bớ thủ tiêu, trả thù, nên lúc bấy giờ có một bộ phận tản cư đi nơi khác.

Song, so với tín đồ PGHH, thì nhà thờ và giáo dân đạo Thiên Chúa ở Tân Quới cầu an hơn, quan tâm việc đạo hơn việc đời. Tuy vậy, có lúc nhà thờ Tân Quới là nơi trú ngụ của đồng chí Nguyễn Ngọc Châu, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã những lúc đ/c về xã hoạt động.



Ngôi nhà cổ (ấp Thượng) nơi giặc Pháp chiếm đóng đồn. (Nay đất lở sạt thêm nhà). Ảnh chụp tháng 10/2003

Do yêu cầu tổ chức lại chiến trường, cuối năm 1947, cấp trên chủ trương thành lập tỉnh Long Châu Tiền⁽¹⁾ gồm phần đất từ tả ngạn sông Hậu trở về phía Đồng Tháp Mười của hai tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc; dưới tỉnh thành lập cấp huyện thay cho cấp quận. Đến tháng 10 năm 1949, lập huyện Tân Hồng, gồm phần đất của hai quận Tân Châu, Hồng Ngự và phần đất phía bắc quận Chợ Mới. Tỉnh Long Châu Tiền tồn tại đến tháng 6 năm 1951 thì giải thể, để thành lập tỉnh Long Châu Sa cho đến tháng 7 năm 1954. Các xã trên Cù lao Tây đặt dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Tân Hồng từ tháng 10 năm 1949.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông năm 1947, chiến thắng khác năm 1948 quân đội ta từng bước trưởng thành, dồn Pháp vào thế lúng túng bị động, phải chuyển hướng chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" sang chiến lược "dùng người Việt đánh người Việt". Năm 1949, ta chuyển dần sang thế chủ động tiến công, mở nhiều chiến dịch, đánh mạnh làm Pháp thua đau, buộc chúng phải tập trung binh lực đối phó ta trên chiến trường chính (chiến trường Bắc bộ). Nên kể từ đây trên địa bàn huyện Tân Hồng không còn lính Pháp trực tiếp tham chiến, chỉ có lính người Việt do Pháp chỉ huy và lực lượng võ trang của giáo phái mà chủ yếu là lính bảo an Hòa Hảo.

(1) Ngày 11/9/1947, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ ra Chỉ thị số 50/CT-UBKCHC-NB phân định lại địa giới 2 tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc chia thành 2 tỉnh Long Châu Tiền và Long Châu Hậu.

Tình hình đó là cơ hội thuận lợi cho ta. Huyện ủy Tân Hồng quyết định giải thể Ủy ban Kháng chiến Hành chính Cù lao Tây và thành lập Ban cán sự Cù lao Tây; đồng thời chỉ đạo mỗi xã phải lập lại Ủy ban riêng và trở về địa phương, tùy tình hình cụ thể của mỗi nơi mà tổ chức hoạt động. Đồng chí Ân được cử làm Bí thư Chi bộ xã Tân Quới.

Chấp hành lệnh trên, Chi bộ và Ủy ban mỗi xã trở về củng cố Mặt trận Liên Việt, Ban Dân Vận, Đội Võ trang tuyên truyền, phát triển lực lượng dân quân du kích và vận động thanh niên gia nhập bộ đội huyện, tỉnh...

Đồng chí Hai Quý cùng hai đồng chí Nguyễn Văn Sẻ và Hứa Minh Quang (Ba Quang) phụ trách công tác dân vận; phổ biến, tuyên truyền chủ trương "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" của Đảng, tranh thủ đồng bào kể cả giáo dân ủng hộ kháng chiến, nuôi giấu cán bộ...

Nhiều thanh niên hăng hái tham gia Đội võ trang, bí mật hội họp, luyện tập ban đêm ở nơi vắng vẻ, xa dân cư, thường là ở khu mộ Bang Sơn ở ấp Hạ.

Nhân dân Tân Quới kể cả tín đồ các tôn giáo tham gia góp lúa gạo nuôi quân, đồ đồng thau cho công binh xưởng... Hội phụ nữ, Nông hội cứu quốc vận động thành lập hũ gạo kháng chiến, may áo quần cho bộ đội, dân quân... được nhiều người tham gia (người đóng góp nhiều nhất trong xã là ông Thoán).

Qua phong trào, Đảng phát triển thêm một số đảng viên mới (đồng chí Ba Quang, Nguyễn Văn Sẻ...).

Tuy bị thất bại liên tiếp trên chiến trường chính, song chúng vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu càn quét, củng cố vùng chiếm đóng và tiêu diệt lực lượng ta. Trong hai năm 1948 và 1949, nhân dân Cù lao Tây và Phong Thạnh Thượng bẻ gãy nhiều cuộc càn quét, phá vỡ kế hoạch bình định của giặc. Tháng 5 năm 1949, lực lượng võ trang Tân Quới và Tân Huệ phối hợp với Đội biệt động của Trung đoàn 115, do đồng chí Ba Tường và Lâm chỉ huy tấn công bọn bảo an Hòa Hảo ở Tân Quới, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Cũng trong năm 1949, lực lượng vũ trang Tân Quới phối hợp với đồng chí Cẩm Hương (một đảng viên người Hoa lai Miên, trước công tác thành ở Nam Vang, tản cư theo mẹ về Tân Quới) đánh cướp được tàu công - voa (tàu kéo) đang kéo hai tàu Long Châu và Thanh Hương chạy đường Nam Vang - Sài Gòn, đem nhận chìm làm cản tại vàm Ba Răn, góp phần bảo vệ chiến khu Đồng Tháp Mười⁽¹⁾.

Do điều kiện đặc biệt là một xã có đông đồng bào có đạo, đời sống của nhân dân nằm trong sự khống chế về tinh thần lại thêm sự quản lý chặt chẽ của bộ máy hành chánh của đạo, nên hoạt động kháng chiến của Tân Quới diễn ra âm thầm, không sôi động như các địa phương khác. PGHH là tôn giáo địa phương, mới ra đời khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ

(1) Về sau đ/c Cẩm Hương hy sinh tại Cần Trọi.

(1939); song do hoàn cảnh lịch sử - xã hội thuận lợi, nên phát triển nhanh chóng, lại bị bọn phản động lợi dụng kích động thù hằn, dùng làm phương tiện chống lại cách mạng. Còn đạo Thiên chúa là tôn giáo quốc tế, nhưng du nhập vào Tân Quới từ lúc khai hoang lập xóm làng; tuy nhiên, do nguồn gốc văn hóa, nó khó hòa hợp với người Việt, nên phát triển chậm. Giáo dân Thiên chúa trên Cù lao Tây nói chung và Tân Quới nói riêng thường cầu an, nên âm mưu lợi dụng giáo dân Thiên chúa để chống phá cách mạng của Pháp ít có hiệu quả... Nắm được đặc điểm này, trong thời gian 1950 đến 1954, Huyện ủy Tân Hồng chỉ đạo các xã trên Cù lao Tây tập trung vào công tác tôn giáo vận, trước là thêm bạn bớt thù, sau là thực hiện khẩu hiệu "*tất cả để chiến thắng thực dân Pháp xâm lược*".

Đến năm 1951, đồng chí Trần Văn Sớ (Bảy Sớ), Phó Bí thư Ban cán sự được cử làm Bí thư Chi bộ Tân Quới.

Chi bộ tập trung chỉ đạo vận động nhân dân tham gia kháng chiến, thông qua các đoàn thể cứu quốc, thành lập "quỹ chiến sĩ". Công cuộc vận động chẳng những đã kích thích được lòng yêu nước của một bộ phận lớn đồng bào các tôn giáo, giúp họ thấy được bổn phận của một tín đồ đối với đạo, đối với Tổ quốc; thấy được âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp, mà các tín đồ còn ủng hộ tiền bạc, thuốc men lương thực, che chở, nuôi giấu cán bộ... Sự giác ngộ cách mạng của đồng bào các tôn giáo là một thắng lợi lớn của Chi bộ Tân Quới trong điều kiện đặc biệt của địa phương mình.

Cũng trong thời gian này, Ban Dân vận còn kết hợp với Đội võ trang tuyên truyền rải truyền đơn tuyên truyền về tình hình chiến sự ngày càng có lợi cho ta, kêu gọi, vận động binh lính địch đào bỏ ngũ; răn đe bọn Việt gian phản động, làm cho một số binh lính ở đồn Cả Chơn hoang mang bỏ trốn...

Trong khi đó trên chiến trường Bắc bộ, thực dân Pháp liên tiếp thất bại ở Tây Bắc rồi Thượng Lào; song được sự tiếp sức của đế quốc Mỹ, chúng vẫn điên cuồng tập trung quân xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ theo kế hoạch Navare.

Ngày 6/12/1953, Bộ Chánh trị thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước sự trưởng thành của quân đội ta, kế hoạch Navare từng bước bị phá sản, thế và lực của chúng ngày một suy yếu không gượng dậy nổi, mặc dù có viện trợ ngày càng to lớn của đế quốc Mỹ. Trong khi đó lực lượng ta phát triển nhanh chóng về nhiều mặt và công cuộc kháng chiến đầy chính nghĩa của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được dư luận tiến bộ của cả thế giới ủng hộ.

Trong khi Pháp ngày càng lún sâu ở chiến trường Điện Biên Phủ, thì trên chiến trường Nam bộ, chúng vẫn ngoan cố tổ chức nhiều cuộc phản kích vào vùng tự do, nhưng tất cả đều bị chặn đứng và đẩy lùi; buộc chúng rút bỏ hàng loạt các đồn bót, co cụm lại ở một số địa bàn then chốt. Trên địa bàn Tân Hồng, Huyện ủy chủ trương rút lực lượng du kích xã lên tăng cường

cho bộ đội địa phương huyện; tiến hành bao vây, thúc ép hàng loạt đồn, bót trên trục lộ 30, bọn lính bỏ trốn hoặc ra hàng...

Tranh thủ tình hình thuận lợi đó, Chi bộ Tân Quới cùng với Chi bộ Tân Huệ và Tân Long phối hợp chủ trương cho đảng viên, cán bộ, hội viên các đoàn thể trở về xã nhà xây dựng và phát triển cơ sở, tập trung đẩy mạnh công tác vận động, kêu gọi quần chúng, giáo dân ủng hộ, góp công, góp của... vận động gia đình có người đi lính bỏ súng trở về với gia đình, làm cho thế lực của giặc ở địa phương yếu đi và lực lượng cách mạng mạnh lên, góp phần đưa công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi.

Trước tình thế áp đảo của cách mạng, lính trong đồn Cả Chơn, lính công giáo ở nhà thờ Tân Quới và các đồn Hòa Hảo... nghe lời vận động của đồng bào và gia đình bỏ trốn về nhà, số còn lại hoang mang nằm im không dám hoạt động, Ban trị sự PGHH hoạt động cầm chừng, chờ đợi thời cơ... Quả thật là tình hình vô cùng thuận lợi cho cách mạng địa phương.

Cùng lúc đó, tin chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng (ngày 7/5/1954) lan nhanh khắp nơi, làm nức lòng mọi người. Lập tức Chi bộ Tân Quới chỉ đạo cho Ban dân vận, Đội võ trang tiếp tục đẩy mạnh công cuộc vận động, kêu gọi cùng bao vây thúc ép bọn lính trong đồn qui hàng, khiến chúng bỏ súng ống trốn mất, Tân Quới hoàn toàn giải phóng. Đồng bào lương giáo bắt tay vui mừng chào đón thắng lợi.

Để chuẩn bị đối phó với tình hình mới, chấp hành chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ Tân Quới sắp xếp lại và đồng chí Nguyễn Trường Phòng (Ba Phòng, thầy thuốc Bắc) được cử làm Bí thư.

Hiệp định Genève ký kết ngày 20/7/1954, chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Chín năm kháng chiến đầy hy sinh, gian khổ, nay được đền bù xứng đáng. Độc lập, tự do phải trả bằng xương máu và nước mắt. Vinh quang này thuộc về nhân dân, cán bộ, đảng viên trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia chiến đấu dưới nhiều hình thức, trên nhiều lĩnh vực, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, có phần đóng góp của Chi bộ Đảng và nhân dân Tân Quới.

Do đặc điểm lịch sử xã hội và vị trí địa lý của mình, trong suốt chín năm kháng chiến trường kỳ, nhân dân Tân Quới đã phát huy được truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, không phân biệt lương giáo, dẹp bỏ thù hằn riêng tư vì sự nghiệp chung: độc lập cho Tổ quốc, tự do cho dân tộc, cùng nhau vượt mọi khó khăn gian khổ, góp phần đưa kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Kinh nghiệm quý báu này được nhân dân Tân Quới tiếp tục phát huy trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ và nhứt là trong xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này.

Chương III

NHÂN DÂN XÃ TÂN QUỚI TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

1.- Từ đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ đến cuộc tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1954-1968).

Hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của thực dân Pháp xâm lược, mở ra kỷ nguyên mới, đó là độc lập tự do trên toàn cõi Đông Dương. Riêng với Việt Nam, theo Hiệp định tạm thời chia đất nước ta thành hai miền (Nam, Bắc), sau hai năm sẽ tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Song, với âm mưu xâm chiếm lâu dài Việt Nam và Đông Dương làm căn cứ quân sự ở Đông Nam Á, nên khi có Hiệp định Giơ-ne-vơ đế quốc Mỹ liền hất cẳng thực dân Pháp, đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng chánh quyền tay sai Mỹ ở miền Nam⁽¹⁾, đồng thời đưa cố vấn sang Việt Nam, cung cấp tiền của, vũ khí thực hiện chánh sách xâm lược thực dân kiểu mới ở nước ta.

(1) Ngô Đình Diệm được Mỹ nuôi dưỡng từ trước, ngày 25/6/1954 Mỹ đưa về nước, ngày 6/7/1954 thành lập chánh phủ miền Nam (Sài Gòn) Ngô Đình Diệm được chỉ định làm Thủ tướng (Sắc luật số 43/CP).

Cũng như nhiều địa phương trong huyện, tỉnh và miền Nam, ở xã Tân Quới chánh quyền địch không thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Chúng tăng cường lực lượng đẩy mạnh việc thi hành chánh sách tố cộng, diệt cộng. Chúng liên tục cho lính đồn đi ruộng bố, càn quét kết hợp tuyên truyền, kích động trong giáo dân, tín đồ phật giáo Hòa Hảo⁽¹⁾ nhằm gây chia rẽ, khơi dậy hận thù và chống phá cách mạng.

Để khống chế kèm kẹp dân, Mỹ - Diệm chỉ đạo cho xây dựng lại bộ máy chánh quyền từ tỉnh xuống huyện, xã, ấp, gạt những tên thân Pháp, đưa vô tề xã những tên ác ôn, chức sắc mới làm tay sai cho chúng. Ở xã Tân Quới trong những năm 1954-1968 về phía địch luôn tồn tại Ban tề xã, sau tổ chức Hội đồng hương chính xã đều là người có đạo, ở các ấp có ấp trưởng, ấp phó (trong số tề xã có một số người của ta cài vô). Địch bố trí ở mỗi ấp một đồn, mỗi đồn một tiểu đội, riêng đồn Nhà thờ ở ấp Trung cấp trung đội. Tất cả lính ở các đồn đều là lính Công giáo và lính Hòa Hảo đóng giữ.

Về ta, xã Tân Quới cử đảng viên Nguyễn Hữu Bê đi tập kết ra miền Bắc, còn lại đa phần các đồng chí khác đều là cán bộ mật không bị lộ nên ở lại. Chi bộ xã lúc này có 9 đảng viên⁽²⁾, đồng chí Nguyễn Trường Phòng (Ba Phòng) làm Bí thư,

(1) Xã Tân Quới thời kỳ chống Mỹ có khoảng 50% dân số theo đạo Thiên chúa, 35% theo Phật giáo Hòa Hảo, đạo Phật...

(2) Đảng viên chi bộ xã Tân Quới từ 1954-1964 gồm các đồng chí: Hai Điều, Út Sẻ, Ba Trượng, Ba Tỷ, Nguyễn Văn Nhựt, Ba Châu, Hai Pho.

đồng chí Hai Quý - Phó Bí thư. Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Tân Châu⁽¹⁾, Chi bộ xã Tân Quới tổ chức học tập trong nội bộ và sinh hoạt, tuyên truyền cho nhân dân trong xã nắm, thông suốt tư tưởng về thắng lợi to lớn của Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là "lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập". Theo Nghị quyết này, thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Châu Đốc và Huyện ủy Tân Châu, Chi bộ xã Tân Quới khẩn trương sắp xếp tổ chức gọn nhẹ, nhanh chóng chuyển hướng rút vào hoạt động bí mật để bảo tồn lực lượng.

Để khắc phục khó khăn, hoàn thành trách nhiệm nặng nề trước tình hình mới, Chi bộ xã ra Nghị quyết "tất cả đảng viên phải thông suốt tư tưởng, quyết tâm bám trụ chắc trong dân, tuyên truyền vận động, lãnh đạo nhân dân trong xã đoàn kết, đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định".

Với quyết tâm trên, trong các năm từ 1954-1957 Chi bộ xã Tân Quới đã trực tiếp đi sâu vận động, tuyên truyền, tổ chức và lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong xã liên tục đấu tranh dưới

(2) Xã Tân Quới từ tháng 9/1954 đến 10/1956 chịu sự lãnh chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Từ sau tháng 10/1956 Tân Quới thuộc huyện Thanh Bình, tỉnh Kiến Phong.

các hình thức như: vận động thân nhân tề xã, ấp, đưa thân nhân lính vào đồn khuyên nhủ người thân không ruộng bố, đàn áp, bắt bớ đánh đập, tù đày, không trả thù những người kháng chiến cũ.

Bằng quyết tâm và hành động trên, Chi bộ xã dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Nguyễn Trường Phòng đã đem lại kết quả lớn. Cụ thể là ta đã thuyết phục, cảm hóa được số lớn thân nhân tề xã ấp, lính đồn có thiện chí với ta, làm lơ, sống cầu an với ta; nhiều thân nhân lính đồn, tề xã luôn đi đầu trong tuyên truyền, đấu tranh chánh trị, hỗ trợ đắc lực cho quần chúng đấu tranh buộc địch phải cầu an với ta, hạn chế ác ôn và thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Tình hình ở xã Tân Quới mỗi ngày một xấu đi, khó khăn hơn, đặc biệt là từ khi quân đội Ngô Đình Diệm tấn công diệt và dẹp quân đội giáo phái. Bộ máy cai trị mới, như: Ủy ban Hành chánh xã của địch ở xã Tân Quới gồm có xã trưởng, phó; ấp trưởng, phó; phụ trách cảnh sát, tài chánh, hộ tịch... lúc đầu gồm 10 tên, sau tăng lên gần 20 tên. Đến đầu năm 1956, hệ thống kèm kẹp của địch ở xã Tân Quới đã thiết lập xong.

Từ đầu năm 1957 trở đi, sau khi được chấn chỉnh lại, ở xã Tân Quới chánh quyền và binh lính địch thực hiện "tố cộng, diệt cộng triệt để". Qui mô và quyết tâm của địch là loại trừ cộng sản ra khỏi xã, tất cả những người liên quan kháng chiến cũ phải khai báo hết và làm tờ cam kết không theo Cộng sản.

Trước tình thế khó khăn mới ở xã cũng như khó khăn chung... các đảng viên của chi bộ, một mặt vừa phải tăng cường cảnh giác trước âm mưu mới của địch, mặt khác tiếp tục phân tán, giảm bớt hoạt động để tránh tổn thất. Tuy nhiên trước những áp lực mới của địch, quần chúng và một số cơ sở cốt cán bị kẻ xấu tố giác, khai báo cho địch bắt hết các đồng chí đảng viên, cán bộ xã⁽¹⁾. Đây là tổn thất lớn nhất từ trước đến thời điểm này ở xã, gây khó khăn dài về sau cho xã.

Tin cả Chi bộ xã Tân Quới bị địch bắt đã nhanh chóng loan truyền khắp xã. Hay tin này, một số cơ sở và bà con giáo dân ta đến nhà thờ Tân Quới ở ấp Trung để cậy nhờ ông cha Trần Công Triệu⁽²⁾ giúp đỡ. Hay tin, cha Triệu liền cùng một số bà con giáo dân kéo đến trụ sở tề xã để giải trình. Ông nói: "Số 6 người bị nhà chức trách bắt đều là 6 giáo dân ngoan đạo kính Chúa cả, tôi đến đây xin bảo lãnh để rút cả 6 người này ra".

Qua sáu ngày liên tục vận động, thuyết phục và trước thái độ kiên quyết của cha Triệu cùng bà con giáo dân, bọn tề xã buộc phải chấp nhận yêu cầu bảo lãnh của cha Triệu. Đến ngày hôm sau (tức là sau bảy ngày giam giữ) địch đã tha bổng cả 6 đảng viên, cán bộ xã. Đó là vào thời điểm cuối tháng 7/1957.

(1) Cuối tháng 7/1957 toàn bộ 3 đảng viên là đồng chí: Quý, Vân, Nhựt và 3 cán bộ là Tâm Hùng, Huỳnh, Thành cùng bị địch bắt trong một ngày.

(2) Cha Trần Công Triệu là người có nhiều uy tín, là người kính Chúa yêu nước, có thiện chí với cách mạng.

Có thể nói 3/6 đảng viên của Chi bộ xã Tân Quới cũng bị bắt, cùng được cha Triệu đấu tranh, bảo lãnh ra một lượt trong tháng 7/1957 là một sự kiện lớn nhất, đáng ghi nhớ nhất trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Chi bộ và nhân dân xã Tân Quới; là bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác tổ chức, công tác xây dựng Đảng và xây dựng cơ sở quần chúng của Chi bộ.

Sau khi được tha, cả 6 đảng viên, cán bộ đều bám lại địa bàn xã để hoạt động. Tuy nhiên phương thức hoạt động của Chi bộ lúc này có khác, hoạt động theo kiểu "tam tam chế", bí mật, phân tán nhỏ lẻ. Một thời gian dài xã Tân Quới vẫn còn chi bộ do đồng chí Quý làm Bí thư thay đồng chí Ba Phòng (chuyển đi hoạt động ở xã khác) nhưng ít khi tập hợp cả chi bộ.

Tình hình ở xã Tân Quới từ cuối năm 1957, đặc biệt từ khi Mỹ - Diệm ban hành và thực thi Chỉ dụ 57 (từ cuối năm 1957 về "Cải cách điền địa, hữu sản hoặc nông dân"), thực chất là chúng muốn tước đoạt, truất hữu số ruộng đất mà bà con nông dân trong xã đã được cách mạng tạm cấp phát trước đây, nhằm tạo điều kiện cho bọn địa chủ ở xã truy thu tô, thuế, bóc lột nông dân.

Thực hiện Chỉ dụ 57, chánh quyền địch ở xã Tân Quới cho phép mỗi hộ dân trong xã có không quá 5 mẫu đất, hộ trước đây không có đất được không quá 1 mẫu, chủ điền không quá 10 mẫu. Ngoài ra chúng cũng qui định đóng thuế đất canh

tác, đất thổ cư 1 gia/công/năm. Riêng tá điền phải đóng cho chủ đất 2 gia/công/năm; số đất bồi mới mỗi năm địch cũng đo để tính thuế.

Cùng với kiểm soát chặt chẽ, bóc lột ngày càng tăng về kinh tế, ở xã Tân Quới địch thường xuyên mở các đợt kiểm tra dân số, người tới lui xã, bắt dân lập tờ khai gia đình, làm thẻ căn cước, tờ cam kết không đi theo, không chứa chấp Việt cộng, cưỡng ép dân vào các tổ chức chánh trị phản động nhằm chống phá lại cách mạng.

Từ cuối năm 1954 đến 1959 Chi bộ xã có một số thay đổi như kết nạp mới đồng chí Nguyễn Văn Pho (Hai Pho) ngày 25/3/1958, nữ đồng chí Bê... và một số đồng chí chuyển đi nơi khác. Chi bộ xã Tân Quới lúc này có 6 đảng viên, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Quen (Tur Hồng) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Đấu (Ba Đấu) Phó Bí thư; các đảng viên: đồng chí Nguyễn Văn Quý (Hai Quý, Sáu Nghị), Lê Văn Đết⁽¹⁾, Nguyễn Văn Pho (Hai Pho) Lê Văn Điều và nữ đồng chí Bùi Thị Bê.

Ngày 3/7/1959, sau khi đã cơ bản dẹp xong lực lượng võ trang các giáo phái, để tiếp tục củng cố và khẳng định vị trí của mình, chánh quyền Diệm cho ban hành đạo luật "10/59". Nội dung chính của "đạo luật" là "đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật". Thực thi đạo luật này, bọn tề ngụy ở xã Tân Quới

(1) Đ/c Đết tháng 7/1960 làm Bí thư Chi bộ xã Tân Long.

lại tiếp tục bị thúc ép để đàn áp, bắt bớ, đánh đập, tù đày tất cả những người bị nghi là Cộng sản, gây thêm nhiều khó khăn, hoang mang, sợ sệt cho nhân dân trong xã.

Cuộc "Đồng khởi" của quân và dân toàn miền Nam làm cho cuộc "chiến tranh đơn phương - một phía" của Mỹ - Diệm bị thất bại, kết thúc một chiến lược chiến tranh. Để tránh khỏi bị thất bại mới, dưới chánh quyền gia đình trị Ngô Đình Diệm, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc "Chiến tranh đặc biệt" dự kiến kéo dài từ năm 1961-1965 nhằm gom dân, lập ấp chiến lược, còn gọi là "tát nước bắt cá", giành dân với ta, cô lập và tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Ở xã Tân Quới, từ năm 1961-1968 địch tiến hành lập một "vành đai thịt" quanh xã, bố trí hệ thống lính kín, chòi, chốt kiểm soát chặt chẽ sự ra vào, đi lại của nhân dân trong xã. Chúng tuyên truyền xuyên tạc, bôi nhọ nói xấu cách mạng nhằm lừa mị nhân dân, dụ dỗ thanh niên bằng văn hóa đồi trụy, thành lập và ép buộc thanh niên vào phòng vệ dân sự, tiến hành ráo riết việc bắt lính, đôn quân.

Hội đồng Hương chính của địch ở xã Tân Quới trong những năm từ 1958 đến 1969 do Năm Thạch, Năm Đọt, Tư Lý, Năm Thượng lần lượt thay nhau làm chủ tịch, đại diện. Ủy viên cảnh sát xã là Phạm Văn Trà, người do ta cài vào từ năm 1955 cho đến khi bị khai hầm năm 1969. Sau vụ khai hầm đã thay Ủy viên cảnh sát xã mới là Lê Văn Diệp (tự U), ông này cũng là người do ta cài vào nhưng chính ông là người phản lại cách

mạng, đã khai báo chỉ điểm địch khai hầm. Sau đó Nguyễn Văn Kiệt (Bảy Kiệt) làm ủy viên cảnh sát.

Để đối phó với tình hình địch ngày càng kèm kẹp chặt nhân dân trong xã, Chi bộ xã chủ trương phân tán ra hoạt động nhỏ lẻ và bí mật nhằm che mắt địch. Nhiệm vụ cụ thể được đặt ra là đi sâu học tập, tuyên truyền củng cố tư tưởng trong nhân dân, vận động nhân dân, tổ chức thường xuyên các đợt quyên góp tiền, vàng, thực phẩm, thuốc chữa bệnh tiếp tế cho cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

Thực hiện chủ trương của chi bộ, các đảng viên đều tích cực hoạt động dân vận như nắm, bám sâu sát thân nhân gia đình binh sĩ địch, giải thích tuyên truyền để họ tìm cách vận động, thuyết phục con em không mắc mưu, nghe theo lời tuyên truyền và việc làm phản dân hại nước, gây ra cảnh đau thương chết chóc cho nhiều người vô tội. Kết quả là ta đã làm hạn chế nhiều cuộc càn quét, lùng sục của lính đồn; làm giảm hung hăng phách lối, ác ôn của binh sĩ địch. Nhiều binh sĩ đã tỏ thiện chí, làm lơ để bà con tự do đi lại làm ăn, tu sửa nhà thờ thánh thất.

Trước tình hình khó khăn ác liệt và thử thách mới, Chi bộ xã Tân Quới chủ trương một mặt tiếp tục duy trì hoạt động bí mật và nhỏ lẻ, mặt khác chuyển hướng hoạt động theo phương châm nhằm bảo tồn lực lượng. Cũng từ đây ở xã Tân Quới tuy vẫn còn lại một số đảng viên nhưng ít hoạt động, ít sinh hoạt, đảng viên chỉ bí mật qua lại đất liền và làm một số công tác

món. Do vậy nên suốt thời gian dài phong trào cách mạng ở xã bị "tạm lắng"!

Tuy nhiên, các hoạt động được chi bộ lãnh đạo duy trì thường xuyên như vận động nhân dân đóng góp, nuôi chứa cán bộ tại nhà⁽¹⁾, tuyên truyền vận động gây dựng được nhiều cơ sở cốt cán đóng góp cho cách mạng như các ông: Hai Điều, Hai Quý, Ba Tỷ, Tư Dòm, Văn Xể, thầy giáo Sơn, thầy giáo Ba Hy, ông Nguyễn Văn Chép, Nguyễn Văn Lùn, Phú Xừ, Ba Trọng, Ấp Danh, Bảy Quờn, Hai Trà... Đây là những cá nhân và gia đình cơ sở thường xuyên tham gia vào các hoạt động như tuyên truyền vận động nhân dân ủng hộ cách mạng, nhận rải, dán truyền đơn, khẩu hiệu và đặc biệt là treo cờ trong các ngày lễ như sinh nhật Bác, Quốc khánh 2/9, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12...

Hàng năm, vào dịp các ngày lễ lớn, cờ, truyền đơn, khẩu hiệu được nhận lãnh từ bên đất liền đem về phân phát cho cơ sở, có sinh hoạt kỹ về cách treo, dán rải. Để đảm bảo bí mật che mắt địch, đến mười một, mười hai giờ đêm trở đi cơ sở thực hiện đồng loạt. Có năm, xã treo từ 4 đến 5 lượt cờ, còn truyền đơn, khẩu hiệu thì rải dán thường xuyên. Địch tức tối cho quân rình rập, la hét nhưng chúng không bắt được trường hợp nào.

(1) Như nhà đồng chí Nguyễn Văn Pho trong một thời gian dài luôn là nơi nuôi chứa, đi về, hội họp của đồng chí Hai Hồng, Ba Đáu...

Chấp hành sự chỉ đạo của Huyện ủy Thanh Bình, Chi bộ xã Tân Quới lãnh đạo đảng viên và cơ sở cốt cán tích cực hưởng ứng và tham gia các công việc chuẩn bị cho cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân. Chi bộ chủ trương đưa đảng viên bung ra tuyên truyền, học tập trong nhân dân những chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng, vận động nhân dân chuẩn bị tốt mọi mặt, sẵn sàng đóng góp sức người, sức của và nổi dậy Tổng tấn công địch khi có yêu cầu.

Chi bộ xác định và chủ trương đưa đảng viên, cán bộ đến từng ấp, từng gia đình để nắm tình hình quần chúng, xây dựng và bồi dưỡng các cơ sở nòng cốt, hướng dẫn thực hiện sâu rộng đợt công tác tuyên truyền trong nhân dân; đặc biệt chú ý đối tượng tề ngụy xã, ấp để tranh thủ sự ủng hộ các mặt cho cách mạng, cung cấp tin tức và làm nội tuyến cho ta.

Tuy nhiên, do tình hình khó khăn và bị địch kềm kẹp chặt nên tin tức đến chậm và cuộc Tổng tấn công Xuân năm 1968 không nổ ra ở xã Tân Quới.

Do điều kiện khó khăn của một xã cù lao, nhân dân đa phần là theo các đạo, lại là vùng kềm, địch quản lý rất chặt chẽ, gặt gao... nên việc tuyên truyền vận động, phát triển lực lượng và các phong trào cách mạng ở xã Tân Quới luôn gặp rất nhiều khó khăn. Chi bộ xã không có địa bàn đứng chân, không phát triển được, lúc nhiều nhất cũng chỉ có 6 đảng viên, hoạt động phải thường xuyên phân tán nhỏ lẻ, sinh hoạt chi bộ thường là 3 tháng một lần, phải thay đổi địa điểm. Có lần phải qua tận vùng Gáo Đồi xã Phú Thành mới họp được.

Để phát động, động viên phong trào cách mạng của nhân dân trong xã lên, đầu năm 1962 chi bộ tổ chức một cuộc mít tinh ở chợ xã, có khoảng 70 người dự. Đồng chí Hai Hồng Bí thư chi bộ đứng ra diễn thuyết tình hình, sau đó kêu gọi binh lính và gia đình có người thân đi lính trở về đoàn tụ với gia đình, không nên nghe theo tuyên truyền xuyên tạc để rồi làm bia đỡ đạn cho địch, giết hại đồng bào. Địch tức tối bắn chết một cán bộ bảo vệ của ta.

Có thể nói trong những năm từ 1954 đến 1968, xã Tân Quới hết sức khó khăn do số lượng đảng viên, cán bộ ít, không phát triển được, do xã luôn bị địch kèm nặng, hơn 90% đồng bào có đạo... Thêm vào đó là việc địch thường xuyên tăng cường lực lượng rình rập theo dõi tập trung đánh phá ác liệt. Song Chi bộ xã Tân Quới vẫn luôn tồn tại có lúc bám được trong dân, được dân giúp đỡ chở che; bám trụ để lãnh đạo nhân dân đấu tranh, kịp thời đối phó với các âm mưu và thủ đoạn thâm độc của địch.

Được chi bộ, cơ sở cách mạng vận động tuyên truyền nhiều gia đình các tầng lớp nhân dân trong xã đã tích cực đóng góp lúa gạo, tiền bạc và những thứ cần thiết cho cách mạng. Trong thời gian này tuy đời sống của nhân dân xã Tân Quới còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng tấm lòng của người dân lương cũng như giáo luôn đoàn kết, hướng về cách mạng, giành cho cách mạng sự ủng hộ, đóng góp về tinh thần và vật chất cao nhất.

2.- Nhân dân xã Tân Quới trong cuộc đấu tranh chống phá chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ (1969-1975).

Sau cuộc Tổng tấn công Xuân năm 68, ở xã Tân Quới cũng như nhiều địa phương khác ở huyện Thanh Bình, địch chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", phản công lại ta quyết liệt. Đặc biệt là từ sau vụ khui hầm năm 1969, khắp các ấp trong xã Tân Quới địch ráo riết thực hiện kế hoạch bắt lính đôn quân, củng cố hệ thống kèm kẹp ngày càng chặt chẽ hơn. Trong suốt thời Pháp và Mỹ, ở xã Tân Quới luôn tồn tại 4 đồn lớn và 3 lô cốt⁽¹⁾.

Sự kiện khui hầm ở xã: vào khoảng 10 giờ sáng ngày 16 tháng 3 năm 1969, do có sự chỉ điểm nên địch đã đưa quân tới khui hầm bí mật⁽²⁾ sau đó kêu gọi đầu hàng nhưng không đồng chí nào của ta lên, địch buộc phải liệng lựu đạn xuống chết tại

(1) Đồn Tây có từ năm 1945, đồn này đóng tại nhà ông Cà Chon ở ấp Thượng; do các sắc lính Miên, Tây, Công giáo thường xuyên có 1 trung đội canh giữ. Đồn ở nhà ông Giáo Hón ở ấp Thượng, có từ năm 1955, cách nhà thờ 700 mét; đồn này do Đại đội 69 Hòa Hảo đóng giữ. Đồn của ông Cờ Hoàn ở ấp Hạ, có từ năm 1958, đồn thường xuyên có một trung đội bảo an quân Hòa Hảo đóng giữ...

(2) Hầm ở Bao Ngạn, được đào trên đất của thân phụ Ông Lê Văn U, trong khu mộ cổ thuộc ấp Hạ; hầm được đào từ nhiều năm trước, do chính ông U khi đó là cơ sở của ta đào. Suốt trong một thời gian dài từ năm 1960-1969 hầm vẫn giữ được bí mật, nhưng đến trước khi bị khui do ông U đã có sự thỏa thuận "đổi người" (con của ông bị giặc bắt tra tấn dã man) nên đã làm phản, dẫn đến việc hầm bị khui, gây thiệt hại nặng nề cho lực lượng cách mạng xã.



Khu mộ cổ (ấp Hạ) nơi cán bộ ở, bám trụ chỉ đạo phong trào cách mạng xã nhà nhiều năm liền. Bị cơ sở phản, chỉ điểm địch khai hầm bí mật nhiều cán bộ hy sinh.

Vườn, cây rơm (ấp Hạ) gần khu mộ cổ nơi đ/c Phan Văn Bông hy sinh trong vụ khai hầm bí mật tháng 3 năm 1969.

chỗ 3 người trong đó có đồng chí Giỏi là đảng viên và 2 cán bộ. Số còn lại vùng lên chạy có Phan Văn Bông, Nguyễn Trọng Hiệp và Vũ Đức Bằng⁽¹⁾ núp ở cây rom gần đó; địch bắn vào cây rom, đ/c Phan Văn Bông hy sinh, Hiệp và Bằng chạy thoát qua Tân Huê...

Kể từ sau vụ khai hầm năm 1969, để triệt phá tận gốc cơ sở và hoạt động của cách mạng trong xã, địch xúc tiến mạnh mẽ việc rà soát kết hợp củng cố nguy quyền xã, đẩy mạnh bắt lính đơn quân, củng cố chấn chỉnh quân địa phương như dân vệ, phòng vệ dân sự, đặc biệt là số lính ở 3 đồn.

Ngoài ra, nguy quân, nguy quyền Tân Quới còn được sự chi viện của quân chủ lực, bọn tâm lý chiến, bọn bình định nông thôn, cảnh sát từ trên huyện xuống để hỗ trợ trực tiếp cho bọn địch ở xã, nhằm trấn an tinh thần binh sĩ và nhân dân theo chúng; đồng thời gây áp lực mạnh và nhiều khó khăn cho phong trào và hoạt động cách mạng ở xã Tân Quới trong suốt một thời gian dài.

Có thể nói, ở xã Tân Quới từ sau vụ khai hầm năm 1969 đến trước ngày 30/4/1975 là cả một thời gian dài đầy khó khăn và ác liệt. Cùng với việc thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" địch mở rộng chiến tranh, tăng mạnh các hoạt động, thường xuyên cảnh giác, đối phó kịp thời với ta về mọi mặt.

(1) Hai đồng chí Hiệp và Bằng là bộ đội cấp trên về xã bàn phối hợp tổ chức đánh đồn địch. Sau trận thoát này, 2 đ/c bị địch bắt giam, ra tù tiếp tục hoạt động cách mạng.

Cũng trong thời gian này, ở xã Tân Quới chánh quyền địch đã lợi dụng và khai thác được sự thật thà, nhẹ dạ, cầu an, sùng bái tín ngưỡng đạo của hơn 90% nhân dân theo đạo Thiên Chúa và Hòa Hảo. Đây chính là sự trở ngại, khó khăn, thách thức lớn đối với phong trào cách mạng ở địa phương trong suốt một thời gian dài. Đây cũng chính là nguyên nhân là câu trả lời chính xác về việc các đảng viên của Chi bộ xã Tân Quới phải ly hương, không nắm được các tổ chức quần chúng, không duy trì được phong trào và gần như là "xã trắng" nhiều năm liền trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo và hỗ trợ của Huyện ủy, các đảng viên của xã vừa chú trọng bảo tồn lực lượng, vừa có những hoạt động nhỏ lẻ, củng cố cơ sở cách mạng trong quần chúng tín đồ để giữ thế phong trào ở xã.

Phương châm hoạt động của các đảng viên mật tại chỗ, các đồng chí ly hương và số bám trụ từ năm 1969-1975 ở xã Tân Quới là: phân tán nhỏ lẻ như, vận động, tuyên truyền trong dân về những âm mưu, thủ đoạn thâm độc lợi dụng tôn giáo để kích động, gây chia rẽ giữa lương - giáo và nhằm chống phá chánh sách tôn giáo vận, chống lại chủ trương đoàn kết dân tộc đấu tranh chống ngoại bang của Đảng ta. Kết hợp tuyên truyền với móc nối lại, xây dựng mới các cơ sở cách mạng; vận động nhân dân tích cực lao động sản xuất, đóng góp tiền của cho cách mạng.

Để khắc phục khó khăn, hỗ trợ đưa phong trào cách mạng

lên, ngày 15/8/1972 Huyện ủy Thanh Bình điều đồng chí Hai Mùi là cán bộ huyện đội về công tác ở xã Tân Quới. Đồng chí Hai Mùi đã bắt liên lạc được với đồng chí Hai Pho, nhưng không may là đến sáng ngày sau (16/8) đồng chí đã bị địch bắt. Đến ngày 18/8/1972 địch tiếp tục bắt hai người nữa là đồng chí Hai Pho và đồng chí Hai Miên; đến 10 giờ ngày 19/8, địch giải hai đồng chí về trên.

Trong suốt thời gian từ khi bị bắt giải lên huyện, rồi tỉnh địch đã dùng mọi thủ đoạn để lấy cung và dùng cực hình tra tấn rất dã man, nhưng cả 3 đồng chí không hề nhận lãnh trách nhiệm và khai báo gì. Suốt gần mười ngày khảo tra địch không khai thác được gì ở các đồng chí, cuối cùng chúng buộc tội 3 đồng chí là "Việt cộng nằm vùng", kêu án tù 3 tháng ở khám đường Cao Lãnh.

Có thể nói đây là lần thứ hai chi bộ nói riêng, phong trào cách mạng của nhân dân xã Tân Quới nói chung bị thiệt hại nặng.

Vì nếu như không có vụ khai hầm gây tổn thất lớn trong năm 1969 và nếu như không bị bắt một lúc ba cán bộ cốt cán của huyện và xã giữa năm 1972 thì, tình hình và phong trào cách mạng ở xã Tân Quới chắc hẳn sẽ khác. Đây chính là sự tổn thất, khó khăn lớn tiếp theo cho phong trào cách mạng và nhân dân xã Tân Quới trong những năm sau đó.

Ngày 28/1/1973, Hiệp định Paris được ký kết và có hiệu lực. Theo Hiệp định, Mỹ phải rút hết quân đội Mỹ và quân đội

các nước chư hầu ra khỏi miền Nam, chấm dứt ném bom miền Bắc; đồng thời phải tôn trọng độc lập và quyền tự quyết của Việt Nam. Song Mỹ - ngụy ngoan cố, trắng trợn vi phạm Hiệp định. Chúng thực hiện kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", thông qua việc đẩy mạnh lấn đất, giành dân, mở rộng vùng chiếm đóng cấm cò trái phép, kết hợp tăng cường bắt lính đôn quân, vợ vét cướp bóc của cải của nhân dân ở vùng giải phóng...

Ở xã Tân Quới, địch tìm mọi cách để kềm kẹp, khống chế chặt dân, tuyên truyền xuyên tạc Hiệp định; đẩy mạnh thực hiện kế hoạch bắt lính, đôn quân; khuyến khích, treo giải thưởng cho những người tình nguyện đi lính, có hành động "tử vì đạo".

Nhằm đối phó với âm mưu thủ đoạn thâm độc mới của địch, nhiều cơ sở cốt cán ở xã đã tìm cách đi sâu tuyên truyền nhân dân không nên nghe theo và mắc mưu địch, mọi người nên tìm cách bảo vệ con em mình để khỏi bị bắt lính, vận động các gia đình có con em đến tuổi quân dịch tìm cách trốn lính như gửi đi nơi này nơi khác và đưa vào vùng giải phóng.

Kết hợp chặt chẽ với việc tuyên truyền chống bắt lính, bảo vệ, chở che để thanh niên đến tuổi quân dịch không bị bắt lính; các cơ sở nòng cốt ở xã còn dựa vào Chánh sách 7 điểm về hòa bình, hòa giải và hòa hợp dân tộc của Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và các điều khoản pháp lý của Hiệp định Paris để tuyên truyền, giáo dục và vận động thân nhân các gia đình binh sĩ, viên chức ngụy quyền

xã hướng về hòa bình, hòa hợp dân tộc mà tìm cách đấu tranh với chỉ huy, với chánh quyền chống lại kế hoạch bắt lính, đôn quân và vi phạm Hiệp định.

Được tuyên truyền giáo dục và học tập, nhiều người dân trong xã Tân Quới và gia đình binh sĩ địch đã nhận biết được những âm mưu thâm độc mới, nhất là âm mưu lợi dụng tôn giáo để bắt lính đôn quân, để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc nhằm chống phá chính sách hòa hợp dân tộc của cách mạng... Từ đó nhiều gia đình thân nhân binh sĩ và nguy quyền địch cũng như nhân dân trong xã tỏ thái độ phản đối chiến tranh hoặc làm lơ trước thời cuộc, tìm cách chống lệnh, án binh bất động và thương lượng hòa hoãn với ta. Kết quả nhiều quần chúng, gia đình binh sĩ đã kiên quyết đấu tranh để bảo vệ được người thân, bảo vệ được quyền lợi của gia đình và tín đồ, một số dân vệ đã trả súng về nhà hoặc trốn đi nơi khác làm ăn sinh sống.

Trước những thắng lợi mới, to lớn của ta trên chiến trường, đặc biệt là từ sau giải phóng địa bàn chiến lược rất quan trọng ở Tây Nguyên (tháng 3/1975) và hàng loạt các tỉnh, thành phố từ Quảng Trị trở vào, đã mở ra thời cơ thuận lợi vô cùng to lớn cho việc tiến hành kết thúc chiến tranh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh tấn công địch khắp miền Nam; với khẩu hiệu: Thần tốc, táo bạo, bất ngờ và chắc thắng, trưa ngày

30/4/1975, ta buộc Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn đầu hàng không điều kiện; ta đã đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Được sự chỉ đạo trực tiếp và chi viện lực lượng của huyện Thanh Bình, đồng chí Nguyễn Văn Đóm, Năm Đang, Nguyễn Trọng Hiệp... qua cù lao, tổ chức lực lượng tiếp quản xã Tân Quới.

Trong niềm vui chung và lớn lao của ngày hội xuống đường, ngày hội toàn thắng của dân tộc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của 3 đồng chí đảng viên, cán bộ từ đất liền qua và sự vận động của các cơ sở nòng cốt, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã đã đồng loạt nổi dậy xuống đường thị uy mừng ngày miền Nam giải phóng, mừng xã Tân Quới hoàn toàn giải phóng vào lúc 13 giờ, ngày 2 tháng 5 năm 1975. Đồng thời ngày 2/5/1975 cũng là ngày đánh dấu sự tan rã hoàn toàn, tại chỗ của 1.185 binh lính các loại của địch ở xã, trong số này có 30 tên sĩ quan các cấp. Ta hy sinh 1 cán bộ.

Được sự lãnh chỉ đạo và hỗ trợ của Huyện ủy Thanh Bình, ngày 6 tháng 5 năm 1975, Ủy ban Quân quản xã Tân Quới được thành lập, Chủ tịch là đồng chí Ba Châu, Phó Chủ tịch là đồng chí Năm Đang. Ủy ban Quân quản phát lời kêu gọi ngụy quân, ngụy quyền ra trình diện, giao nộp vũ khí cho cách mạng và hướng dẫn cho họ đăng ký, đưa đi học tập cải tạo theo quy định.

Đồng thời với việc thiết lập chánh quyền cách mạng lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong xã nhanh chóng ổn định tình hình, giữ vững trật tự xã hội, phát triển sản xuất và đời sống... Chi bộ xã Tân Quới được Huyện ủy chỉ đạo tái lập và chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Tông (Huyện ủy viên) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Trọng Hiệp làm Phó Bí thư. Sau đó, chi bộ đã kết nạp mới một số đảng viên như: đồng chí Nguyễn Văn Điều, Đỗ Hữu Long, Nguyễn Đình Dân, Lê Thành Cang...⁽¹⁾

Sau 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Thanh Bình, các đảng viên, cán bộ và nhân dân xã Tân Quới đã kiên trì thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. Tuy sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân xã Tân Quới liên tục gặp phải những trở ngại, khó khăn tổn thất do địch thâm độc nham hiểm lợi dụng tôn giáo, chia rẽ đoàn kết dân tộc, chia rẽ lương giáo, kích động giáo dân, tén đồ chống lại cách mạng và nhất là từ khi vụ khai hầm tháng 3/1969; nhưng với truyền thống yêu nước quý báu của đồng đảo nhân dân, đặc biệt là của đảng viên, cán bộ và các cơ sở nòng cốt, cốt cán của xã Tân Quới đã góp phần đóng góp sức người, sức của đáng kể vào thắng lợi chung của dải đất Cù lao Tây và cả miền Nam, vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(1) Chi bộ xã Tân Quới lúc này có 7 đảng viên, gồm 3 đồng chí được Huyện ủy Thanh Bình tăng cường từ đất liền qua là Nguyễn Văn Tông, Nguyễn Văn Đóm, Nguyễn Trọng Hiệp và kết nạp mới 4 đồng chí.

PHẦN THỨ BA
TÂN QUỚI 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
(1975 - 2000)

Chương I

TÁI LẬP CHI BỘ XÃ, XÂY DỰNG CHÁNH QUYỀN
CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN; CẢI TẠO XÃ HỘI CŨ,
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THEO ĐƯỜNG
LỐI ĐẠI HỘI IV VÀ ĐẠI HỘI V CỦA ĐẢNG
(1975 - 1986)

Ngày 30/4 nói chung, ngày 2/5/1975 nói riêng đã đi vào lịch sử xã Tân Quới. Từ đây cùng với mọi miền đất nước, nhân dân Tân Quới đã thực sự được hưởng cuộc sống yên bình độc lập, tự do và hạnh phúc. Tuy nhiên, trên con đường đi tới ấm no phồn thịnh, trước mắt mỗi người dân và cán bộ, đảng viên xã Tân Quới còn không ít gian nan, khó khăn và thách thức, thậm chí rất quyết liệt. Song được sự chi viện lực lượng và quan tâm lãnh chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời của Huyện ủy Tam Nông - Thanh Bình nên nhân dân xã Tân Quới đã nhanh chóng bắt tay vào khắc phục khó khăn, hậu quả chiến tranh, đoàn kết phấn đấu xây dựng chánh quyền cách mạng, ổn định tình hình xã hội, ổn định cuộc sống và chấp hành tốt các chủ trương, chánh sách của Đảng và Nhà nước.

Xã Tân Quới sau 30/4/1975 thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Long Châu Tiền, đến đầu năm 1976 thuộc tỉnh Đồng Tháp. Xã có dáng hình chữ L ngược, nằm ở vị trí đầu Bắc Cù lao Tây; có 4 ấp: ấp Tân Thới, ấp Thượng, ấp Trung và ấp Hạ. Chiều dài của xã là 9 km, chiều ngang trung bình 1.868 mét. Diện tích tự nhiên toàn xã là 2.803 ha; dân số 17.013 người, sống trong 2.639 hộ.

Xã Tân Quới có trên 90% dân số theo đạo, chủ yếu là Công giáo và Phật giáo Hòa Hảo. Trước ngày 30/4/1975 xã bị địch chiếm đóng hoàn toàn, kềm kẹp rất chặt chẽ. Hơn 75% đất đai trong xã do địa chủ, phú nông nắm, số còn lại khoảng 500 ha do nhà thờ nắm.

Sau ngày hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), được Huyện ủy tăng cường cán bộ, Chi bộ xã Tân Quới được thành lập lại, gồm có 3 đảng viên, đồng chí Nguyễn Văn Tông⁽¹⁾ (Huyện ủy viên) được Huyện ủy chỉ định làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Bảy Dân làm Phó Bí thư. Ngay sau khi tái lập, được sự chỉ đạo và tăng cường lực lượng của Huyện ủy Tam Nông, Chi bộ xã Tân Quới tăng cường vai trò lãnh đạo đối với Ủy ban Quân quản và sau đó là Ủy ban nhân dân xã⁽²⁾.

(1) Đồng chí Bảy Tông, Huyện ủy viên được Huyện ủy đưa xuống thành lập lại chi bộ và làm Bí thư chi bộ đến hết năm 1975, năm 1976 đồng chí Nguyễn Văn Đòm làm Bí thư, năm 1977-1979 đồng chí Đỗ Hữu Long làm Bí thư.

(2) Ủy ban nhân dân xã có 3 đồng chí: Tám Đòm, Bà Tỷ, Bảy Dân.

Chi bộ xã Tân Quới ngày càng phát triển mạnh cả về số và chất lượng. Đến ngày 23/2/1979 chi bộ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ mới. Chi bộ xã có 10 đảng viên (5 đảng viên chính thức, 5 đảng viên dự bị)⁽¹⁾, đồng chí Đỗ Hữu Long làm Bí thư. Đến ngày 8/7/1979, chi bộ tổ chức Đại hội bầu bổ sung đồng chí Lê Thành Cang làm Phó Bí thư. Được sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, Chi bộ xã lãnh đạo và tổ chức bầu cử thành công Hội đồng nhân dân xã, gồm 40 đại biểu do đồng chí Lê Thành Cang làm Chủ tịch.

Nhiệm vụ trọng tâm của chi bộ trong những năm đầu sau tiếp quản là lãnh đạo xây dựng chính quyền Cách mạng xã, củng cố tổ chức và lãnh đạo các đoàn thể (Nông hội gồm 685 hội viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 17 đồng chí, Phụ nữ có 161 hội viên...), cải tạo và phát triển sản xuất nhất là về nông nghiệp...

Sau khi củng cố về tổ chức, chính trị và tư tưởng, chi bộ lãnh đạo các đoàn thể và nhân dân trong xã hăng hái thi đua lao động sản xuất, khắc phục hậu quả sau chiến tranh, ổn định xã hội, ổn định cuộc sống và tích cực đóng góp sức người sức của xây dựng quê hương.

Kết quả đạt được là việc lãnh đạo tổ chức sản xuất và đóng góp, thu mua lương thực của nhân dân trong xã mỗi năm đều

(1) Gồm các đồng chí: Đỗ Hữu Long, Nguyễn Văn Nhiên, Lê Văn Điều, Lê Thành Cang, Phan Văn Thôn và đảng viên dự bị gồm: Đinh Văn Chia, Hà Ngọc Ánh, Nguyễn Hùng Dũng, Trần Thị Minh Phương, Phạm Văn Phục.

tăng: Năm 1977 xā thu 471 tấn lúa, mua 849 tấn; năm 1978 thu 635 tấn, mua 958 tấn lúa.

Năm 1978 và 1979, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ và Ủy ban, nhân dân xã Tân Quới đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua những khó khăn, thử thách to lớn như trận lũ lụt chưa từng có năm 1978, ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh biên giới Tây Nam... góp phần hoàn thành tốt 2 nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nổi bật là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, xã đã phát động nông dân thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đưa diện tích gieo trồng từ 1.101 ha lên 1.356 ha. Năm 1978, sản lượng lúa đạt 3.382 tấn. Vụ Đông Xuân 78-79 toàn xã xuống giống được 1.217,5 ha, đạt 97,35% chỉ tiêu huyện giao.

Về các hoạt động xã hội khác, năm 1978-1979, Chi bộ và Ủy ban xã tập trung lãnh đạo vừa xây dựng vừa củng cố được 13 tổ đoàn kết sản xuất với 2.268 hộ, 13.994 nhân khẩu, 5.637 lao động. Ngoài ra xã còn vận động và tổ chức cứu trợ 4 đợt cho 874 hộ với 7.208 kg lương thực; chăm sóc sức khỏe, điều trị bệnh cho 16.689 lượt người với số thuốc trị giá 23.744 đồng. Xã đưa 9 du kích lên huyện tham gia dân công hỏa tuyến, đào hầm hào chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam. Việc lãnh đạo giữ gìn trật tự trị an xóm ấp, thực hiện nếp sống văn hóa, ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, làm nghĩa vụ đóng góp với trên cũng được lãnh đạo xã quan tâm và nhân dân trong xã thực hiện khá tốt.

Năm 1980, về công tác Đảng: Chi bộ mạnh dạn phân công các đồng chí đảng viên trẻ, có năng lực đảm nhận các chức danh quan trọng thay các đồng chí lớn tuổi làm công việc nhẹ hơn.

Thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1980-1981 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Tam Nông và Nghị quyết của chi bộ xã, dưới sự lãnh đạo điều hành của chi ủy, các hoạt động của hệ thống chính trị ở xã Tân Quới được phát huy và đạt kết quả tốt.

Đến đầu năm 1980, chi bộ xã có 10 đảng viên (có 5 đảng viên chính thức, 5 đảng viên dự bị). Đại hội nhiệm kỳ chi ủy 1980-1981, bầu đồng chí Đỗ Hữu Long tái đắc cử Bí thư, đồng chí Lê Thành Cang - Phó Bí thư giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đến cuối năm 1980 chi bộ xã có 7 đồng chí (4 chính thức, 3 dự bị)⁽¹⁾. Tháng 11/1980 xã được huyện tăng cường 1 đồng chí Huyện ủy viên. Đến tháng 12/1980 chi bộ thông qua đề án củng cố tổ chức, trước hết là củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể cách mạng.

Trong năm, ngoài việc tập trung triển khai học tập các Chỉ thị 84/CT/TW, Chỉ thị 32+33-CT/TU; Nghị quyết 6-NQ/TW, NQ 14-NQ/TW, Nghị quyết 15+16-NQ/TU; Quyết định số 333 và 335 của Hội đồng Chính phủ... Chi ủy lãnh đạo duy trì hợp

(1) Đến tháng 2/1980 có 1 đảng viên lớn tuổi đã nghỉ hưu - từ trần; tháng 7 kỷ luật khai trừ 1, cảnh cáo 1; tháng 9 kỷ luật khai trừ 1, cảnh cáo 1; tháng 12 đề nghị phát triển 2 đảng viên mới và chuyển chính thức 1 đồng chí.

lệ chi bộ đều đặn, trong mỗi cuộc họp có gắn với học lại điều lệ Đảng cho đảng viên; ngoài ra trong năm chi ủy tổ chức 10 cuộc họp chi bộ bất thường.

Nhìn chung, qua sinh hoạt lệ chi bộ và sinh hoạt học tập chánh trị, ngoài những nhận định, đánh giá về kết quả đạt được, những điểm mạnh là cơ bản... chi bộ cũng nhìn nhận chỉ rõ những yếu kém thiếu sót của một số đảng viên, cán bộ như lập trường giai cấp công nhân còn yếu, phẩm chất đạo đức kém, chưa nhất trí cao với chủ trương cải tạo nông nghiệp, đấu tranh nội bộ còn yếu,... Nguyên nhân chủ yếu là do công tác chánh trị tư tưởng của chi bộ còn yếu kém, chưa sâu sát và thiếu kiểm tra, uốn nắn kịp thời các lệch lạc.

Về lãnh đạo chánh quyền, chi bộ lãnh đạo củng cố và tăng cường đảng viên, cán bộ cho Ban nông nghiệp xã (có 4 cán bộ) đủ sức lãnh đạo điều hành công tác sản xuất nông nghiệp như:

Vụ Đông xuân năm 1979-1980, toàn xã đã xuống giống 1.125 ha (đạt chỉ tiêu huyện giao), tập trung ở 16 tổ đoàn kết sản xuất, năng suất đạt bình quân 4 tấn/1ha. Vụ Đông xuân năm 1980-1981, xã xuống giống 1.030ha/1.100 ha chỉ tiêu huyện giao, tập trung trong 18 tổ đoàn kết sản xuất, năng suất bình quân đạt hơn 4 tấn/1ha. Ngoài ra, toàn xã còn tập trung trồng màu và cây công nghiệp như mía, thuốc lá, bắp, đậu, khoai, rau, dưa các loại⁽¹⁾...

(1) Năm 1979-1980 trồng được 149 ha; 1980-1981 trồng được 63 ha.

* Về sản xuất nông nghiệp vụ Đông xuân năm 1979 - 1980 và vụ Hè thu năm 1980, do lượng phân bón ít, một số nơi đất bị phèn và thiếu nước nên năng suất thấp. Vụ Đông xuân năm 1980-1981, được huyện hỗ trợ xăng dầu, phân bón nhiều hơn, cùng với việc tăng cường máy bơm, nạo vét các đường nước và làm thủy lợi tiểu vùng nên năng suất cao, trúng mùa hơn. Đông Xuân đạt 100% diện tích, năng suất đạt 4 tấn/ha; Hè thu đạt 105% diện tích, năng suất đạt 2,5 tấn/ha.

Huy động lương thực, được sự chỉ đạo tập trung của Huyện ủy, sự nỗ lực của cán bộ xã, ấp và sự chấp hành, đóng góp tích cực của nhân dân nên năm 1980 đạt kết quả huy động lương thực tốt 820,135 tấn, đạt 66% kế hoạch huyện giao.

Chỉ tiêu thuế năm 1980 huyện giao 785 tấn, song do số diện tích bị mất trắng và thất mùa toàn xã là 118 ha, nên trong năm xã chỉ thu được 448,8 tấn/785 tấn, đạt tỷ lệ 62,2% mức huyện giao.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, xã tổ chức xét phân loại, đưa ra dân bình nghị ở từng ấp để xét đề nghị về trên thực hiện miễn giảm cho 524 hộ, với tổng số 169.657 kg.

* Về hoạt động của Xã đội và Công an xã năm 1980 cũng đạt kết quả khá:

Ban chỉ huy xã đội có 2 đồng chí, tổ chức được một tiểu đội du kích xã, mỗi ấp có 1 tiểu đội du kích; dân quân tự vệ xã

tổ chức được 130 người. Công tác tuyển quân đợt I/1980 giao được 16/30 quân, đạt 53% chỉ tiêu huyện giao, đợt II/1980 giao được 115/65 quân, đạt 176% (vượt 50 tân binh so chỉ tiêu huyện giao).

Ban Công an xã có 1 trưởng, 2 phó và 4 nhân viên. Trong năm Công an xã đã trực tiếp giải quyết: Bắt đưa về trên 3 vụ phạm tội về chánh trị, 21 vụ trộm cướp; giáo dục tại xã 32 vụ số đầu đuôi, 9 vụ cờ bạc, 20 vụ gian thương, 42 vụ tệ nạn xã hội; hòa giải tranh chấp trong dân 19 vụ, hòa giải vợ chồng 12 vụ, cho phép đi lại 2.982 lượt người.

Nhìn chung, hoạt động Quân sự, Công an xã năm 1980 có vươn lên khá. Lực lượng Xã đội kết hợp với Công an xã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao như: tuần tra canh gác, truy bắt được nhiều vụ trộm cắp, thu gom thanh niên bỏ ngũ, trốn nghĩa vụ, dẹp được các tệ nạn xã hội, đặc biệt có vụ bắt 3 tên cướp từ Campuchia về ẩn náu ở xã. Tuy nhiên cũng còn bộc lộ một số khuyết điểm như: trong đợt tuyển quân đầu năm không đạt chỉ tiêu và đào bỏ ngũ 9; tiền bắt cờ bạc, lúa tịch thu của gian thương nộp về huyện không đủ, một vài cán bộ nhân viên có biểu hiện ăn hối lộ và làm tiền. Do đó Trưởng Công an xã bị cách chức và bị bắt giam ở huyện cùng một số nhân viên.

* Về củng cố và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể:

Mặt trận Tổ quốc xã Tân Quới đầu năm 1980 có 15 thành viên, hoạt động nhìn chung chưa đều. Đến ngày 22/10/1980 mở

Đại hội Mặt trận xã nhiệm kỳ mới gồm 19 thành viên. Đại hội kiểm điểm nhận thấy Mặt trận Tổ quốc xã nhiệm kỳ trước làm tốt được vai trò đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên về lãnh đạo các đoàn thể quần chúng còn yếu, chưa chỉ đạo các đoàn thể vận động hội viên tạo ra các phong trào tốt.

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tiên thân là Nông hội xã - đầu năm 1980 có 853 hội viên, 43 tiểu tổ, 4 ban cán sự ở 4 ấp với 28 cán sự viên. Nhìn chung tổ chức nông hội có số lượng đông nhưng hoạt động chưa có hiệu quả cao.

Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của xã đến đầu năm 1980 có 18 đoàn viên. Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của chi bộ và giúp đỡ của Huyện đoàn cùng sự phấn đấu tốt của nhiều thanh niên, nên trong năm kết nạp mới 11 đoàn viên, đến tháng 12/1980 Chi Đoàn thanh niên xã có tổng số 29 đoàn viên. Nhìn chung Chi đoàn thanh niên hoạt động trên đà vươn lên mạnh.

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, Ban chấp hành có 6 chị, tổ chức thành 8 tiểu tổ với tổng số 123 hội viên. Hội làm khá tốt công tác vận động hội viên làm nghĩa vụ lương thực và đưa con em thi hành nghĩa vụ quân sự.

Bước qua năm 1981, cũng như toàn huyện, xã Tân Quới có thêm những khó khăn phức tạp mới do chiến tranh biên giới để lại. Song, với quyết tâm lớn, chi bộ và nhân dân trong xã đoàn kết phấn đấu vượt qua, hoàn thành có chất lượng các nhiệm vụ

nhu tuyên truyền vận động chuẩn bị bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tổng kết kế hoạch 5 năm lần thứ 2 và các mặt công tác thường niên của xã.

* Công tác xây dựng Đảng: Tháng 6/1981, chi bộ xã tiến hành Đại hội bầu chi ủy nhiệm kỳ mới; đồng chí Võ Hoàng Vũ được bầu làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Thôn làm Phó Bí thư, chi bộ có 11 đảng viên. Chi bộ đề ra nghị quyết quan trọng về kế hoạch sản xuất Đông xuân 1981-1982 và kế hoạch chỉ tiêu kinh tế - xã hội của xã. Chi bộ duy trì họp lệ tốt, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm không ngừng nâng cao trình độ nhận thức và giác ngộ lý tưởng cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững chế độ tự phê và phê bình trong sinh hoạt đảng. Quan tâm công tác bồi dưỡng, trong năm phát triển được 2 đảng viên. Xây dựng tốt tinh thần cách mạng tiến công, dám nghĩ dám làm cho từng đảng viên và cả chi bộ, giữ gìn đoàn kết nhất trí trong chi bộ.

Về công tác chính quyền: Năm 1981 còn gặp nhiều khó khăn do đa phần các thành viên Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đều mới trưởng thành tại xã, lại khuyết 2 đồng chí (1 điều về trên, 1 phó Chủ tịch kiêm trưởng Công an bị kỷ luật) dẫn đến công tác quản lý chỉ đạo, tổ chức thực hiện kể cả vai trò làm tham mưu cho cấp ủy còn có nhiều hạn chế. Thực tế chi bộ phải đứng ra làm thay nhiều công việc của chính quyền

nên chưa phát huy được hiệu lực quản lý và uy tín của chánh quyền. Chi bộ xác định đây là một vấn đề lớn, cấp bách cần sớm được khắc phục.

Công tác Mặt trận và đoàn thể trong năm đã có nhiều nỗ lực cố gắng, góp được phần quan trọng vào việc tuyên truyền vận động quần chúng thi hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm nòng cốt tăng cường sức mạnh chuyên chính của Đảng. Trong năm hoạt động đều, có chất lượng tốt là Đoàn viên thanh niên và Hội phụ nữ xã. Tuy nhiên Mặt trận và các đoàn thể cũng còn đọng lại nhiều thiếu sót như: chạy theo công việc chánh quyền, buông lơ công tác hội, đoàn thể; sinh hoạt lệ không đều; công tác giáo dục chánh trị, tư tưởng, chăm lo củng cố các ban chấp hành, ban cán sự còn kém; cá biệt có người cho rằng công tác đoàn thể không cần thiết, không có uy tín nên xin chuyển làm công tác khác.

* Về sản xuất nông nghiệp: Thực hiện chủ trương thâm canh tăng vụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật, năm 1981 xã Tân Quới đã huy động hàng ngàn lượt người tham gia làm thủy lợi tiểu vùng và xây dựng cống Mã Trường. Đồng thời xã lãnh đạo bà con nông dân trong xã quan hệ với các nơi khác đổi lấy các giống lúa kháng rầy và cho năng suất cao hơn như: 3A, 5A, 6A, MLT39, MLT32, MLT34 để thay thế các giống lúa đã bị thoái hóa.

Kết quả vụ Đông Xuân 1981-1982, toàn xã xuống giống được 1.076,25 ha, đạt 97,88% kế hoạch (trong số này có 765,15 ha sạ lúa cao sản). Vụ Hè thu đã xuống giống 1.022 ha đạt 122,2% kế hoạch. Tuy nhiên do lũ lụt nên mất trắng 166,8 ha.

Nhìn chung, cả hai vụ đạt năng suất và sản lượng khá cao: Đông xuân bình quân đạt 4,5 tấn/ha, sản lượng 4.733,550 tấn; vụ Hè thu bình quân đạt 3,2 tấn/ha, sản lượng 2.756 tấn. Cộng chung cả 2 vụ, sản lượng năm 1981 là 7.489,550 tấn, chia bình quân cho 17.126 nhân khẩu đạt 437 kg/người.

Về thu mua lương thực: Vụ Đông xuân huyện giao chỉ tiêu cho xã là 2.613 tấn, kết quả huy động được 2.999 tấn, đạt 114,8% so kế hoạch. Vụ Hè thu chỉ tiêu huyện giao cho xã là 750 tấn, kết quả huy động được 1.471 tấn, đạt 196% so kế hoạch. Tính chung cả năm, xã huy động được 4.471 tấn so với chỉ tiêu huyện giao là 3.364 tấn, đạt tỷ lệ 132,9%. Đây là một thắng lợi lớn của nông dân và cán bộ, nhân viên xã Tân Quới trong năm 1981, cả về mặt sản lượng cũng như chỉ tiêu thu mua lương thực.

Công tác cải tạo nông nghiệp: Thực hiện chỉ đạo của Đảng và công văn hướng dẫn 79, ngày 16/10/1981 của Huyện ủy, chi bộ xã lãnh đạo xây dựng kế hoạch cải tạo nông nghiệp theo tinh thần khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động.

Kết quả, đến cuối năm 1981 xã xây dựng được 4 tập đoàn sản xuất, tổ chức đại hội và bầu ban quản lý các tập đoàn sản xuất. Tập đoàn 1 ấp Tân Thới diện tích 25 ha, Tập đoàn 1 ấp Thượng diện tích 40 ha, Tập đoàn số 2 ấp Thượng diện tích 32 ha, Tập đoàn 1 ấp Trung diện tích 41,2 ha. Đồng thời củng cố bầu lại 18 ban quản trị tổ đoàn kết sản xuất.

* Công tác chăm lo đời sống nhân dân:

Tuy còn nhiều khó khăn chung nhưng chi bộ, chánh quyền xã Tân Quới quan tâm lãnh đạo, các đoàn thể nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, từng bước tháo gỡ giải quyết như: tạo việc làm cho dân, điều chỉnh lại một phần ruộng đất thông qua việc vận động một số hộ nhiều đất hiến để xã cấp cho các hộ không có đất. Tổ chức chăm lo y tế như: tiêm phòng, bán thuốc, điều trị tại nhà cho 2.714 lượt bệnh nhân với số thuốc trị giá 6.367 đồng. Đến cuối năm 1981 xã đã xây cất xong trạm y tế phục vụ tốt khám và chữa trị các bệnh thông thường cho nhân dân.

Năm học 1981-1982 tuy có nhiều khó khăn về trường lớp, nhưng chi bộ lãnh đạo vận động các gia đình có điều kiện đóng góp, hiến cho Nhà nước tiền của, đất để xây cất trường lớp, bàn ghế và vận động phụ huynh đưa con em đến trường. Năm học 1981-1982, xã có 146 em học cấp 2, cấp 1 có 1.950 em. Toàn xã có 47 phòng học với 2.096 học sinh.

Về văn hóa thông tin, đến tháng 7/1981 xã thành lập Đội

thông tin lưu động có 5 người. Tháng 10/1981 xã tổ chức Đội văn nghệ nghiệp dư, hoạt động tích cực, bình quân 1 tháng tổ chức biểu diễn 1 lần, đến cuối năm 1981 biểu diễn phục vụ trên 9 ngàn lượt người xem. Ngoài ra, văn hóa thông tin xã phối hợp với chi đoàn tổ chức 3 đêm hái hoa dân chủ có trên 1.500 lượt nam nữ thanh niên dự; tổ chức các buổi giao lưu, thi đấu thể thao, văn nghệ liên xã.

* Về quốc phòng và an ninh: Tuy có nhiều công tác lớn, dồn dập, song chi bộ xác định đây là nhiệm vụ chiến lược của Đảng, nên đã tập trung chỉ đạo; năm 1981 vận động tổ chức được 4 đợt gồm 56 quân nhân bỏ ngũ trở lại đơn vị, đạt tỷ lệ 50,5% kế hoạch. Xã đã giải quyết cấp ruộng đất cho 5 gia đình có quân nhân tại ngũ.

Công tác đảm bảo an ninh, chánh trị trật tự và an toàn xã hội ở xã được quan tâm và giữ được ổn định. Tuy nhiên các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, số đề, trộm cắp, hút xách, rượu chè say sưa gây rối vẫn còn nhiều; trong năm 1981 toàn xã có 58 vụ cờ bạc số đề, giáo dục tại xã 49 vụ, 9 vụ đưa về trên giáo dục; rượu chè say sưa 25 vụ, học tập giáo dục tại xã; trộm cắp 13 vụ trong đó có 4 vụ chuyên nghiệp đưa về trên giáo dục. Ngoài ra, các ngành chức năng trong xã phối hợp giáo dục 6 gái mãi dâm, thu 138 cuốn băng đồi trụy. Nhìn chung, công tác an ninh trật tự năm 1981 có nhiều tiến bộ, các tệ nạn xã hội và tiêu cực trong xã đang giảm dần.

Bước vào năm 1982, một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của đất nước là bầu cử Quốc hội khóa VII, bầu Hội đồng nhân dân các cấp và Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ V. Trong năm tuy công việc dồn dập, song được sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, sự nỗ lực phấn đấu của Chi bộ, Ủy ban và các ban ngành đoàn thể xã, áp nên đã đạt được những thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực xây dựng Đảng, chính quyền, sản xuất, kinh tế, đời sống xã hội, trong cải tạo quan hệ sản xuất. Cụ thể như sau:

* Công tác xây dựng Đảng: Ngày 30/9/1982, chi bộ xã tiến hành đại hội bầu chi ủy nhiệm kỳ 1982-1983, đồng chí Võ Hoàng Vũ được bầu lại làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Thôn Phó Bí thư. Chi bộ thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng nội bộ Đảng, tổ chức học tập triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, tổ chức nghe báo cáo thời sự, sinh hoạt các tài liệu về Đảng, về Bác nhằm nâng cao trình độ nhận thức, hiểu biết cho đảng viên. Trong năm, đa số đảng viên gương mẫu chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tích cực và nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Không có đảng viên nào phạm sai lầm khuyết điểm lớn, giữ gìn tốt kỷ luật trong Đảng, duy trì hợp lệ chi bộ đúng kỳ, thực hiện tốt đấu tranh phê, tự phê bình để xây dựng chi bộ; đồng thời giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

Công tác phát triển Đảng: Năm 1982 chi bộ phát triển được 2 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của chi bộ lên 7 đồng chí (Vũ, Thôn, Liêm, Giom, Luông, Đây, Phương) và hoàn chỉnh 4 hồ sơ đề nghị về trên xem xét ra quyết định kết nạp. Tuy nhiên so yêu cầu nhiệm vụ cách mạng thì chưa đáp ứng kịp, nguyên nhân do xã và huyện chưa làm được công tác qui hoạch và đào tạo cán bộ cụ thể; chi bộ còn lúng túng trong việc xem xét thành phần và lý lịch của từng đối tượng trước khi đề nghị kết nạp.

* Về hoạt động chánh quyền: Đã tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã và bầu Ủy ban nhân dân xã, đáp ứng yêu cầu đề ra là có năng lực, đa số trẻ. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, xã tiến hành sắp xếp, củng cố lại các ban ngành theo từng khối và phân công cho từng cá nhân có chức năng, quyền hạn lãnh đạo khối cụ thể. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã sau khi được bầu đã phát huy tốt vai trò, tập trung lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong xã phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch kinh tế - xã hội đã đề ra cho năm 1982 của xã.

Tuy nhiên, do bị dồn nhiều công việc trọng tâm nên lợi việc kiểm tra, đôn đốc và họp báo còn lỏng lẻo, nảy sinh tư tưởng tiêu cực, lệch lạc ở một số cán bộ ấp, chưa lãnh đạo thực hiện tốt mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi cho nhân dân; một số mặt công tác còn nặng về biện pháp hành chánh, thiếu tính giáo dục thuyết phục tư tưởng.

* Hoạt động kinh tế nông nghiệp: chi bộ, Ủy ban xã tập trung lãnh đạo bà con nông dân trong xã tận dụng hết sức kéo, sức lao động của nhân dân kết hợp áp dụng các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ lúa, hoa màu. Từ đó nâng năng suất lúa năm 1982 lên 9 tấn/ha trong 2 vụ.

Vụ Đông xuân 1982-1983 toàn xã xuống được 1.098 ha/1.100 ha, đạt 99,8% kế hoạch giao; Vụ Hè thu xuống giống 1.041,9 ha/ 1.000 ha, đạt 128,6% kế hoạch.

Trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày năm 1982 được 211,9 ha/227 ha, đạt 93% kế hoạch. Trong số này chủ yếu là làm theo lối tự phát và truyền thống như trồng mía, thuốc lá, đậu nành, đậu xanh và rau các loại. Nhìn chung, diện tích có tăng đáng kể, chất lượng khá nhưng giá cả thu mua chưa thống nhất nên hàng hóa thoát ra ngoài thị trường nhiều.

Chăn nuôi vẫn theo lối truyền thống, tự nhiên, chưa phát động thành phong trào, chưa theo kế hoạch. Việc hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, bảo vệ gia súc gia cầm chưa tốt, nên trong năm dịch bệnh gây thiệt hại nhiều cho nông dân. Khâu quản lý sức kéo (trâu, bò) còn lỏng lẻo nên còn để nhiều gian thương nơi khác đến mua trâu bò đem ra khỏi xã.

Huy động và thu mua lương thực: Vụ Đông xuân 1982-1983 huy động được 3.582 tấn so với chỉ tiêu 2.400 tấn, đạt tỷ lệ 148,4% kế hoạch giao. Vụ Hè thu huy động được 820,8 tấn so với 1.255 tấn, đạt tỷ lệ 65,6% kế hoạch giao. Bình quân cả

năm huy động được 4.403 tấn so chỉ tiêu 3.665 tấn, đạt tỷ lệ 120,1% kế hoạch.

Công tác cải tạo nông nghiệp, Vụ Đông xuân 1982-1983, xã thành lập thêm được 3 tập đoàn sản xuất, ăn chia theo phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Tổng số diện tích khoán của 3 tập đoàn là 110,9 ha, lao động chính là 724 người, 3 tập đoàn có 931 định suất, định suất khoán 0,12 ha; đã giải quyết việc làm cho 121 hộ không đất sản xuất. Đến 30/9/1982, toàn xã đã cơ bản hoàn thành xây dựng 24 tập đoàn sản xuất và tổng diện tích khoán là 1.000 ha với 2.230 hộ, 13.404 nhân khẩu, giải quyết cấp đất cho 373 hộ không đất.

Nhìn chung, việc phát triển sản xuất năm 1982 ở xã chưa được toàn diện như chỉ tập trung độc canh cây lúa, còn các loại cây khác, chăn nuôi con khác còn yếu do thiếu biện pháp cụ thể, không có kế hoạch, qui hoạch, còn chạy theo giá cả lợi nhuận của lối sản xuất nhỏ.

* Công tác chăm lo đời sống nhân dân:

Tuy có khó khăn nhưng năm 1982 xã đã thành lập được 1 tập đoàn sản xuất gồm những người "một cánh hai quê" ở xã Phú Thành, với 49 hộ, 231 nhân khẩu, nhận khoán 112 ha. Vận động đi sản xuất vùng kinh tế 2 ở xã Phú Lợi, với 38 hộ, 174 nhân khẩu; và cấp đất kinh tế gia đình được 11 tập đoàn sản xuất với 92,8 ha, 788 hộ, 3.944 nhân khẩu.

Trạm y tế xã thường xuyên tổ chức tiêm phòng và bán thuốc phục vụ học sinh (cấp 1 và 2) được 14.539 liều và nhân dân được 12.067 lượt người, với tổng số tiền là 13.836 đồng. Cấp cứu 10 người hết bệnh, chuyển về trên 203 bệnh. Năm 1982 xã Tân Quới có 72 trẻ em mắc bệnh, có 50 trẻ được khám chữa trị khỏi, 22 trẻ chết. Xã có 3 tổ Đông - Nam y, trong năm xem mạch hốt hơn 30 ngàn thang thuốc cho 1,2 vạn lượt người bệnh.

Mạng lưới thông tin từ xã đến các ấp được củng cố, 4 trạm truyền thanh ở 4 ấp thường xuyên thông tin người tốt, việc tốt, tin tức, văn nghệ giải trí. Đội văn nghệ năm 1982 biểu diễn 8 đêm có 2.360 lượt người xem.

Đội bóng đá xã tập luyện thường xuyên, 6 lần thi đấu trong xã và 2 lần thi đấu ngoài xã tổ chức vào các ngày lễ, kỷ niệm lớn. Hội thao quốc phòng huyện năm 1982 xã Tân Quới đạt hạng 3.

Về giáo dục, năm 1982 xã thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để xây dựng trường cấp 2 của xã theo Nghị quyết của chi bộ. Kết quả nhân dân đăng ký ủng hộ 10.000 đồng, học sinh hưởng ứng ngày giao lưu ủng hộ 813 kg lúa qui tiền là 2.800 đồng; huy động nhân dân, phụ huynh và học sinh đào đắp nền trường 400 mét khối đất, tiết kiệm được 8.000 đồng.

Toàn xã năm 1982 mở 3 lớp bổ túc văn hóa: 4, 5, 6 nhưng

chỉ học được 1 tuần thì ngưng do bị động các công tác trọng tâm. Chất lượng giảng dạy và học tương đối khá, lực lượng giáo viên đa phần trẻ, nhiệt tình. Tuy nhiên còn một số giáo viên ở xa chi viện, ảnh hưởng bởi điều kiện sinh hoạt nên việc giảng dạy có phần hạn chế.

* Hoạt động quốc phòng và an ninh:

Công tác tuyển quân của xã vươn lên khá, năm 1982 xã giao quân đạt 90% chỉ tiêu huyện giao. Nguyên nhân là do công tác học tập, quán triệt thông suốt trong nội bộ đến nhân dân về luật nghĩa vụ quân sự mới, kết hợp làm trong sạch hóa nội bộ, thực hiện công bằng, chính xác trong khám - tuyển quân với nắm thực lực thanh niên trong xã. 1982 xã có 2 tiểu đội, 16 du kích thường trực, 1 đại đội dân quân cơ động chiến đấu thường xuyên tập luyện và tổ chức học tập Luật nghĩa vụ quân sự mới cho nhân dân.

An ninh chánh trị, trật tự an toàn xã hội năm 1982 ở xã từng bước ổn định. Tệ nạn xã hội giảm dần, Ban Công an xã trong năm xử lý 37 vụ, chủ yếu là giáo dục và phạt lao động tại xã, đưa về trên xử lý 5 vụ, phục hồi quyền công dân 11 người trong đó có 3 sĩ quan chế độ cũ. Thực hiện chỉ thị 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xã tổ chức được 126 Tổ An ninh nhân dân và hoạt động có hiệu quả trong công tác bảo vệ đảng, chánh quyền xã. Ban Thanh tra xã giải quyết 9 đơn khiếu tố, trong đó có 2 về dân sự, hòa giải 4 vụ, 2 vụ tranh chấp ruộng đất, 1 vụ hôn nhân gia đình, 1 vụ cho vay nặng lãi.

Tuy nhiên, năm 1982 công tác tuyển quân và an ninh còn một số hạn chế: xã chưa thực hiện được chỉ tiêu trên giao, công tác tuyên truyền về luật nghĩa vụ quân sự mới tuy có làm tích cực nhưng chưa sâu, chuyển biến trong dân còn chậm, người dân nhất là thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự chưa chấp hành tốt luật; ý thức bảo vệ tổ quốc còn kém. Về an ninh cũng còn đọng lại nhiều mặt yếu như ý thức, tinh thần cảnh giác cách mạng còn lỏng lẻo, còn vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Năm 1983, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cấp trên, đặc biệt là thực hiện kế hoạch và chương trình hành động của Huyện ủy Thanh Bình⁽¹⁾ chi ủy, chi bộ cũng như chánh quyền, các ban ngành, đoàn thể xã Tân Quới đoàn kết, phấn đấu vượt qua thử thách khó khăn, quyết tâm đưa xã từ yếu kém vươn lên khá toàn diện.

* Công tác xây dựng Đảng: Chi bộ luôn quan tâm và đặt nhiệm vụ giáo dục chánh trị tư tưởng lên hàng đầu, kết hợp làm tốt công tác kiểm tra chấp hành nghị quyết và thực hiện nhiệm vụ của đảng viên; chú trọng ngăn ngừa, giải quyết kịp

(1) Ngày 23 tháng 2 năm 1983, theo Quyết định số 13 -HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chánh phủ) chia huyện Tam Nông thành 2 huyện lấy tên Tam Nông và Thanh Bình; xã Tân Quới thuộc huyện Thanh Bình. Trước đó ngày 19/2/1983 theo Quyết định số 11 - HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là CP) tách 2/3 ấp Tân Thới của xã Tân Quới sáp nhập với một phần xã Tân Huệ lập xã Tân Hòa. Đ/c Sáu Đây, quyền Chủ tịch UBND xã Tân Quới làm Bí thư xã Tân Hòa.

thời những hiện tượng tiêu cực; duy trì đều đặn chế độ sinh hoạt lệ, thực hiện tốt tự phê và phê bình của đảng viên để xây dựng chi bộ; quan tâm và làm tốt công tác qui hoạch, đào tạo bồi dưỡng đảng viên và quần chúng cốt cán cho các ban ngành đoàn thể xã.

Nhờ làm tốt các mặt công tác trên, nên năm 1983 chi bộ xã có chuyển biến tích cực, đa phần đảng viên và chi bộ từ trung bình vươn lên khá. Trong năm chi bộ không có đảng viên nào yếu kém và mắc sai lầm khuyết điểm. Từng đảng viên và chi bộ giữ được đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, cùng chung sức chung lòng chăm lo xây dựng chi bộ và thực hiện tốt nhiệm vụ đảng viên.

Công tác phát triển đảng tuy được chi bộ quan tâm nhưng năm 1983 chỉ phát triển 2 đảng viên. Nguyên nhân do trong chi bộ còn một số đồng chí chưa thấy hết tầm quan trọng của công tác này, có đồng chí tư tưởng cũ kỹ hẹp hòi, chỉ quan tâm nhiều đến tác phong sinh hoạt nhỏ nhặt mà xem nhẹ năng lực nhiệt tình và tính chiến đấu của quần chúng. Đây cũng là điểm yếu được chi bộ kịp thời phát hiện đưa ra quán triệt xác định rõ lại cho đảng viên.

* Về hoạt động chánh quyền: Năm 1983 Hội đồng nhân dân xã có 56 người trong đó thường trực có 13 người. Trong năm họp 3 lần nhằm củng cố kiện toàn Ủy ban nhân dân, bầu bổ sung người vào các chức danh ủy viên thư ký, ủy viên phụ trách thanh tra, tư pháp, công an, thống kê...

Sau khi được chấn chỉnh lại, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phân công, phân nhiệm các chức danh và trách nhiệm, quyền hạn, tránh tình trạng chồng chéo làm thay hoặc không làm; tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động của Ủy ban xã, chủ động phát hiện sai lệch tiêu cực của một số cán bộ bên dưới để kịp thời giáo dục, giúp đỡ sửa chữa.

Nhìn chung, hoạt động của chính quyền xã năm 1983 có nét mới, chuyển biến tốt, hoạt động kinh tế - xã hội các mặt đi vào nền nếp và đạt thành tích tương đối toàn diện. Tuy nhiên, vấn đề thiếu sót nổi cộm của hệ thống chính quyền xã trong năm là sự thiếu nhạy bén, thiếu kịp thời, tệ quan liêu vi phạm quyền làm chủ của quần chúng của một số cán bộ cần phải nhanh chóng sửa chữa khắc phục.

* Về kinh tế và sản xuất nông nghiệp: Trọng điểm của xã vẫn là lúa 2 vụ nên lãnh đạo xã luôn quan tâm tuyên truyền, vận động nông dân đưa các giống mới có năng suất cao như: 3A, 5A, MTK30, MTL34, MT 51, MT 52... vào gieo sạ. Đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc đúng phương pháp và kịp thời vụ nên năng suất ngày càng tăng. Năm 1983 đa phần diện tích đạt 10 tấn lúa/ha, cá biệt có số diện tích đạt 11 tấn/ha/năm.

Năm 1983 toàn xã xuống giống Đông Xuân 1.020 ha, đạt chỉ tiêu 100%; Hè thu xuống giống 1.008 ha/1.000 ha, đạt 100,8% so chỉ tiêu. Cây công nghiệp ngắn ngày trong năm chỉ tiêu giao là 355 ha thực hiện được 470 ha, vượt kế hoạch 36%.

Năm 1983 xã huy động hàng ngàn lượt người tham gia lao động làm thủy lợi nội đồng, tiểu vùng như đào vét hệ thống đường nước của các tập đoàn, đắp mương tự tạo tham gia 876 lượt người, đào đắp 936m³ đất. Như vậy năm 1983 toàn xã huy động 2.540 lượt người tham gia làm thủy lợi, làm 44 đường nước, với tổng số 25.466 mét khối đất.

Về chăn nuôi: chủ yếu nhân dân nuôi theo truyền thống, tự phát, xã chưa có kế hoạch phát triển chăn nuôi con gì, bao nhiêu và kế hoạch bảo vệ đàn gia súc gia cầm; khâu quản lý về lĩnh vực này còn rất lỏng lẻo. Năm 1983 toàn xã có 132 con trâu, 167 con bò, số trâu bò tăng hơn năm 1982 là 87 con; đàn heo toàn xã có 2.425 con; riêng gà, vịt giảm 50% so với năm trước, nguyên nhân do dịch bệnh.

Công tác huy động lương thực năm 1983 đạt và vượt chỉ tiêu. Cụ thể chỉ tiêu vụ Đông xuân giao 4.151 tấn, huy động được 4.869 tấn, đạt tỷ lệ 117%. Vụ Hè thu chỉ tiêu giao 4.360 tấn, huy động được 4.560 tấn, đạt tỷ lệ 110% kế hoạch. Thu thuế các loại qui ra lúa năm 1983 được tổng số 783 tấn, đạt 97,6% kế hoạch.

Về cải tạo nông nghiệp: chi ủy chỉ đạo Ủy ban xã xây dựng kế hoạch cải tạo nông nghiệp của xã, tổ chức học tập nội bộ các ban ngành, đoàn thể và các tập đoàn sản xuất về lợi ích của con đường làm ăn tập thể theo hướng Xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người và xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, thực hiện công bằng xã hội.

Năm 1983 xã đã hoàn thành hợp tác hóa 24 tập đoàn sản xuất, đi vào làm ăn theo hình thức khoán sản phẩm nên đã tiết kiệm được 14.277 lít xăng, dầu; 526 lít nhớt. Giải quyết cấp 436 ha đất cho 373 hộ không đất (có 4 hộ gia đình liệt sĩ) với 1.219 nhân khẩu.

Nhìn chung, về kinh tế và sản xuất năm 1983 ở xã có thuận lợi hơn năm trước. Việc đầu tư thủy lợi, kỹ thuật canh tác, phân giống đã trực tiếp làm tăng năng suất từ 9 tấn/ha năm 1982, lên 10 tấn/ha năm 1983 là một thắng lợi lớn trên lĩnh vực nông nghiệp của xã. Nhờ sản xuất, chăn nuôi phát triển, cho năng suất cao nên đời sống nhân dân trong xã nhìn chung được cải thiện bước đáng kể. Tuy nhiên tồn tại vẫn là việc độc canh cây lúa, chưa phát triển sản xuất chăn nuôi toàn diện và có qui hoạch. Việc sản xuất chăn nuôi chủ yếu vẫn là theo lối cũ, tự phát, chưa hình thành lối làm ăn sản xuất lớn.

* Hoạt động chăm lo đời sống nhân dân:

Trước tình hình khó khăn chung của đất nước, chi bộ và ủy ban đã tập trung lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong xã nêu cao ý thức tự lực, tự cường, đoàn kết hăng hái lao động sản xuất, từng bước khắc phục và vượt qua khó khăn đạt nhiều thành tựu đáng khích lệ.

Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được lãnh đạo xã quan tâm, nhất là tiêm phòng ngừa bệnh cho các cháu học sinh cấp I, II. Y tế xã phối hợp chữ thập đỏ và tổ thuốc nam xã

khám hốt thuốc điều trị được 36.518 thang cho 12.172 lượt người, nấu chung cất được 63 lít tinh dầu bạc hà. Tuy nhiên về y tế còn nhiều khó khăn như thuốc men, dụng cụ, phương pháp điều trị kết hợp Nam - Tây y còn kém hiệu quả; phong trào "5 dứt điểm" chưa phát động sâu rộng đến cán bộ và nhân dân trong xã.

Hoạt động thể dục thể thao có cố gắng, xã thành lập được Đội bóng đá, 1 Đội bóng chuyên luyện tập thường xuyên, trong năm tổ chức thi đấu giao hữu được 6 lần trong đó có 2 lần giao lưu ở huyện, 1 lần được hạng 3. Trong các lần tổ chức thi đấu ở xã có 4.367 lượt người xem cổ vũ. Qua hoạt động thể thao đã góp phần thu hút nhiều người, đặc biệt là thanh thiếu niên tham gia vui chơi, giải trí lành mạnh.

Công tác giáo dục năm 1983 vẫn còn nhiều khó khăn về trường lớp và giáo viên. Để khắc phục, xã vận động nhân dân đóng góp xây dựng mới được 3 trường với 7 phòng học, trong đó có 3 phòng dành cho cấp 2. Tổng số có 54 giáo viên, công nhân viên và 2.150 học sinh cấp I và cấp II. Xã tổ chức được trường mẫu giáo 5 phòng học với 8 giáo viên, 11 lớp, 320 cháu.

Văn hóa thông tin xã năm 1983 được củng cố về số lượng và chất lượng từ xã đến ấp.

Đội văn nghệ trong năm tổ chức được 3 đêm biểu diễn, có 2.360 lượt người xem; ngoài ra, Đội còn lưu diễn ở huyện và 1 số xã bạn.

Về thương binh - xã hội: Năm 1983 xã triển khai thực hiện chỉ thị 05 của Tỉnh ủy về triển khai công tác điều tra chiến tranh 2 thời kỳ. Qua 4 lần họp triển khai, xã đã đề nghị về trên công nhận 21 liệt sĩ, 10 gia đình có công, 1 gia đình thương binh, hiện xã có 47 gia đình có bộ đội tại ngũ. Xã đã làm tốt chính sách hậu phương quân đội như cấp đất cho gia đình có người tại ngũ mà không có ruộng, thăm hỏi tặng quà các gia đình chính sách nhân các ngày lễ tri giá 1.560 đồng.

* Lĩnh vực quốc phòng và an ninh:

Đây là nhiệm vụ chiến lược quan trọng nên được chi bộ quan tâm lãnh đạo. Tuy nhiên xã cũng gặp rất nhiều khó khăn trong tuyển quân và gần như chưa năm nào xã hoàn thành được chỉ tiêu giao quân, số thanh niên trốn nghĩa vụ cũng còn khá nhiều. Cụ thể như sau:

Đợt I năm 1983 giao được 25/35 quân, đạt 71,4% chỉ tiêu. Thu gom số đào rã ngũ đưa về trên 76 thanh niên. Đợt 2, tuyển và giao về trên được 12/15 thanh niên đạt tỷ lệ 80%. Số thanh niên trốn nghĩa vụ còn lại xử lý lao động tại huyện.

Lực lượng dân quân tự vệ có 954 người, đạt tỷ lệ 6,4% số dân; biên chế thành 9 đại đội, mỗi ấp có từ 2 đến 3 đại đội, trong đó có 1 đại đội cơ động chiến đấu. Năm 1983 đã hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự bước I.

Công tác an ninh: Năm 1983 xã không để xảy ra trường hợp mất an ninh nào, trật tự xã hội từng bước ổn định. Trong

năm Ban Công an xã đã xử lý 89 vụ, đưa về trên 16 vụ. Xã đã tiến hành củng cố và Đại hội Tổ an ninh nhân dân, tổng số có 107 tổ và đã tiến hành phân loại tổ an ninh nhân dân, có 9 tổ khá, 70 tổ trung bình và 28 tổ yếu. Nhìn chung, hoạt động an ninh ở xã năm 1983 khá tốt, đã đi vào chiều sâu, kịp thời trấn áp bọn phản động nội địa, tăng cường và làm tốt công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và nhân dân.

Ngoài ra, Ban Công an và Ban Tư pháp xã phối hợp thanh tra giải quyết được 106 đơn khiếu tố dân sự, 3 vụ hôn nhân, chuyển về trên giải quyết 6 hồ sơ. Năm 1983 Ban Tư pháp và Ban Thanh tra xã được củng cố về tổ chức, đưa đi học bồi dưỡng nghiệp vụ 4 đồng chí. Hoạt động của cơ quan Tư pháp xã trong năm nhìn chung khá tốt, không tồn đọng đơn thư, không giải quyết sai, mất dân chủ vụ nào nên được nhân dân tin tưởng.

Năm 1984, căn cứ vào tình hình thực tế nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, chi bộ, chính quyền xã Tân Quới đã lãnh đạo nhân dân trong xã ra sức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

* Hoạt động xây dựng Đảng: chi ủy luôn xác định và thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên, nắm vững và thông suốt các chủ trương đường lối của Đảng, am hiểu và thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước để từ đó có nhận thức đúng đắn và gương mẫu phấn đấu hoàn

thành tốt nhiệm vụ của mỗi đảng viên, cán bộ. Năm 1984 chi bộ xã không có đảng viên nào mắc sai lầm khuyết điểm; kỷ cương, điều lệ của Đảng được giữ gìn, duy trì tốt sinh hoạt lệ chi bộ; làm tốt công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình đóng góp xây dựng chi bộ vững về chính trị, mạnh về tư tưởng và tổ chức.

Chi bộ lãnh đạo thực hiện tốt các nội dung nêu trong nghị quyết đầu năm 1984 là 4 điều nên làm và 4 điều không nên làm đối với đảng viên. Lãnh đạo thực hiện tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên đối với đảng viên, chi bộ. Lãnh đạo thực hiện tốt chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương về công tác xét tư cách và phát thẻ đảng viên; xây dựng được quy hoạch đội ngũ cán bộ kế cận, có phân công đảng viên bồi dưỡng cho cán bộ các ban ngành, tập đoàn sản xuất. Công tác bồi dưỡng và phát triển đảng năm 1984 chi bộ làm khá tốt (kết nạp 5 đảng viên) nhưng so yêu cầu và nghị quyết thì mới chỉ đạt 50%.

* Công tác chính quyền: Ủy ban nhân dân xã năm 1984 có 12 đồng chí, ban ngành có 30 đồng chí, lực lượng vũ trang: du kích 75 (có 24 đồng chí thường trực), dân quân tự vệ 514 đồng chí, công an vũ trang 23 đồng chí; an ninh nhân dân 106 tổ, thanh tra 8 tổ; ban chấp hành Đoàn thanh niên 16 đồng chí, ban chấp hành Hội phụ nữ có 9 đồng chí.

Năm 1984, Đại hội Mặt trận xã tiến hành bầu Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc xã gồm 11 vị, có đảng ủy viên lãnh đạo. Mặt trận phát huy được vai trò vận động tổ chức các tôn giáo, đoàn thể thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng; lãnh đạo 3 đoàn thể đi vào hoạt động tích cực.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của xã năm 1984 phát huy được vai trò xung kích của tuổi trẻ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, hăng hái đi đầu trong thi hành Luật Nghĩa vụ quân sự, trong phong trào thủy lợi, hợp tác hóa nông nghiệp cũng như các phong trào thể dục thể thao vui khỏe, văn hóa văn nghệ, an ninh và quốc phòng ở xã.

Hội Nông dân tập thể xã được củng cố trên cơ sở phát triển các tập đoàn sản xuất. Năm 1984 từ các Hội cơ sở đến Hội xã đã lãnh đạo, làm tốt công tác tuyên truyền vận động bà con nông dân thực hiện tốt các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và hợp tác hóa.

Nhìn chung, các mặt hoạt động lãnh đạo và thực hiện của chính quyền, cũng như các đoàn thể của xã Tân Quới năm 1984 đã có bước chuyển biến tích cực như: lề lối làm việc, họp báo đề ra các kế hoạch, chương trình công tác từng tháng, quý năm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng lĩnh vực quản lý; đồng thời kiểm tra việc thực hiện quản lý kinh tế và các mặt của đời sống xã hội.

* Trên lĩnh vực kinh tế - nông nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết của chi bộ, năm 1984 xã Tân Quới

đã lãnh đạo nắm lại từng loại đất để trên cơ sở đó qui hoạch vùng chuyên canh lúa và màu của xã. Lãnh đạo nhân dân trong xã phát triển trồng màu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật như giống cây, giống con có năng suất cao vào từng gia đình, từng tập đoàn sản xuất.

Với quyết tâm lớn của Đảng, chính quyền và nhân dân, năm 1984 xã Tân Quới đã thu được kết quả đáng khích lệ: Lúa vụ Đông xuân đạt bình quân 6 tấn/ha, Hè thu hơn 3 tấn/ha và bình quân cả 2 vụ đạt hơn 8 tấn/ha. Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày cũng tăng và cho năng suất khá cao, như đậu nành 200 ha đạt năng suất bình quân 15 tạ/ha, mía 60 ha, thuốc lá 30 ha, bắp 30 ha, đậu xanh 35 ha, ớt 5 ha...

Chăn nuôi gia súc gia cầm năm 1984 cũng đạt khá, như: heo toàn xã nuôi được 12.893 con, đạt xấp xỉ 130 tấn hơi; trâu 150 con, bò 132 con, gà + vịt hơn 30.000 con, cá nuôi hơn 250.000 con.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển và mở rộng ngành nghề ở 21/24 tập đoàn sản xuất nhằm tăng thu nhập cho tập đoàn viên. Năm 1984 xã có 6 lò đường kết tinh, 11 nhà máy xay xát, 1 nhà máy sản xuất nước đá, 3 lò bún, 26 lò bánh hủ, 9 tiệm may, 1 lò rèn, 3 tiệm sửa chữa máy móc nông cơ phục vụ sản xuất. Nhìn chung, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp của xã năm 1984 hoạt động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân và giải quyết việc làm.

Việc cải tạo nông - công - thương nghiệp năm 1984 được xã tập trung vào khâu tăng cường các biện pháp quản lý, củng cố các tập đoàn sản xuất yếu kèm đi vào hoạt động có nề nếp, có hiệu quả, tăng mức thu nhập cho tập đoàn viên. Công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, các ban quản lý tập đoàn, liên tập đoàn sản xuất cũng được xã quan tâm.

Năm 1984 qui hoạch và thi công 2 đường nước đảm bảo tốt cho xổ phèn, tháo úng, cấp nước; tổ chức được 4 liên tập đoàn sản xuất, xây dựng cánh đồng mẫu, tổ chức đội bảo vệ thực vật, bảo vệ gia súc, mỗi tập đoàn có tổ thú y. Xã còn chủ trương đẩy mạnh công tác quản lý thị trường nhằm ổn định giá cả và đời sống nhân dân; tổ chức hợp tác xã mua bán bách hóa; đẩy mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, trong đó có chú trọng nâng cao tinh thần thái độ phục vụ trong lưu thông phân phối.

* Về chăm lo đời sống nhân dân:

Thực hiện Nghị quyết của chi bộ, năm 1984 xã tổ chức và phân bố lại lao động cho hợp lý, nhằm tạo công ăn việc làm theo ngành nghề, trên cơ sở đó đẩy mạnh sản xuất nói chung, đặc biệt chú ý về sản xuất nông nghiệp. Vấn đề ăn mặc, học hành, sức khỏe, vui chơi giải trí trong dân được xã luôn quan tâm lãnh đạo và thu kết quả tốt, như:

Về cái ăn, cái mặc, học hành và nhìn chung đời sống của nhân dân ngày được nâng lên do sự phát triển và tăng năng suất trong lao động sản xuất. Việc mở rộng, xây cất thêm

trường lớp 3 điểm trường ở ấp Hạ, ấp Thượng, tranh thủ sự giúp đỡ của trên, sự đóng góp của nhân dân thông qua phong trào "Nhà nước và nhân dân cùng làm" đã mang lại hiệu quả thiết thực, nhờ đó mà hằng năm số phòng lớp, bàn ghế, đồ dùng học tập, nơi ăn ở cho giáo viên, sinh hoạt của học sinh ngày càng được tốt hơn. Tổ chức nắm lại toàn bộ độ tuổi đến trường để huy động 100% con em đi học. Tổ chức mỗi liên tập đoàn sản xuất 1 lớp mẫu giáo. Năm 1984 toàn xã đã phổ cập hết lớp 4. Đồng thời tổ chức bổ túc văn hóa cho cán bộ chủ chốt các ngành và lực lượng vũ trang xã, phấn đấu nâng trình độ học vấn của số này lên hết cấp I và cấp II; trong năm xã cũng đưa 1 số đồng chí cán bộ chủ chốt đi học bổ túc văn hóa tập trung ở huyện.

Công tác chăm sóc sức khỏe, tổ chức khám chữa bệnh, hướng dẫn phòng trị bệnh cho nhân dân trong năm có khá lên; việc kết hợp điều trị đông - nam - tây y ở trạm y tế trung tâm xã làm khá tốt. Chi hội chữ thập đỏ hoạt động tích cực thường xuyên phối hợp ngành y tế nhận thuốc về phục vụ nhân dân kiểm tra dịch bệnh, tiêm chủng phòng bệnh theo mùa, phát động thực hiện tốt phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân.

Phong trào thể dục thể thao cũng được duy trì tốt; xã cũng cố 2 sân bóng hiện có để vừa phục vụ thi đấu bóng đá, tập luyện các môn thể dục thể thao và phục vụ chiếu phim ngoài trời cho nhân dân.

* Công tác quốc phòng và an ninh:

Thực hiện các Chỉ thị của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy về chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch; Chi ủy, Ủy ban xã chủ trương lãnh đạo các tầng lớp cán bộ và nhân dân tăng cường cảnh giác cách mạng, thường xuyên kiểm tra hộ khẩu, kiểm tra sự ra vào xã đối với những người lạ và những địa bàn phức tạp; đồng thời đề cao cảnh giác với những phần tử xấu lợi dụng hoặc đội lốt tôn giáo "phá đạo hại đời".

Phát động rộng rãi, thường xuyên phong trào quần chúng giữ gìn an ninh tổ quốc, học tập và phát động sâu rộng trong nhân dân về Luật Nghĩa vụ quân sự. Lập danh sách thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự (từ 17 tuổi đến 27). Thường xuyên tổ chức học tập chính trị, luyện tập quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ cơ động chiến đấu; cho lực lượng công an, xã đội thường trực để giữ vững định hướng về chính trị, làm tốt nhiệm vụ chuyên chính với kẻ thù.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp, thành lập đội tự vệ cơ quan. Năm 1984 xã cơ bản hình thành xong 4 tiểu đoàn dân quân tự vệ, bước đầu được học tập chính trị, huấn luyện quân sự đạt kế hoạch.

Năm 1984 xã thực hiện hoàn thành tốt công tác tuyển quân, giao 66 quân so chỉ tiêu 65 quân, đạt 105% kế hoạch. Thu gom dứt điểm số thanh niên chống lệnh và đào rã ngũ đưa về huyện; đồng thời thực hiện tốt chính sách hậu phương quân

đội ở xã, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho lực lượng vũ trang thường trực xã, như cấp đất sản xuất tỵ túc để cải thiện đời sống.

Thực hiện chỉ thị 03 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xã tập trung lãnh đạo Ban Công an xã hoàn thành tổ chức và củng cố các tổ an ninh nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh. Sẵn sàng làm tốt nhiệm vụ trấn áp, dập tắt bạo loạn và bọn phản động nội địa, đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền. Xây dựng lực lượng công an nói riêng, an ninh xã nói chung mạnh về chính trị, vững về tư tưởng và tổ chức, thường xuyên làm tốt 6 lời dạy của Hồ Chủ Tịch, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của năm 1984.

Năm 1985, thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình, chi bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã tập trung lãnh đạo các tầng lớp nhân dân xã Tân Quới phấn đấu hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội như sau:

* Công tác đảng: năm 1985 là năm diễn ra đại hội bầu chi ủy nhiệm kỳ 1985-1986. Theo hướng dẫn của Thường trực Huyện ủy và Ban Tổ chức Huyện ủy, chi ủy tiến hành rà soát lại, chuẩn bị nhân sự cho khóa chi ủy mới, chuẩn bị về tổ chức, qui hoạch cán bộ, chọn nhân sự hướng tập trung đủ sức lãnh đạo các liên tập đoàn theo dự kiến đi lên hợp tác xã nông nghiệp.

Trong năm chi bộ giữ nếp sinh hoạt lệ tốt, thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng; tổ chức học tập, triển khai đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nhờ đó mà nhận thức chung của từng đảng viên trong chi bộ được nâng lên một bước, đảng viên thông suốt và chấp hành tốt các nhiệm vụ được phân công. Việc điều động tăng cường một số đảng viên để củng cố và nâng chất hoạt động của các liên tập đoàn là một chủ trương mạnh dạn, có kết quả của chi ủy.

Công tác phát triển Đảng năm 1985 của chi bộ tuy chưa đạt chỉ tiêu (8/10), song đây cũng là năm chi bộ phát triển đảng viên nhiều nhất kể từ trước. Chi bộ đã lãnh đạo và tổ chức thành công Đại hội bầu Chi ủy xã nhiệm kỳ 1985-1986 vào ngày 13/7/1985. Chi ủy gồm có 5 đồng chí, đồng chí Phan Văn Thôn tái đắc cử Bí thư, đồng chí Lê Văn Giem - Phó Bí thư, đồng chí Đỗ Hữu Long ủy viên trực, chi bộ có tổng số 16 đảng viên, có 3 đảng viên dự bị.

* Công tác chính quyền: Chấp hành nghị quyết của chi bộ và Hội đồng nhân dân, hướng hoạt động trọng tâm của công tác chính quyền năm 1985 là tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt công tác cải tạo công thương nghiệp, gắn với đẩy mạnh cải tạo công nghiệp tập thể hóa, hợp tác hóa nông nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 12 và Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy.

Lãnh đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra trong

việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên lĩnh vực điều hành sản xuất nông nghiệp, nhất là trong lĩnh vực phân phối lưu thông, kịp thời phát hiện chấn chỉnh hơn 30 vụ sai phạm về quản lý và phân phối.

Khối hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng trong năm được chấn chỉnh, duy trì vào nền nếp thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, hoạt động phân phối kinh doanh có hiệu quả. Công tác tài chính của xã năm 1985 hoạt động thu kết quả khá, đạt tổng thu 974.960 đồng, số này có gần phân nửa là thu từ thuế nông nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, khối văn xã năm 1985 được quan tâm lớn và thu kết quả tốt như: chấn chỉnh hoạt động của trạm y tế, hộ sinh; sửa chữa xây dựng trường cấp I và cấp II, nên công tác giảng và dạy ở 2 điểm trường Tân Quới 1 và Tân Quới 2 có bước chuyển biến khá tốt. Hoạt động thương binh - xã hội trong năm đạt kết quả khá, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội như: trợ cấp cho gia đình thương binh, liệt sĩ; giúp đỡ ruộng, tiền cho gia đình có người tại ngũ, thăm viếng (có cho tiền, quà) gia đình có người đau bệnh ngặt nghèo, chết.

Ban Chấp hành Xã đoàn có 14 đồng chí, toàn xã 9 chi đoàn, tổng số đoàn viên đến hết quý IV/1985 là 100 đồng chí. Nhìn chung số và chất lượng hoạt động của xã đoàn năm 1985 được nâng lên rõ rệt.

* Về kinh tế - nông nghiệp:

Chi bộ và Ủy ban xã tập trung lãnh đạo tốt việc xuống

giống sản xuất vụ Đông xuân và Hè thu, tập trung hết sức kéo, vốn giống, lao động trong dân, kết hợp các biện pháp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong canh tác. Kết quả 2 vụ đều xuống giống hết diện tích, đạt chỉ tiêu 1.100 ha. Năng suất đạt bình quân hơn 8 tấn/ha cả năm. (Sở dĩ năng suất đạt kém hơn năm trước là do vụ Hè thu hạn hán nặng trên diện rộng).

Ban Nông nghiệp xã tập trung hướng dẫn các liên tập đoàn và hợp tác xã nông nghiệp lên phương án và kế hoạch sản xuất của đơn vị để xã có kế hoạch phân bổ thuốc, xăng dầu, máy bơm. Trong năm 1985 xã đã tiến hành phân chia đất thổ cư cho bà con ở 2 liên tập đoàn với tổng số 388 hộ với diện tích là 333.830m² bình quân mỗi hộ 550m².

Để đảm bảo sản xuất thắng lợi, trong năm các liên tập đoàn đã đẩy mạnh việc nạo vét kinh mương với tổng số 6.800 mét khối, làm thủy lợi nội đồng, mua sắm sửa chữa máy bơm, xăng dầu kịp thời phục vụ sản xuất.

Công tác huy động và thu mua lương thực trong năm tuy gặp khó khăn là do vụ Hè thu mắc hạn lớn, năng suất giảm nhưng bằng sự nỗ lực của các ban ngành, đoàn thể và sự giác ngộ đóng góp làm nghĩa vụ của nhân dân nên năm 1985 xã thu mua đạt 4.640 tấn so chỉ tiêu 3.850 tấn, đạt 120% so kế hoạch.

* Về chăm lo đời sống cho nhân dân:

Ngành giáo dục xã năm 1985 được quan tâm như sửa chữa, xây mới thêm trường cấp I + II Tân Quới 1 và 2 để kịp thời

phục vụ khai giảng năm học mới 1985-1986. Tổng kết năm học 1984-1985, xã có tổng số 1.901 em trong đó cấp I có 1.541 em, cấp II có 292 em, mẫu giáo 68 em; toàn xã có 66 thầy cô giáo và 4 công nhân viên. Kết quả năm học có 1.622 em được lên lớp. Qua tổng kết xét khen thưởng, 20 thầy cô do xã khen, 4 trường khen, 165 học sinh được trường khen; công đoàn trường bình chọn 3 giáo viên xuất sắc đi tham quan Đà Lạt. Công tác bổ túc: đưa 11 học viên đi thi (hết cấp I là 7, hết cấp II là 4); dịp hè xã còn tổ chức 30 điểm xóa mù cho 287 học viên. Kết quả kiểm tra, phòng giáo dục huyện ghi nhận xã Tân Quới cơ bản đạt tiêu chuẩn xóa mù, đạt 99,9% kế hoạch.

Ban Thương binh - xã hội lập hồ sơ 26 gia đình có công với cách mạng, qua xét duyệt có 14 hồ sơ đạt tiêu chuẩn. Kết quả các ngành tổ chức thực hiện tốt chính sách thương binh liệt sĩ, uống nước nhớ nguồn, trợ cấp xã hội, hậu phương quân đội... trong các dịp lễ 27/7, Tết...

Ngành y tế xã được củng cố sắp xếp lại và đi vào hoạt động có nền nếp, trong năm tổ chức khám trị bệnh cho 1.845 lượt người, hộ sinh khám thai 34 người. Phối hợp với Phòng y tế huyện tiêm ngừa bệnh thương hàn cho 2.317 người trong đó có 137 trẻ em.

Văn hóa thông tin xã hoạt động khá. Trong năm phát được 142 thông báo, cắt dán 54 băng, 29 khẩu hiệu, làm 19 tấm panô, viết tin người tốt việc tốt nhằm phục vụ các công tác ở địa phương được 63 lượt. Ngoài ra đội văn nghệ xã vừa biểu

diễn tại xã vừa lưu diễn được 8 đêm. Với tổng số 8.800 lượt người xem.

*** Về quốc phòng và an ninh:**

Trong năm tiến hành củng cố và xây dựng lực lượng tổng số được 1.234 đồng chí. Trong đó lực lượng cơ động chiến đấu 74 đồng chí, chiến đấu tại chỗ 800 đồng chí, phục vụ chiến đấu 300 đồng chí: biên chế thành 11 đại đội, 33 trung đội, 99 tiểu đội. Trong năm, xã gọi đăng ký và khám tuyển nghĩa vụ quân sự 299 thanh niên, số này đến khám là 196, trốn khám là 103 thanh niên. Năm 1985 xã giao 82 thanh niên trúng tuyển nhập ngũ; đồng thời mở 7 điểm học Luật Nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ lao động cho 247 người dự, qua học tập có 14 thanh niên đăng ký thi hành nghĩa vụ quân sự, 27 gia đình cam kết đưa con đi thi hành nghĩa vụ vào năm sau, 4 thanh niên đăng ký thi hành nghĩa vụ lao động.

Về trật tự trị an ở xã, nhìn chung trong năm không xảy ra chuyện gì lớn. Việc thực hiện tốt kế hoạch phối hợp khối nội chính, an ninh xã làm tốt công tác giữ gìn trật tự an ninh trong năm, đặc biệt là ngày lễ kỷ niệm 10 năm ngày giải phóng 30/4 là một thắng lợi lớn. Tuy nhiên trong năm toàn xã còn xảy ra hơn 10 vụ uống rượu gây rối, hơn 200 vụ đánh bài, 8 vụ đánh lộn. Công an xã đã mời giáo dục, cảnh cáo tại chỗ các vi phạm, có 5 vụ phạt lao động tại địa phương. Ngành Tư pháp xã trong năm nhận 34 đơn khiếu tố của nhân dân, số này đã giải quyết ở xã là 31 vụ, chuyển lên huyện 3 vụ.

Tóm lại: Được sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy, sự nỗ lực và trách nhiệm của Chi ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng các ban ngành đoàn thể nhân dân trong xã nên các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của xã Tân Quới năm 1985 đều đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao. Bộ mặt nông thôn của xã, đời sống kinh tế, dân trí - xã hội của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ cán bộ xã được tăng cường về số, nâng được về chất lượng, năng lực lãnh đạo, từng bước nâng được uy tín cho cá nhân và tập thể. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cán bộ ngành xã, ấp còn lơ là trong công tác, chưa thấy hết trách nhiệm, năng lực chưa đáp ứng công tác phụ trách.

Chương II

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ TÂN QUỚI HƯỚNG ỨNG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN, GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1986 - 2000).

Năm 1986, thực hiện các Nghị quyết 6, 7, 8, 9 của Trung ương Đảng về cụ thể hóa đường lối chung của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Căn cứ chương trình hành động của Huyện ủy Thanh Bình, Chi ủy xã Tân Quới đã xây dựng chương trình hành động và nhiệm vụ chánh trị của chi bộ năm 1986.

* Công tác xây dựng Đảng:

Chi bộ luôn quan tâm công tác phát triển Đảng học tập điều lệ Đảng, chú trọng quán triệt thực hiện tốt 5 nhiệm vụ đảng viên. Làm tốt công tác giáo dục chánh trị tư tưởng, kiểm tra việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết của chi bộ, tổ chức sinh hoạt lệ đều, làm tốt công tác tự phê và phê bình, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong năm chi bộ đưa 14 quần chúng đi học đối tượng đảng, chi bộ phân công đảng viên hướng dẫn giúp đỡ quần chúng, làm hồ sơ gửi về trên xét kết nạp 1 đảng viên, còn 1 hồ sơ cần xác minh bổ sung lý lịch; chi bộ cũng đang hoàn tất 2 hồ sơ gửi về trên chuẩn y. Đồng thời chi ủy hướng dẫn chi bộ thực hiện 15 điều đảng ký do Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy qui định đối với đảng viên là 100%, cán bộ ban ngành đảng ký 60%. Tháng 8/1986 chi bộ đại hội bầu lại chi ủy nhiệm kỳ 1986-1987, chi bộ có tổng số 22 đảng viên, Bí thư chi bộ đồng chí Phan Văn Thôn, Phó Bí thư quyền Chủ tịch xã là đồng chí Hà Ngọc Châu⁽¹⁾. Ban chấp hành xã đoàn có 17 đồng chí, toàn xã có 9 chi đoàn, tổng số 125 đoàn viên.

* Hoạt động chánh quyền:

Ủy ban nhân dân tổ chức lãnh đạo thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng nhân dân như lãnh đạo mở rộng hệ thống thương

(1) Cuối 1986, huyện Thanh Bình rút đ/c Châu, đ/c Phạm Văn Dũng làm Quyền Chủ tịch UBND xã. Vài tháng sau (đầu 1987), huyện rút đ/c Dũng bổ sung cho Công an huyện, đ/c Phạm Tấn Phước (ủy viên thu ký) làm Quyền Chủ tịch UBND xã.

ng nghiệp quốc doanh từ xã đến liên tập đoàn. Đồng thời xã lãnh đạo tiếp tục thực hiện Quyết định 42 của Trung ương và Nghị quyết 152 của Hội đồng Bộ trưởng về kiện toàn bộ máy Nhà nước gọn nhẹ, thông qua biện pháp như sắp xếp gọn lại bộ máy, đồng chí nào không đủ năng lực, uy tín thì cho giảm biên chế.

Trong năm xã đã cử 4 đảng viên, 7 cán bộ ban ngành xã đi bồi dưỡng ngắn ngày ở huyện và tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, trình độ lý luận và chuyên môn.

Hoạt động chánh quyền năm 1986 còn tập trung thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, làm tốt công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch Nhà nước ở địa phương, như các chỉ tiêu pháp lệnh sản xuất, thu mua vụ Đông xuân, Hè thu, công tác huy động lương thực, nghĩa vụ quân sự, công tác cải tạo công thương nghiệp. Tổ kiểm tra, thanh tra, tư pháp chấp hành và làm tốt nhiệm vụ hàng tháng có báo cáo, tham mưu đề xuất chi ủy, Ủy ban có biện pháp chỉ đạo giúp đỡ, ngăn chặn kịp thời các hiện tượng tiêu cực, phát huy và nhân điển hình các cá nhân, tập thể làm tốt nhiệm vụ.

* Về sản xuất, kinh tế nông nghiệp:

Năm 1986 tập trung đẩy mạnh sản xuất lúa bằng các biện pháp như: thâm canh, luân canh, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh, đưa giống mới vào sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật. Đảm bảo diện tích và năng suất 2 vụ chính là Đông xuân và Hè thu;

đồng thời có cơ cấu hợp lý cho cây công nghiệp ngắn ngày và nuôi trồng các loại con gắn với việc sản xuất là phải kết hợp tốt với thu mua, chế biến,.....

Thực hiện định hướng trên, năm 1986 xã đã lãnh đạo các liên tập đoàn và nhân dân trong xã đưa 2 giống lúa mới cho năng suất cao vào gieo sạ là IR8423 và giống 17,433. Vụ Đông xuân giống đạt 100,5%, vụ Hè thu đạt 99,3% kế hoạch. Tổng diện tích 2 vụ là 1.848,9 ha, năng suất bình quân 6,5 tấn/ha. Chỉ tiêu sản lượng 5.890 tấn, thực hiện 6.207 tấn, đạt 105,3%. Năng suất cả năm 11 tấn/ha, cá biệt có vùng đạt 12 tấn/ha. Bình quân lương thực 650 kg/nhân khẩu, đạt mức cao nhất từ trước tới thời điểm đó.

Được mùa, xã đề ra chủ trương và lãnh đạo nhân dân đóng góp 1kg lúa/khẩu để xây dựng đường giao thông trong xã, quỹ thủy lợi, quốc phòng....

Theo hướng dẫn của Ban Nông nghiệp huyện, xã làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự cho xây dựng hợp tác xã nông nghiệp qui mô. Tổ chức một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề đi vào hoạt động khá góp phần tận dụng được tay nghề, công lao động nông nhàn và tăng thu nhập cho xã viên, hài hòa 3 lợi ích cho nhân dân trong xã.

Chăn nuôi là nguồn thu nhập đáng kể, đặc biệt là nuôi heo được xã quan tâm chỉ đạo. Năm 1986 toàn xã nuôi được 4112 con heo, bình quân 2 con/hộ/năm. Kế đến là nuôi vịt (nhiều

nhất là Liên Tập đoàn 2), nuôi gà hộ 15 con/năm, nuôi cá 20 hộ có 1 hầm, toàn xã có 102 hầm...; các nghề truyền thống cũng được nhân dân quan tâm và thu kết quả tốt. Đàn trâu, bò của xã tăng mạnh, từ 350 con năm 1985 lên 400 con năm 1986.

Công tác thu mua lương thực năm 1986 đạt 126% kế hoạch trên giao. Thu ngân sách xã năm 1986 tăng 10%, đạt 214.123 đồng. Xã thực hiện tốt chủ trương giảm chi, đưa vốn quay vòng nhanh ở các cơ sở sản xuất làm tăng mức thu nhập cho tập thể, cá nhân và nhà nước; đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện sử dụng vốn theo nguyên tắc của tài chính Nhà nước.

* Trong lĩnh vực chăm lo đời sống nhân dân:

Ngành Giáo dục xã được quan tâm đầu tư tu bổ trường lớp, bàn ghế đảm bảo cho việc dạy và học tốt. Năm 1986 thu thêm 3 nhân viên, xây thêm điểm trường cấp I tại đầu cù lao và xây thêm 2 điểm trường mẫu giáo tại ấp Thượng giáp ấp Tân Thới; xây dựng một cửa hàng sách báo, một nhà hát ở tại trung tâm xã.

Chất lượng dạy và học chương trình cải cách giáo dục của Bộ trong năm 1986 tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng hiệu quả không cao, nguyên nhân chính vẫn là do mới mẻ, đội ngũ giáo viên chưa bắt kịp. Ngành bổ túc văn hóa phổ cập hết cấp I cho cán bộ và con em gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng đi học tại xã và bổ túc tập trung ở huyện đạt kết quả tốt.

Trạm Truyền thanh của xã tại chợ Tân Quới được trang bị, nâng cấp hoạt động tốt. Đội Văn nghệ xã được củng cố, tham gia tập luyện và biểu diễn phục vụ 10 đêm trong năm cho hàng ngàn người xem. Đội Bóng đá thường xuyên đá giao hữu, thi đấu trong và ngoài xã.

Ban Y tế xã năm 1986 được củng cố thêm một bước, hoạt động nền nếp hơn, như mở thêm quầy dược đủ ở 4 ấp, kiểm tra các tổ y tế trong việc khám trị bệnh và bán, cấp thuốc cho dân. Năm 1986 được sự hỗ trợ một phần kinh phí của trên và đóng góp của nhân dân nên xã đã xây dựng xong trạm y tế hộ sinh tại chợ.

* Công tác quốc phòng và an ninh:

Năm 1986 tổng số thanh niên đến tuổi khám tuyển của xã là 640, đến khám tuyển được 311 thanh niên, trốn khám 293 thanh niên. Trong năm xã tổ chức giao quân được 115 thanh niên, đạt 105% chỉ tiêu trên giao. Thu gom giao về trên 9 thanh niên chống lệnh.

An ninh trật tự an toàn trong xã năm 1986 không có gì xảy ra lớn, có 33 vụ tranh chấp dân sự đều được Công an, Tư pháp xã giải quyết dứt điểm. Ngoài ra ban Công an, Tư pháp xã còn làm tốt công tác hộ tịch hộ khẩu, tạm trú tạm vắng, chuyển nhập khẩu, khai sinh, báo tử...

Ban Thanh tra nhân dân, kiểm tra, tư pháp phối hợp làm tốt công tác thanh kiểm tra, đề xuất kiến nghị giúp Thường trực

chi ủy, Ủy ban xã ngăn ngừa kịp thời các hiện tượng tiêu cực. Trong năm, liên ngành phối hợp kiểm tra trên 30 cuộc trong số này phát hiện 2 vụ vi phạm, kiến nghị phạt tiền 18.900 đồng xung vào công quỹ.

Qua năm 1987, tình hình chung trong xã có nhiều khó khăn mới, dồn dập. Do thời tiết năm nay không thuận nên sản xuất gặp khó khăn, năng suất bị sụt giảm khá; đặc biệt là vụ Hè thu gặp nắng hạn kéo dài, đến khi thu hoạch thì bị mưa bão liên tục. Việc phổ biến và thực hiện Chỉ thị 19 của Tỉnh ủy về cấm nấu và uống rượu cũng gặp nhiều khó khăn. Song nhờ sự quyết tâm lớn, tập trung lãnh chỉ đạo của chi bộ cùng với sự chủ động và tích cực của các ban, ngành, đoàn thể nên toàn xã đã phấn đấu hoàn thành nhiều chỉ tiêu kế hoạch năm đặt ra.

* Về công tác xây dựng Đảng: các tổ Đảng và Chi bộ xã luôn duy trì tốt chế độ họp lệ, thông qua sinh hoạt các đảng viên được học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên, nâng cao dần được trình độ nhận thức, nắm hiểu các chủ trương, đường lối của Đảng. Trong năm chi bộ đưa 1 đảng viên đi học lớp trung cấp lý luận chính trị ở tỉnh, học lớp sơ cấp chính trị ở huyện 3 đồng chí, làm thủ tục đề nghị trên chuẩn y, kết nạp đảng 11 đồng chí, nâng tổng số đảng viên của xã lên 29 đồng chí.

Tháng 6/1987, chi bộ tiến hành đại hội bầu chi ủy nhiệm

kỳ mới. Chi ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Na được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Bùng Phó Bí thư - Chủ tịch⁽¹⁾, đồng chí Lưu Văn Tâm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và 2 chi ủy viên là đồng chí Phan Tấn Lộc và Phạm Chí Dũng. Năm 1987, chi bộ tổ chức phân tích chất lượng đảng viên: mức I có 22, mức II có 4, mức III có 3 đồng chí.

Qua sinh hoạt, hoạt động và học tập đa số đảng viên đều nâng được nhận thức tư tưởng và chuyên môn, có bước chuyển biến theo hướng đổi mới, năng động, dám nghĩ, dám làm, nhìn thẳng vào sự thật. Tuy nhiên, việc sinh hoạt tổ đảng còn một số đồng chí xem nhẹ; việc chấp hành Chỉ thị 19 còn gặp nhiều khó khăn, nhiều cán bộ đảng viên còn vi phạm, chi bộ đã họp kiểm thảo phê bình, kỷ luật một số đồng chí nhưng vẫn còn hiện tượng vi phạm.

* Công tác chánh quyền: do tình hình thời tiết trong năm diễn biến không bình thường, dẫn đến sản xuất, chăn nuôi gặp nhiều khó khăn. Để đối phó khắc phục chi ủy, Ủy ban nhân dân quan tâm lãnh đạo, tăng cường công tác kiểm tra, nhắc nhở

(1) Trước đó, ngày 13/2/1987, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng CP) ký Quyết định số 27-HĐBT tách 1/3 ấp Hạ xã Tân Quới sáp nhập với một phần xã Tân Long thành lập xã Tân Bình (xã Tân Bình có 927 ha tự nhiên với 6.585 nhân khẩu; xã Tân Quới còn 1.725 ha với 12.906 nhân khẩu); đ/c Phạm Tấn Phước được điều đến làm Phó Bí thư/Chủ tịch UBND xã Tân Bình, đ/c Nguyễn Văn Bùng (Xã đội trưởng) làm Chủ tịch UBND xã Tân Quới.

các liên tập đoàn, hợp tác xã sản xuất thực hiện tốt các yếu tố sản xuất như giống tốt, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh tốt, khắc phục hạn hán bằng cách tăng xăng dầu cho máy bơm chạy hết công suất đảm bảo tưới đủ diện tích.

Lãnh đạo Ban sản xuất nông nghiệp xã kết hợp thanh tra, tài chính bám sát cơ sở kiểm tra và chỉ đạo các liên tập đoàn, tập đoàn sản xuất xuống đúng giống, đúng thời vụ, chăm sóc đúng kỹ thuật. Nhắc nhở các tập đoàn, liên tập đoàn sản xuất lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh vụ Đông xuân và Hè thu, công khai phương án ăn chia nhằm phát huy quyền làm chủ của từng tập đoàn viên, xã viên; tạo điều kiện để họ biết và kiểm tra từ kế hoạch sản xuất kinh doanh đến phân phối ăn chia của đơn vị mình.

Trong năm, xã lãnh đạo bầu cử các đội sản xuất của hợp tác xã, củng cố bổ sung các tập đoàn yếu kém như Liên tập đoàn 2; tăng cường vai trò lãnh đạo và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, đoàn viên và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể xã.

Thời tiết trong năm diễn biến không bình thường như: nắng hạn, mưa bão; mặt khác do sâu bệnh, ảnh hưởng mạnh của vấn đề "giá - lương - tiền"; nhưng Chi ủy, Ủy ban xã các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân đã phấn đấu đạt kết quả khả quan.

Vụ Đông xuân năm 1987 toàn xã xuống giống hơn 1.000 ha, đạt chỉ tiêu diện tích trên giao, năng suất bình quân hơn 5

tấn/ha. Lương thực huy động vụ Đông xuân toàn xã được 3.500 tấn so chỉ tiêu 3.000 tấn, vượt kế hoạch 22%. Vụ Hè thu toàn xã xuống giống 960 ha, đạt tỷ lệ 90%, năng suất bình quân 4,5 tấn/ha. Huy động lương thực được 867 tấn, đạt 95%.

Đi đôi với khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất bà con nông dân trong xã còn quan tâm phát triển ngành nghề, nuôi trồng truyền thống để tận dụng lao động nông nhàn, tăng thu nhập, tăng thực phẩm cải thiện bữa ăn cho từng gia đình; tăng sức kéo cho sản xuất. Năm 1987 các loại con vật nuôi trong xã đều tăng như heo 4.600 con, tăng gần 500 con; gà 15 đến 20 con/hộ, tăng 5 con; vịt hơn 20.000 con, tăng gần 1.000 con; trâu bò 440 con, tăng 40 con.

Về lưu thông phân phối, lĩnh vực này vì ảnh hưởng "giá - lương - tiền" nên đời sống của các tầng lớp nhân dân trong xã nói chung gặp khó khăn, mất ổn định; thương nghiệp của xã hàng bán ra thì ít, hàng trên đưa xuống không có nên phải chủ động kinh doanh những mặt hàng phục vụ nhân dân nhưng không có lãi vì tình trạng trượt giá nhanh (mua cao, bán cao hơn nhưng vẫn lỗ lã).

Thu ngân sách xã năm 1987 đạt 1.390.300 đồng, đạt 88% kế hoạch, chỉ ngân sách năm 1.366.100 đồng. Nhìn chung hoạt động ngân sách còn nhiều hạn chế, chưa tận dụng hết nguồn thu sẵn có của địa phương. Chưa có để tích lũy xây dựng các công trình phúc lợi công cộng phục vụ nhân dân.

* Về chăm lo đời sống nhân dân: tuy có nhiều khó khăn do ảnh hưởng lớn về thời tiết bất thường, về "giá - lương - tiền". Song với quyết tâm chung của chi bộ là không để dân đói, không để giảm sút nhiều các mặt về đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân.

Trạm Y tế, hộ sinh xã hoạt động bình thường, trong năm khám chữa trị bệnh kịp thời cho hơn 10 ngàn lượt người dân, với tổng số tiền thuốc hơn 18.000 đồng; tổ chức tiêm phòng, phổ biến kiến thức y tế chăm sóc sức khỏe cho hàng ngàn lượt người. Phối hợp tổ nam - đông - tây y khám chữa trị cho 11.202 lượt người bệnh, chuyển tuyến trên 180 bệnh nhân.

Ban Văn hóa Thông tin xã củng cố, sửa chữa đường dây truyền thanh, thông suốt toàn xã, thường xuyên phát tin tuyên truyền các mặt công tác của địa phương, tổ chức phát thanh lưu động 207 buổi, tổ chức chiếu phim 120 buổi cho 13.467 lượt người xem.

Xã đầu tư kinh phí tiếp tục nâng cấp sửa chữa trường lớp, mua sắm thêm bàn ghế, sửa chữa và làm thêm nhà ở cho giáo viên, đảm bảo tốt việc dạy và học của hệ thống trường lớp từ mẫu giáo đến cấp II trong năm học 1987-1988.

* Công tác quốc phòng và an ninh:

Tổ chức học tập, tuyên truyền về Luật Nghĩa vụ quân sự mới để nội bộ và nhân dân thông suốt, thực hiện công khai bình nghị trước dân các trường hợp đi khám tuyển, miễn giảm và thi hành nghĩa vụ, làm trong sạch hóa nội bộ, thực

hiện công bằng trong thi hành luật. Đồng thời để giúp cho mỗi người dân, mỗi thanh niên xác định rõ nghĩa vụ của mình là không thể trốn tránh Luật Nghĩa vụ quân sự, trốn tránh là đồng nghĩa vi phạm pháp luật.

Ban Quân sự xã làm tốt chức năng tham mưu cho Cấp ủy, Ủy ban xã trong việc quản lý, học tập giáo dục nghĩa vụ của thanh niên đối với quê hương, Tổ quốc. Thường xuyên làm tốt công tác thu gom thanh niên không chịu thi hành Luật Nghĩa vụ. Trong năm thu gom 16 thanh niên trong đó có 8 đào ngũ, 5 trốn khám và 3 trốn đăng ký.

Tình hình an ninh và trật tự xã hội trên địa bàn xã trong năm ổn định, tuy nhiên tệ nạn xã hội có xu hướng tăng. Ban Công an xã và các ngành chức năng phải ra tay giải quyết 44 vụ gây rối mất trật tự. Qua giải quyết đa phần các đối tượng đều nhìn nhận sai phạm và hứa sửa chữa; có 7 vụ giải về trên xử lý, trong đó có 1 vụ ngăn cản người thi hành công vụ. Nhắc nhở nhiều hộ dân vi phạm Chỉ thị 19 của Tỉnh ủy về cấm nấu và bán rượu.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân trong năm không nhiều, khoảng trên 60 vụ, tuy nhiên phức tạp thì cao. Ví dụ như có trường hợp dân tố cáo đảng viên, chi ủy viên uống rượu. Nhìn chung các đơn, thư khiếu tố của dân, các cơ quan chức năng được chi ủy chỉ đạo phối hợp giải quyết kịp thời, bảo vệ được an ninh trật tự, bảo vệ được quyền lợi của công dân và đặc biệt là bảo vệ được uy tín cán bộ đảng viên.

Năm 1988, là năm tiếp tục với những khó khăn mới như tình hình lạm phát tiền tệ ngày càng nhanh, với tốc độ phi mã đã gây không ít khó khăn cho sản xuất và đời sống của các tầng lớp nhân dân. Bên cạnh là việc dân thừa kiện đòi lại đất ngày càng gia tăng và tình hình an ninh trật tự xã hội nổi lên ở nhiều lĩnh vực. Song bên cạnh khó khăn cũng có những thuận lợi rất cơ bản là nhiệm kỳ 1988-1989 chi ủy xã Tân Quới đã đủ điều kiện chuyển thành Đảng ủy. Cùng với sự lớn mạnh về số và chất lượng của Đảng bộ, sự nỗ lực phấn đấu của từng đảng viên, các ban ngành đoàn thể nhân dân trong xã trên tất cả các mặt trận nên năm 1988 đã giành được nhiều thắng lợi.

* Về công tác xây dựng Đảng: căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, những qui định và hướng dẫn, giúp đỡ của tổ chức Đảng cấp trên, nhiệm kỳ 1988-1990 chi ủy tổ chức đại hội bầu Đảng ủy xã. Đại hội diễn ra ngày 7/9/1988. Ban chấp hành có 11 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Bùng làm Bí thư, đồng chí Lưu Văn Tâm làm Phó Bí thư, Trần Văn Khải - ủy viên thường vụ; Đảng ủy viên có các đồng chí: Bùi Văn Re, Văn Tuấn Hùng, Phan Tấn Lộc, Phạm Chí Dũng, Nguyễn Văn Khoa, Nguyễn Văn Lâm. Đảng bộ có 35 đảng viên, 23 chính thức, 12 đảng viên dự bị. Đảng bộ có 4 chi bộ là: Chi bộ cơ quan 12 đảng viên, đồng chí Lê Văn Hôm làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Dành làm Phó Bí thư; Chi bộ Tổ chức - Công an - Quân sự có 10 đảng viên, đồng chí Phan Tấn Lộc làm Bí thư; Chi bộ Liên tập đoàn 2 có 5 đảng viên, đồng chí Nguyễn Văn

Lâm làm Bí thư; Chi bộ Hợp tác xã Tân Trung có 4 đảng viên, đồng chí Phạm Chí Dũng làm Bí thư.

Nhìn chung, sau khi được chuyển lên Đảng ủy, kiện toàn Đảng bộ, thì tinh thần đảng viên rất phấn khởi vì từ đây xã Tân Quới có thêm sức mạnh mới đáp ứng kịp thời nhiệm vụ lãnh đạo đổi mới ở địa phương.

* Hoạt động chánh quyền: Năm 1988 tình hình đời sống, kinh tế, xã hội của xã còn gặp nhiều khó khăn như: về sản xuất nông nghiệp do thời tiết không thuận lợi, lũ kéo dài gây trở ngại cho việc làm đất dọn cỏ xuống giống vụ Đông xuân; vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất không đủ và chậm trễ; tình hình tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân lại diễn ra gay gắt nhất là thời điểm từ đầu năm đến cuối tháng 11/1988; trong lĩnh vực phân phối lưu thông cũng gặp nhiều khó khăn do hàng hóa khan hiếm, luôn biến động về giá cả, cầu vượt xa cung...

Trước những khó khăn lớn trên, Đảng ủy, Ủy ban và các ngành xã tập trung sức lãnh đạo và giải quyết kịp thời, đạt kết quả khả quan. Trong vai trò chỉ đạo điều hành của mình, và với tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, Ủy ban nhân dân xã đã cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy và Huyện ủy, chỉ đạo các ngành tập trung giải quyết tốt từng vụ việc, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản được các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao.

* Về sản xuất nông nghiệp: tuy gặp nhiều khó khăn nhưng xã chỉ đạo tập trung khắc phục lũ lụt tranh thủ làm đất, mở rộng diện tích lúa 2 vụ đến 3 vụ, tăng diện tích hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Động viên nhân dân tự bỏ vốn đầu tư chạy thêm nguồn vật tư nông nghiệp như giống mới, phân, thuốc, xăng dầu phục vụ kịp thời cho sản xuất.

Để giải quyết việc khiếu kiện đất đai cho dân, xã tiến hành thành lập đoàn giải quyết đơn thư khiếu kiện đất đai trong nội bộ nông dân. Được sự hỗ trợ và chỉ đạo của trên, năm 1988 đoàn và các ngành chức năng của xã đã nhận và giải quyết được cơ bản 765 đơn. Chỉ còn một số đơn đã giải quyết nhưng đương đơn không chấp nhận vì họ đòi phải giải quyết theo ý họ. Đến cuối năm tình hình thưa kiện đất đai trong xã đã lắng dịu; Xã tiếp tục xác minh thêm để giải quyết dứt điểm một số vụ, đồng thời cũng mạnh dạn xử lý số hộ có hành vi vi phạm pháp luật.

Đến cuối năm 1988 toàn xã có 13 tập đoàn và 7 đội sản xuất, gồm 2 liên tập đoàn và 1 hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1988 xã tiếp tục thi công hoàn chỉnh lộ liên xã đi Tân Bình với khối lượng 11.273 mét khối; liên huyện là 27.002 mét khối. Trong năm xã tổ chức nạo vét đào đường nước phục vụ sản xuất là 15.370 mét khối và nhân dân dành hàng ngàn ngày công tu bổ lộ làng sau lũ.

Chăn nuôi, trồng màu năm 1988 không tăng vì giá cả thu mua không phù hợp và do giá thức ăn cao nên trong năm đàn

heo toàn xã chỉ còn 2.230 con, giảm 22% so với năm 1987; đàn trâu bò 572 con, giảm 27,5% so năm 1986.

Tổng thu ngân sách năm 1988 của xã đạt 56.693.672 đồng, tổng chi 50.812.496 đồng, tồn 5.881.176 đồng. Số dư tín dụng của xã năm 1988 là 71.621.003 đồng. Huy động lương thực trong năm đi vào nề nếp, tổng nhập kho là 3.434.887 kg, đạt 105,6% kế hoạch.

* Việc chăm lo đời sống nhân dân:

Ngoài nhiệm vụ tăng cường và làm tốt công tác điều trị bệnh tại trạm xá xã, ngành y tế thường xuyên phối hợp kiểm tra, tiêm phòng dịch bệnh cho hơn một ngàn lượt người. Kết hợp với Phân viện sốt rét điều trị hết bệnh cho 28 người. Phối hợp với nam, đông y điều trị gần 2 ngàn lượt người bệnh.

Ngành Văn hóa - Thông tin ngoài nhiệm vụ phục vụ tuyên truyền thường xuyên các chủ trương trọng tâm của xã, năm 1988 ngành thực hiện Quyết định 110 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc chấn chỉnh hoạt động băng ghi hình, băng nhạc. Đến cuối năm hoạt động này đã đi vào nề nếp, song vẫn còn một số hộ lén lút sử dụng băng cấm.

Ngành giáo dục năm 1988 chất lượng dạy và học chưa tốt. Năm học 1987-1988 xã có 452 em thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở, đạt 52,7%, chuyển cấp đạt 40,65%. Nguyên nhân chính là do đời sống giáo viên gặp khó khăn và đa phần giáo viên từ nơi khác đến dạy, giờ giấc không bảo đảm.

Thương binh - xã hội hoạt động khá, trong năm nhiều lần tổ chức thăm viếng, tặng quà cho các đối tượng, trợ cấp trong dịp tết Nguyên đán và ngày 27/7, với tổng số tiền là 1.273.620 đồng. Thực hiện chi trả trợ cấp cho các đối tượng là 8.972.545 đồng. Thương binh - xã hội còn làm tốt chức năng tham mưu cùng với số tiền huyện hỗ trợ từ nguồn ngân sách xã và lòng hảo tâm đóng góp của nhân dân đã xây dựng được một căn nhà tình nghĩa với số tiền là 2.140.607 đồng.

Quân sự xã trong năm làm tốt công tác học tập Luật Nghĩa vụ quân sự mới trong nhân dân, họp bình xét trong dân số thanh niên đến tuổi nghĩa vụ, thực hiện đúng luật khám, tuyển tạm miễn... cho từng gia đình có thanh niên đến tuổi để vận động họ tự giác thi hành nghĩa vụ quân sự. Kết quả công tác tuyển quân năm 1988 toàn xã giao quân đạt 105% chỉ tiêu, thanh niên xung phong 42 quân. Ngoài ra, Ban Quân sự xã còn thực hiện tốt Quyết định 139 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc xử lý đối với thanh niên 3 chống, đưa đi cải tạo phạt lao động 24 thanh niên.

* Công tác quốc phòng và an ninh:

Trong năm hoạt động của kẻ xấu đội lối tôn giáo tung tin đồn nhảm nổi lên khá rõ, đã gây hoang mang nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt kẻ xấu đã lợi dụng dân chủ để chống phá chính sách ruộng đất của Đảng, kích động nhân dân đòi đất thừa kiện

lung tung, gây rối trật tự ở địa phương. Một số người đã lợi dụng những ngày lễ, giỗ, đám tiệc để tụ tập thuyết pháp, truyền đạo, vận động nhân dân ăn chay.

Năm 1988 toàn xã có 172 vụ gồm 325 người: uống rượu say quây 51 vụ, đá gà 175 tên, cờ bạc 83 vụ - 103 tên, đánh lộn 38 vụ - 48 tên. Công an xã đã mời giáo dục chỉ rõ một số trường hợp tái sai phạm và phạt lao động, một số người phải làm cam kết và xử lý một số trường hợp khác. Trong năm đã làm thủ tục chuyển đi và đến 89 hộ với tổng số 172 nhân khẩu trong đó có 71 nam và 101 nữ.

Ban Thanh tra xã trong năm tổ chức thanh tra được 47 cuộc lớn nhỏ, tăng 13,5% so với năm 1987. Qua kiểm tra phát hiện một số cán bộ hợp tác xã nông nghiệp chiếm dụng 400.0000 đồng. Ngoài ra, còn phối hợp tốt các ngành trong khối làm tham mưu Ủy ban giải quyết tranh chấp dân sự.

Qua năm 1989, tình hình đời sống, kinh tế - xã hội của xã Tân Quới cơ bản vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và lưu thông phân phối. Sự khan hiếm hàng hóa, đặc biệt là sự trượt giá, mất giá nhanh chóng của đồng tiền đã làm cho sản xuất, sinh hoạt gặp nhiều khó khăn. Việc thừa kiện, tranh chấp đòi đất làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, gây khó khăn cho chánh quyền vẫn thường xuyên xảy ra. Nhiệm vụ trọng tâm năm 1989 của xã là huy động lương thực, tuyển quân, tổng điều tra dân số, bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp.

Khó khăn của năm 1989 là không nhỏ, nhưng được sự chỉ đạo của Huyện ủy, sự giúp đỡ của các ngành huyện và sự nỗ lực rất lớn của Đảng ủy, Ủy ban và các ban ngành xã nên từng bước vượt qua được khó khăn, đạt được một số kết quả sau:

* Công tác xây dựng Đảng:

Trong năm xã đưa đi học lớp đối tượng đảng 14 người, học lớp lý luận chánh trị ngắn ngày 19 đảng viên. Tổ chức kết nạp 7 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 38 đồng chí (do đồng chí Nguyễn Văn Bùng làm Bí thư). Trong năm Đảng bộ xã cũng tiến hành xử lý kỷ luật 9 đảng viên, trong đó có 3 đưa ra khỏi Đảng.

Tình hình đảng viên sai phạm kỷ luật chủ yếu là do nhận thức tư tưởng còn kém, còn nặng về gia đình dẫn đến buông lỏng công việc, không thiết tha với Đảng, thậm chí có trường hợp xin ra khỏi Đảng. Nguyên nhân là do các đồng chí lãnh đạo ở các chi bộ đảng trình độ năng lực còn yếu; việc nắm bắt tư tưởng đảng viên chưa kịp thời, chưa chắc; công tác giáo dục chánh trị cho đảng viên làm chưa được tốt; việc tổ chức học tập Điều lệ Đảng và kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ làm chưa tốt; công nhận đảng viên sửa chữa khuyết điểm chậm.

Tóm lại, tình hình hoạt động và công tác xây dựng Đảng của Đảng ủy xã năm 1989 có bước chuyển biến tích cực và đi vào chiều sâu. Tất cả đảng viên đều được học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng nên về nhận thức tư tưởng có

bước chuyển biến theo hướng đổi mới như: năng động, tích cực, dám nghĩ, dám làm, dám nhìn thẳng vào sự thật và chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được phân công. Đại đa số cán bộ đảng viên có tinh thần hăng hái, gương mẫu trong công tác, biết dựa vào dân để vận động khơi dậy phong trào cách mạng của quần chúng, lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt nhiệm vụ chánh trị của địa phương.

* Công tác chánh quyền:

Năm 1989 xã cùng một lúc phải lãnh đạo thực hiện nhiều công tác trọng tâm như là huy động lương thực, tuyển quân, tổng điều tra dân số, bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, giải quyết ruộng đất và một số trọng tâm công tác khác.

Tuy nhiều công việc lớn, dồn dập và có nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy cùng với sự nỗ lực và quyết tâm lớn của toàn Đảng bộ và nhân dân nên đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Về sản xuất nông nghiệp, năm Ủy ban 1989 tuy thời tiết không thuận, đặc biệt là vụ Hè thu; song Ủy ban xã đã tập trung chỉ đạo xuống giống kịp thời vụ như: Đông xuân xuống giống được 816,6 ha, so chỉ tiêu đạt 100%, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ ha, sản lượng 5.306 tấn lúa. Vụ Hè thu xuống giống được 780,1 ha, so chỉ tiêu đạt 100% kế hoạch, năng suất bình quân đạt 45 tạ/ ha, sản lượng 3.510 tấn. Sản lượng cả năm 1989 của xã là 8.816,25 tấn lúa; bình quân một nhân khẩu đạt

1.000 kg/năm. Hoa màu xuống giống được 203 ha, trong đó đậu xanh 80 ha, mía 44 ha, thuốc lá 6,3 ha, đậu nành 21 ha, ớt 12 ha, rau dưa các loại 39,4 ha.

Trong năm xã lãnh đạo hoàn thành tốt cuộc tổng điều tra dân số, nắm chắc lại số nhân khẩu của toàn xã là 14.025 người, trong số này có 6.720 nam, 7.305 nữ.

Việc lãnh đạo đẩy mạnh phát triển chăn nuôi và bảo vệ đàn gia súc gia cầm nhằm tăng thêm thực phẩm, tăng sức kéo cho nhân dân cũng được chánh quyền quan tâm thực hiện tốt. Đàn trâu của xã năm 1989 có 207 con, có 159 con cày kéo được; bò có 97 con, cày kéo được 79 con; đàn heo có 2.752 con, trong đó có 37 con heo giống hợp đồng với Công ty chăn nuôi và 175 heo giống của nhân dân; đàn vịt có 11.210 con, có 3.720 vịt đẻ.

Trong năm xã đã huy động 1.397 ngày công lao động xã hội chủ nghĩa để đào đắp đường, làm thủy lợi được 10.639 mét khối đất, nạo vét, đào đắp nhiều đường nước phục vụ sản xuất.

Tổng thu ngân sách của xã năm 1989 đạt 199.954.595 đồng, tổng chi trong năm là 179.584.848 đồng, tồn 20.369.747 đồng. Số dư tín dụng trong năm là 387.277.409 đồng.

* Công tác chăm lo đời sống nhân dân:

Trong năm Đài truyền thanh phát được 388 buổi với 475 tin. Nội dung tập trung tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng như: tuyển quân, huy động lương thực, điều tra dân số, bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp...

Ngành giáo dục xã năm 1989 được củng cố một bước về trang bị, số và chất lượng học tập đều tăng. Cấp I năm nay có 1.044 em, lên lớp 922 em, được trang bị 14 phòng học với 117 bộ bàn ghế, số lượng giáo viên đứng lớp là 23. Cấp II có 336 em, được trang bị 12 phòng học với 14 giáo viên, chất lượng dạy và học khá tốt.

Trong năm ngành y tế mở 3 đợt tiêm chủng mở rộng cho 336 em, đạt 92%. Công tác khám và điều trị bệnh trong năm được 1.796 lượt người. Ban Thương binh - xã hội làm tốt công tác chi trả trợ cấp thường xuyên cho 37 gia đình với số tiền là 5.208 đồng; xây dựng 3 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 8 căn với số tiền là 887.675 đồng. Mặt trận xã lãnh đạo vận động các đoàn thể giúp đỡ ủng hộ người nghèo, gia đình gặp khó khăn với số tiền hơn 3.000 đồng.

*** Về quốc phòng - an ninh:**

Công tác tuyển quân năm 1989 đạt 87,5% chỉ tiêu trên giao⁽¹⁾. Toàn xã xây dựng được 1 đại đội cơ động chiến đấu gồm 66 đồng chí.

Tình hình an ninh ở xã trong năm đảm bảo tốt. Về trật tự xã hội trong năm xảy ra 112 vụ, có 219 người tham gia. Gồm 21 vụ đánh bài ăn tiền, 9 vụ trộm cắp, 39 vụ đánh lộn, 6 vụ nấu rượu lậu, 2 vụ uống thuốc tự tử, 3 vụ dùng dao chém cán bộ, 1 vụ xé nệm yết cử tri.

(1) Có 97 thanh niên trốn khám, 20 bỏ xứ...

Việc giải quyết đơn từ khiếu nại được 83 vụ, trong đó có hôn nhân gia đình 13 vụ, dân sự 70 vụ, còn 1 vụ chuyển về trên. Đăng ký khai sinh trong năm 407, đăng ký kết hôn 49, khai tử 3, đăng ký con nuôi 1, đăng ký cải chính hộ tịch 6 trường hợp.

Năm 1990, tình hình đời sống, kinh tế - xã hội của xã nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp do thời tiết không thuận lợi, cùng với việc tranh chấp đất đai thừa kiện kéo dài trong nội bộ nhân dân vẫn diễn ra gay gắt. Việc khan hiếm hàng hóa làm cho lĩnh vực phân phối lưu thông, cải thiện sinh hoạt đời sống người dân cũng là khó khăn trở ngại lớn. Song với vai trò điều hành và trách nhiệm trước dân, Đảng ủy tập trung lãnh đạo các ấp, ngành, đoàn thể trong xã khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết và phương hướng nhiệm vụ năm 1990 của Đảng ủy xã.

+ Về công tác xây dựng Đảng:

Đảng bộ tập trung lãnh đạo các chi bộ cơ sở làm tốt công tác giao dục chánh trị, xây dựng cho từng đảng viên, từng chi bộ vững mạnh về chánh trị tư tưởng, thông qua việc qui hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế thừa, thực hiện tốt công tác kiểm tra thường xuyên, trong đó đặc biệt chú ý và thực hiện tốt Chỉ thị 01/79 về công tác tự phê và phê bình trong Đảng bộ.

Trong năm Đảng ủy lãnh đạo thực hiện nghiêm túc Nghị

quyết 04 của Bộ Chính trị về vận động làm trong sạch đội ngũ cán bộ Đảng và Chỉ thị 291 của Bộ Chính trị về xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật.

Qua học tập và thực tiễn công tác, đội ngũ cán bộ đảng viên của xã ngày càng trưởng thành lên, có nhiều cán bộ trẻ có năng lực, nhiệt tình được bố trí vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chánh quyền, đoàn thể.

Năm 1990 Đảng ủy xã có 100% chi bộ giữ nếp sinh hoạt lệ kỳ tốt, đảm bảo tốt nội dung hướng dẫn của cấp trên. Trong năm Đảng ủy xã phát triển kết nạp 3 đảng viên, đạt 100% chỉ tiêu. Đảng ủy xã có 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Bùng làm Bí thư. Toàn xã có 4 chi bộ, tổng số 32 đảng viên.

+ Hoạt động chánh quyền:

Ủy ban nhân dân xã trong năm thực hiện tốt việc tập trung lãnh đạo kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý các hợp tác xã; phân bổ, cử cán bộ đi học các lớp nghiệp vụ ở tỉnh và huyện. Trong năm hầu hết cán bộ lãnh đạo chánh quyền, tập đoàn trưởng trở lên đều được tập huấn bồi dưỡng chuyên môn. Kết quả là hầu hết cán bộ phát huy được vai trò, năng lực và hiệu quả lãnh đạo quản lý kinh tế, quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần từng bước tháo gỡ khó khăn, đưa kinh tế - xã hội của toàn xã đi lên.

Ủy ban xã chỉ đạo nắm lại nguồn gốc đất, từng bước điều chỉnh lại những trường hợp giải quyết chưa đúng.

Chỉ đạo phóng tuyến đường nước liên hoàn bảo đảm yêu cầu tưới tiêu cho cả 2 vụ, kết hợp quy hoạch tu sửa lộ làng, phát động nhân dân xen canh tăng vụ.

+ Lĩnh vực kinh tế, sản xuất nông nghiệp:

Đảng ủy, Ủy ban xã tập trung lãnh đạo các tập đoàn và hợp tác xã khắc phục khó khăn, chuẩn bị tốt cho sản xuất. Vụ Đông - Xuân toàn xã xuống giống và thu hoạch 816,75 ha lúa, đạt 100% chỉ tiêu, năng suất đạt 63,6 tạ/ha; diện tích trồng rẫy, màu các loại là 180,54 ha. Vụ Hè thu xuống giống được 817,25 ha, đạt 94% kế hoạch, do thời tiết mưa bão thất thường nên năng suất chỉ đạt 43 tạ/ha. Tổng nhập kho 1.311.869 kg, trong đó trả nợ dịch vụ nông nghiệp 43.000 kg, thỏa thuận là 558.528 kg, đổi hàng là 134.960 kg.

+ Về chăm lo đời sống nhân dân:

Đài truyền thanh phát được 312 buổi, 391 tin với các nội dung chủ yếu là tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và các chỉ đạo của xã phục vụ sản xuất, khám tuyển bình xét nghĩa vụ quân sự, tuyên truyền người tốt việc tốt...

Ngành giáo dục được xã và huyện quan tâm đầu tư sửa chữa lại trường cấp I, cấp II và văn phòng làm việc của Ban Giám hiệu cấp II với kinh phí hơn 1.000.000 đồng. Tuy nhiên chất lượng của năm học lại không cao, nhất là khối cấp II, cụ thể toàn khối có 325 học sinh thì đạt yêu cầu là 122, yếu là 203 em. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là do giáo viên thiếu, điều kiện ăn ở đi lại của giáo viên gặp khó khăn.

Trong năm, y tế xã làm tốt công tác tuyên truyền về dân số kế hoạch hóa gia đình, khám và điều trị phụ khoa cho hơn 250 lượt người, đặt vòng tránh thai cho gần 70 người, đỡ đẻ tại trạm là 24 ca; khám chữa trị các bệnh thông thường được 1.862 lượt người. Năm 1990 tủ thuốc y tế xã có vốn hơn một triệu đồng. Ngành thương binh - xã hội thực hiện tốt Chỉ thị 57 về xác minh lại các đối tượng chính sách để chi trả đúng chế độ. Trong năm xã đề nghị trên 3 trường hợp rút chế độ; đề nghị trên công nhận mới 4 đối tượng có công, 2 đối tượng được công nhận nhưng chưa được nhận chế độ. Hàng tháng thương binh xã hội xã chi trợ cấp cho 38 đối tượng với số tiền 653.000 đồng.

+ Công tác quốc phòng, an ninh:

Ban Quân sự xã thường xuyên duy trì chế độ trực chỉ huy và tăng cường công tác và xử lý số chống lệnh tuyển quân. Trong năm, xã đưa về huyện 50 trong đó có quyết định nhập ngũ là 44 thanh niên, thu gom là 6 thanh niên. Năm 1990 Ban Quân sự xã xét duyệt tuổi 17, tổng số 105 thanh niên, số này có đủ điều kiện và đưa đi khám tuyển được 84, không đủ là 21; Ban Quân sự xã tổ chức huấn luyện, diễn tập cơ động chiến đấu cho 66 đồng chí đạt kết quả tốt.

Về an ninh trong năm ở xã không xảy ra chuyện gì lớn, đáng chú ý là vụ vào ngày 27-28/8/1990 tại chùa Tân Phù có tổ chức lễ Vu Lan trá hình, nhưng công an và chính quyền đã

ngăn chặn kịp thời. Trật tự xã hội trong năm xảy ra 121 vụ, có 214 người tham gia, trong đó nổi nhất là cư trú bất hợp pháp gồm 8 người, còn lại là các vụ đánh bài ăn tiền, uống rượu gây rối, trộm cắp, đánh lộn chết người 1 vụ và 1 vụ tự hủy hoại thân thể trốn nghĩa vụ.

Thanh tra, tư pháp xã trong năm nhận trên 80 đơn thư, giải quyết hòa giải tại xã được 72 đơn, chuyển lên trên 8 đơn, tồn 6 đơn. Đăng ký khai sinh 68, đăng ký kết hôn 36, đăng ký khai tử 5. Ngoài ra thanh tra, tư pháp xã còn kết hợp cùng các ngành chuyên môn kiểm tra quỹ tín dụng xã.

Mặt trận và các đoàn thể xã trong năm tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tổng số 846 lượt người dự. Trong đó trọng tâm là tuyên truyền kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức Đại hội Đoàn xã nhiệm kỳ 1990-1992, có 44/48 đại biểu dự, bầu Ban Chấp hành mới gồm 11 đồng chí; tổ chức đưa 5 đội viên xuất sắc dự Đại hội cháu ngoan Bác Hồ. Quỹ bảo thọ (của 16 tổ, 724 hội viên) năm 1990 là 1.400.000 đồng. Trong năm Mặt trận xã tổ chức lạc quyền được 75.000 đồng góp vào quỹ cứu trợ đồng bào miền Trung bị bão.

* Nhiệm kỳ 1991-1995:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ III (1991-1995) của Đảng bộ xã trong điều kiện liên tiếp gặp nhiều khó khăn,

đặc biệt là lũ lụt lớn xảy ra vào năm 1991 và 1994. Bên cạnh đó việc thực hiện chuyển đổi sang cơ chế mới, do trình độ của không ít cán bộ và nhân dân chưa đáp ứng kịp tình hình và theo kịp yêu cầu... cũng như khó khăn về nguồn vốn đầu tư cho các chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc tranh chấp ruộng đất trong nhân dân còn phức tạp, không kém phần gay gắt...

Song, được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban huyện, cùng với sự nỗ lực, đoàn kết phấn đấu, khắc phục vượt qua khó khăn trở ngại của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong xã nên đã đạt được nhiều kết quả trên tất cả các mặt.

+ Công tác xây dựng Đảng:

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết 03 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tình hình tư tưởng của đại đa số đảng viên trong xã có chuyển biến tích cực, từng bước xóa tư tưởng hoài nghi hoang mang dao động về tình hình Liên Xô, Đông Âu tan rã. Tình hình bê tha trong công tác chạy theo làm ăn kinh tế, làm ăn bất chính dẫn đến bỏ sinh hoạt Đảng giảm hẳn; đa số cán bộ đảng viên ra sức rèn luyện đạo đức phẩm chất, tích cực học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới. Trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường, mặt trái tác động mạnh nhưng nhìn chung đội ngũ cán bộ, đảng viên trong xã vẫn luôn vững vàng, từng bước thích nghi với cơ chế mới, hiệu quả công tác ngày được nâng lên.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, tình hình mới và củng cố tổ chức Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa III, nhiệm kỳ 1991-1995 được kiện toàn gồm 9 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Bình làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lưu Văn Tâm, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Văn Tấn Hùng, Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã⁽¹⁾. Toàn Đảng ủy có 4 chi bộ, 36 đảng viên (đầu nhiệm kỳ), lên 51 đảng viên (cuối nhiệm kỳ).

Công tác phát triển Đảng trong nhiệm kỳ được Đảng ủy thường xuyên quan tâm, có chú ý đến đối tượng đội ngũ giáo viên, y tế, lực lượng vũ trang và một số ngành. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ kết nạp được 15 đảng viên trẻ. So kế hoạch tuy có chậm nhưng đảm bảo được chất lượng. Tuy nhiên trong nhiệm kỳ Đảng ủy cũng tiến hành xử lý kỷ luật 12 đảng viên gồm cảnh cáo 5, khai trừ 7. Đảng ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác phê, tự phê bình, công tác kiểm tra chấp hành Điều lệ và Nghị quyết của Đảng; có 95% đảng viên được giúp đỡ uốn nắn kịp thời sửa chữa những yếu điểm và sai phạm.

Công tác quy hoạch và đào tạo trong nhiệm kỳ có chuyển biến mạnh, xã đưa đi đào tạo ở Trường Chính trị tỉnh 6 đồng chí trung cấp lý luận chính trị, 2 đồng chí quản lý Nhà nước, 8

(1) Và 6 Ủy viên Ban Chấp hành: Đ/c Nguyễn Văn Bình, Phan Tấn Lộc, Phạm Văn Duẩn, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Văn Ngần, Nguyễn Văn Mãn Năm.

đồng chí dự khóa đoàn thể ngắn hạn, 3 đồng chí dự khóa Hội đồng nhân dân và tôn giáo vận; ở huyện 12 đồng chí dự các lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở; 25 đồng chí dự các lớp Hội đồng nhân dân xã.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ III cũng còn những mặt tồn tại như: công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng kịp với yêu cầu thực tế, việc điều động bố trí cán bộ còn chắp vá, chưa theo quy hoạch, chưa có hệ thống; đội ngũ cán bộ kế thừa còn mỏng có lúc bị động, công tác phát triển đảng còn chậm, còn nhiều đảng viên sai phạm khuyết điểm. Tình trạng đảng bao biện làm thay chánh quyền tuy đã giảm nhưng vẫn còn. Việc học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng còn chậm, một số đảng viên ý thức chưa cao, thực hiện chưa tốt nhiệm vụ được giao.

+ Công tác xây dựng chánh quyền, mặt trận và đoàn thể:

Nhiệm kỳ 1991-1995 Hội đồng nhân dân xã (25 đại biểu) từng bước được củng cố, có cải tiến nhiều, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động như: nội dung các kỳ họp được chuẩn bị chu đáo; đại biểu tham gia thảo luận sâu nội dung các vấn đề đặt ra và biểu quyết tập trung cao. Chất lượng hoạt động của đại biểu được nâng lên rõ rệt so nhiệm kỳ trước. Các đại biểu hoạt động đúng luật, có tiếp xúc cử tri trước mỗi lần họp để thu thập ý kiến phản ánh và kiến nghị của cử tri.

Các đại biểu Hội đồng nhân dân, đều được bồi dưỡng kiến thức, chức năng nhiệm vụ của người đại biểu.

Bộ máy chánh quyền xã nhiệm kỳ 1991-1995 cũng được củng cố theo hướng gọn nhẹ, chất lượng và hiệu quả; do đồng chí Lưu Văn Tâm làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Dính làm Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân xã quản lý điều hành hoạt động theo quy chế như: phân định rõ chức năng của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân. Các ban ngành của xã được sắp xếp lại hợp lý, làm tốt chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã điều hành hoạt động có hiệu quả.

Công tác tiếp dân, giải quyết các vấn đề về đời sống xã hội trong xã của chánh quyền được chấn chỉnh một bước; chủ yếu tập trung vào đầu mối Ủy ban nhân dân xã để xem xét chỉ đạo, chuyển giao cho các ngành chức năng giải quyết. Tuy nhiên công tác này chưa đi vào nền nếp, chưa phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan tiếp dân và cơ quan giải quyết nên còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn phiền hà cho dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã nói chung nhiệm kỳ 1991-1995 có nhiều đổi mới về hình thức, nội dung và phương pháp hoạt động nên tập hợp được đông đảo nhân dân, đáp ứng lợi ích, nguyện vọng của dân nên được nhân dân ủng hộ.

- Cấp ủy Đảng phân công 10 đảng viên có uy tín, có năng lực làm công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể (có 5 làm chuyên trách). Hoạt động của Mặt trận và đoàn thể đặt mục tiêu đi sâu học tập, tuyên truyền giáo dục thực hiện các chủ

trương chánh sách và pháp luật của Nhà nước, về quyền làm chủ của người dân, mạnh dạn đóng góp ý kiến tốt về sản xuất, đời sống và xây dựng chánh quyền, xây dựng Đảng...

Trong nhiệm kỳ 1991-1995, Mặt trận Tổ quốc xã đại hội bầu 17 thành viên: 4 ban Mặt trận ấp có 42 thành viên.

Ban Chấp hành Hội Nông dân có 4 thành viên và 28 hội viên; Ban chấp hành Đoàn Thanh niên 9, đoàn viên 84; Hội Liên hiệp Thanh niên có 69 hội viên.

Ban chấp hành Hội Phụ nữ xã có 6, hội viên có 518.

Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh có 4, hội viên có 40.

Ban chấp hành Hội Phụ lão xã có 9, hội viên có 652.

Ban chấp hành Hội Thanh niên xung kích có 3, hội viên có 27.

Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ xã có 5, hội viên có 163.

Việc phối hợp hoạt động giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và chánh quyền xã ngày càng chặt chẽ, bảo đảm được tính thống nhất.

Đảng, chánh quyền luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận và các đoàn thể hoạt động nền nếp, khắc phục tư tưởng xem thường vai trò Mặt trận và đoàn thể.

Tuy nhiên công tác Mặt trận dân vận còn số tồn tại là: đội ngũ cán bộ phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản (nhất là ở ấp); phân công nhiệm vụ không ổn định, chấp vá, thiếu kinh nghiệm; chưa làm tốt công tác quy hoạch đào tạo

cán bộ; hoạt động của một số đoàn thể quần chúng còn mang tính hành chính hóa, ít đi sâu sát cơ sở để gần gũi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng bức xúc quần chúng để có biện pháp giải quyết kịp thời. Riêng Đoàn Thanh niên và Hội Nông dân chậm được củng cố, không giữ sinh hoạt lệ, không nắm được đoàn viên, hội viên.

+ Về kinh tế - sản xuất nông nghiệp:

Nhiệm kỳ 1991-1995, được sự lãnh chỉ đạo sát sao kịp thời của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã vận dụng tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra được những biện pháp tích cực và đúng hướng như: xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, mở rộng hệ thống thủy lợi, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay; đồng thời khuyến khích thâm canh mở rộng diện tích, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật; chương trình khuyến nông; chuyển đổi cây trồng vật nuôi... đạt kết quả khả quan.

Diện tích lúa 2 vụ tăng 6,34% (từ 829 ha năm 1991 lên 870 ha năm 1995). Năng suất tăng 50% (từ 40 tạ/ha năm 1991 lên 60 tạ/ha năm 1995); sản lượng tăng 59% (từ 3.120 tấn năm 1991 lên 4.977 tấn năm 1995). Lương thực bình quân nhân khẩu tăng 33,3% (từ 900kg năm 1991 lên 1.200kg năm 1995). Tất cả đều vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ III đề ra.

Cây công nghiệp ngắn ngày và hoa màu cũng tăng đáng kể

(33,8%) từ 136 ha năm 1991 lên 181 ha năm 1995. Nguyên nhân là do dân thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu, luân canh, xen canh, tăng vụ...

Chăn nuôi gia súc gia cầm ổn định và phát triển số đầu con, như: heo từ 595 con/năm 1991 lên 795 con năm 1995, tăng 33,6%; gia cầm tăng 50,3% (từ 12.500 con năm 1991 tăng lên 18.700 con năm 1995). Riêng đàn trâu bò giảm 15,8% (từ 112 con năm 1991 xuống còn 95 con năm 1995) nguyên nhân giảm là do dân thay sức kéo bằng cơ giới.

Giá trị tổng sản lượng ngành nông nghiệp theo thời giá năm 1992 tăng 4 lần (từ 2,65 tỷ/1992 lên 8,71 tỷ đồng/1995) trong đó trồng trọt chiếm tỷ trọng 98%, chăn nuôi 2%. Để phục vụ sản xuất, Ngân hàng huyện đã cho gần 21.000 lượt hộ vay gần 7 tỷ đồng, đáp ứng 63% nhu cầu vốn.

Hệ thống giao thông (lộ làng) đã được mở rộng, nâng cao và rải cát, đá nhuyễn được 8.230m³, kinh phí là 180,3 triệu đồng (nhân dân đóng góp 48,4 triệu, Nhà nước 137,3 triệu đồng). Đồng thời còn làm mới 2 đoạn lộ thuộc khu vực ấp Thượng và ấp Hạ khỏi khu vực sạt lở, với tổng chiều dài là 3.400 mét, kinh phí là 15,5 triệu đồng.

Hệ thống điện lưới quốc gia được kéo về khắp toàn xã, đây là điều mơ ước từ bao đời nay của Đảng bộ và nhân dân Tân Quới. Đã có 625 hộ sử dụng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt gia đình. Mạng lưới cáp điện thoại cũng được kéo phủ kín xã phục vụ thông tin liên lạc nhanh chóng, thuận tiện.

Công tác giải quyết tranh chấp ruộng đất trong từng năm qua được địa phương quan tâm. Tổng số đơn nhận 196, xã từng bước xác định giải quyết được 112 đơn, còn lại 14 đơn đang tiếp tục giải quyết, xã hoàn tất thủ tục đề nghị huyện cấp quyền sử dụng đất được 1.176 sổ, hiện còn 422 sổ tiếp tục hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp cho dân.

Công tác thu thuế đạt chỉ tiêu, đã giao nộp về trên 2000 tấn, so chỉ tiêu chung đạt 98%. Tổng thu ngân sách xã là 1,25 tỷ đồng, chi là 1,2 tỷ đồng. Thu nợ tín dụng và thuế đất ở nhiệm kỳ qua chậm do nhân dân không đồng tình. Địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc thanh toán công nợ, song kết quả còn thấp. Hiện số nợ tín dụng phải thu là 62 triệu đồng, số phải trả cho trên là 31 triệu đồng; số lúa phải thu từ đất ở là 17.950kg.

+ Chăm lo đời sống nhân dân:

Năm năm qua, đời sống nhân dân trong xã từng bước được cải thiện. Thu nhập bình quân mỗi người là 2.100.000 đồng/năm, tăng 174,5% so với năm 1991. Số hộ nghèo thu hẹp dần, số hộ khá càng tăng. Qua điều tra thì xã hiện có 10% hộ giàu; 11,14% hộ khá, 38,5% hộ trung bình, 40,2% hộ nghèo. Số hộ có nhà ngói chiếm 15%, mua sắm xe gắn máy 22%, ti vi cassette chiếm 65%. Qua gần 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và bộ mặt xã hội xã Tân Quới đã khởi sắc và đang từng ngày phát triển mạnh mẽ.

Các chính sách xã hội được Đảng quan tâm đặc biệt như chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm được 179 hộ với số tiền là 147 triệu đồng. Xã cất được 4 nhà tình nghĩa trị giá 42 triệu đồng; lập 1 sổ vàng với 5 triệu đồng. Xét đề nghị về trên giải quyết chính sách 27 vụ, huyện đã giải quyết 7 vụ, còn tồn đọng 20 vụ. Hàng năm chi trả trợ cấp 74,4 triệu đồng cho 42 gia đình được hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên.

Hoạt động y tế trong 5 năm qua có nhiều tiến bộ. Các chương trình Quốc gia về y tế, sức khỏe cộng đồng được thực hiện đạt kết quả tốt như tiêm chủng mở rộng, khám chữa trị bệnh cho 21.035 lượt người. Công tác truyền thông dân số, áp dụng các biện pháp phòng tránh thai được tuyên truyền và thực hiện tốt, tỷ lệ tăng dân số giảm dần trong các năm (1991 là 2,9%, 1995 giảm còn 1,8%).

Công tác giáo dục được huyện, xã quan tâm, chất lượng dạy và học được nâng lên, học sinh thi đậu tốt nghiệp hằng năm đều tăng (đạt 98%). Chủ trương xã hội hóa giáo dục có chuyển biến tốt, mỗi năm đầu tư cho giáo dục 290 triệu đồng (huyện đầu tư 226 triệu, ngân sách 64 triệu). Học sinh đến trường hàng năm đều tăng. Đội ngũ giáo viên từng bước được bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ và tiêu chuẩn hóa, đạt 85/186 người. Việc thực hiện kết hợp giáo dục giữa nhà trường, xã hội và gia đình có nhiều tiến bộ đạt kết quả tốt. Số học sinh khá giỏi ngày càng tăng, có 5 em được thi học sinh giỏi vòng huyện. Tuy nhiên việc sửa chữa, xây dựng mới trường lớp còn

chậm; đội ngũ giáo viên chưa được chuẩn hóa còn nhiều; phổ cập giáo dục còn chậm; giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh chưa đạt hiệu quả cao.

Lĩnh vực văn hóa - thông tin từng bước được đổi mới, phát tin thông báo tuyên truyền 112 lượt, cắt dán 173 băng rol, quản lý 25 điểm chiếu video, 15 điểm karaoke. Toàn xã có 254 gia đình đăng ký, qua bình xét có 60 gia đình được công nhận gia đình văn hóa.

+ Về quốc phòng và an ninh:

Do làm tốt công tác gọi khám sơ tuyển và bình xét, hàng năm xã đều giao đạt và vượt chỉ tiêu huyện giao (như năm 1991 giao về trên 24 thanh niên, 1992 giao 20, 1993 giao 23, 1994 giao 19, 1995 giao 18). Nhìn chung các năm giao quân đều đạt từ 103 đến 105% chỉ tiêu trên giao.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được xã phát động thường xuyên và sâu rộng, thể hiện qua tinh thần cảnh giác của nhân dân ngày được nâng lên. 4 Ban Nhân dân ấp, 13 Liên tổ An ninh nhân dân trong xã được củng cố, chất lượng hoạt động ngày phát huy tốt như quản lý chặt chẽ 84 đối tượng hình sự. Trật tự xã hội xảy ra 97 vụ gồm 152 tên, so với nhiệm kỳ trước có giảm.

Công tác thanh tra, hòa giải có nhiều cố gắng và tiến bộ, nhất là trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình. Trong 5 năm qua đã nhận 142 đơn, đã giải

quyết 89 đơn, đang xác minh 27 đơn, đọng 53 đơn, chuyển về trên 20 đơn.

Ngành Tư pháp xã đã cấp giấy khai sinh 1.424 cháu, thực hiện khai tử cho 76 người, đăng ký kết hôn cho 131 cặp vợ chồng.

Công tác chống tham nhũng, buôn lậu được xã quán triệt tốt và chỉ đạo làm thường xuyên, đạt kết quả, bước đầu tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân. Đã xử lý 5 vụ buôn lậu với số lượng 152 cây thuốc lá ngoại, chuyển về trên 3 vụ gồm 52 cây... Nổi cộm trong nhiệm kỳ được xử lý là vụ chiếm dụng vốn ở hợp tác xã Tân Trung, thu hồi lại cho tập thể 10 tấn lúa.

Tuy nhiên, công tác an ninh quốc phòng còn tồn tại yếu điểm là năng lực và chất lượng hoạt động chưa cao, khó tập trung, chưa thường xuyên, thiếu kinh phí hoạt động, quân nhân đào bỏ ngũ ngày càng tăng; biện pháp xử lý chưa ráo bước; chính sách hậu phương quân đội làm chưa tốt. Hoạt động của lực lượng bảo vệ pháp luật chưa đồng bộ do chưa có quy chế phối hợp hoạt động. Công tác hòa giải còn chậm và thường dễ tồn đọng gây nhiều phiền hà cho dân.

* Nhiệm kỳ 1996-2000:

+ Công tác xây dựng Đảng:

Trong nhiệm kỳ IV (1996-2000) tình hình tư tưởng của đảng viên trong Đảng bộ xã ổn định, lập trường chính trị vững vàng. Đảng bộ luôn quan tâm chú trọng công tác giáo dục

chánh trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, tổ chức học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, ôn lại truyền thống nhân các ngày lễ lớn được 139 cuộc, với 10.052 lượt đảng viên, đoàn viên, cán bộ dự.

Công tác tổ chức: thành lập mới 1 chi bộ, nâng tổng số lên 7 chi bộ (gồm 4 chi bộ ấp và 3 chi bộ: an ninh quốc phòng, trung học cơ sở và giáo dục). Đảng ủy xã khóa IV (1996-2000) có 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Bùng làm Bí thư; đồng chí Lưu Văn Tâm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Võ Văn Đức, ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã⁽¹⁾...

Trong nhiệm kỳ này đưa đi đào tạo 246 đảng viên, cán bộ trong đó trung cấp lý luận chính trị 7 đồng chí, quản lý Nhà nước 2, Trung cấp chuyên môn 4, bồi dưỡng cấp ủy cơ sở 23, các lớp tập huấn ngắn hạn khác là 210 đồng chí.

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Kết quả trong nhiệm kỳ đã kết nạp mới 40 đảng viên (nữ 6) nâng lên toàn Đảng bộ được 70 đồng chí (đảng viên chính thức 57 đồng chí, dự bị 12 đồng chí); so dân số chiếm 0,51% và đạt 160% so Nghị quyết (trong đó lĩnh vực giáo dục kết nạp được 18 đồng chí, nữ 4 đồng chí chiếm 45% số mới kết nạp).

(1) Và 6 cấp ủy viên là các đồng chí: Nguyễn Văn Dành, Phạm Văn Nàn, Võ Danh Đôn, Phạm Văn Tuân, Nguyễn Văn Ngân, Nguyễn Văn Mẫn Năm.



Cấp ủy Đảng xã Tân Quới (nhiệm kỳ 1996-2000).



Đại hội đảng viên Đảng bộ xã Tân Quới (nhiệm kỳ 2000-2005)

Công tác kiểm tra các tổ chức cơ sở và Đảng viên chấp hành qua các năm đều đạt 100% kế hoạch. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý 23 đảng viên vi phạm (trong đó khiển trách 5 đồng chí, cảnh cáo 6, cách chức 7, xóa tên 1 và khai trừ 4).

Thực hiện công tác phê bình, tự phê bình kết hợp phân tích chất lượng Đảng viên hàng năm đạt được từ 85% trở lên, đặc biệt năm 1999 đạt 90%; phân loại cơ sở Đảng hàng năm đạt trong sạch vững mạnh từ 70% trở lên, riêng năm 1999 đạt 85%; Đảng bộ được công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 1996, 1997, 1999. Riêng năm 1998 Đảng bộ yếu kém.

Thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và bước 3 cuộc vận động xây dựng chính đốn Đảng, đã tự phê 68 cá nhân (kể cả Ban Chấp hành Đảng bộ xã: 11 đồng chí gồm bí thư, phó bí thư các chi bộ, 7 đồng chí đảng viên trưởng đầu ngành và 41 đảng viên, đạt 100% kế hoạch).

Tuy nhiên công tác xây dựng Đảng còn hạn chế như: việc đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ chưa kịp thời, bố trí điều động cán bộ thường chấp vá, nội bộ thiếu đoàn kết, công tác kiểm tra chưa được quan tâm thường xuyên, từ đó mà số đảng viên cán bộ vi phạm không giảm so nhiệm kỳ trước.

+ Hoạt động khối chánh quyền và đoàn thể:

Tổ chức tốt bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa VIII, bầu ra 25 đại biểu Hội đồng nhân dân họp kỳ đầu tiên bầu 2 đồng



Các ủy viên Ủy ban nhân dân xã Tân Quới ra mắt Hội đồng nhân dân xã Khóa 8 - 1999-2004).

chí Thường trực Hội đồng nhân dân, 7 thành viên Ủy ban nhân dân xã đứng theo luật định; bố trí phân công đại biểu Hội đồng nhân dân làm tốt công tác tiếp xúc cử tri trước mỗi kỳ họp.

Bộ máy chánh quyền từ xã đến ấp được sắp xếp tinh giản, gọn nhẹ theo tinh thần Nghị định 29 Chánh phủ và Quyết định 70/UBND tỉnh Đồng Tháp, đã từng bước ổn định, hoạt động có hiệu quả; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, quy chế làm việc, sắp xếp lề lối làm việc tuần 40 giờ, theo mô hình 1 cửa, đồng thời thực hiện tốt công tác tự phê bình, công khai nguồn vận động nhân dân đóng góp, niêm yết văn bản thủ tục hành chánh ở xã và các ấp cho dân biết, xây dựng lịch tiếp dân hàng tuần, cụ thể, tiếp dân đúng lịch, hoạt động có nền nếp.

Tuy nhiên, công tác chánh quyền còn hạn chế trong việc chậm cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, một số đoàn thể nội bộ chưa nhất trí cao trong việc triển khai thực hiện sự lãnh chỉ đạo của chánh quyền. Còn một số hoạt động ở xã không tuân thủ pháp luật, dẫn đến vi phạm pháp luật trong quản lý ngân sách, quản lý Nhà nước và xã hội⁽¹⁾.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã nhiệm kỳ 1996-2000 tiến hành đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp quần chúng nhân dân theo hướng đa dạng hóa sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích quần chúng đóng góp xây dựng đảng, xây dựng chánh quyền đoàn thể, thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc phòng ở địa phương. Trong nhiệm kỳ qua đã vận động nhân dân đóng góp quỹ an ninh quốc phòng được 53,3 triệu đồng, của các hội quần chúng: 17,7 triệu đồng phục vụ cho phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc...

Lãnh đạo tốt công tác bầu cử Trưởng ấp, Thanh tra nhân dân theo qui chế dân chủ cơ sở. Vận động tín đồ các tôn giáo sống tốt đạo đẹp đời theo chánh sách tôn giáo của Nhà nước, qua đó đã củng cố niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng. Trong nhiệm kỳ qua, đã kết nạp vào tổ chức đoàn 107 thanh niên, kết nạp vào các hội quần chúng là 6.156 hội viên. Ngoài ra, các đoàn thể và hội quần chúng đã tập hợp phổ

(1) Như: do quản lý xã hội chưa tốt, 94 hộ dân nghèo tự động rời quê lên TP Hồ Chí Minh bươi rác kiếm sống....

biển, tuyên truyền Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước được 1.500 lượt người.

Tuy nhiên, công tác vận động quần chúng ở một số mặt còn hạn chế, như: Ban chấp hành, cán bộ nòng cốt đoàn thể không ổn định lâu dài, chấp vá, phần lớn chỉ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn; kinh nghiệm và uy tín ít nên không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng đoàn viên, hội viên phản ánh với Đảng chưa kịp thời, công tác phát triển đoàn viên, hội viên chậm.

+ Về sản xuất nông nghiệp:

Diện tích lúa 2 vụ tăng 6,6% (từ 829,5 ha năm 1995 nâng lên 885 ha năm 2000). Riêng năm 1999-2000, nhân dân xã Tân Quới sản xuất vụ 3 được 61 ha (chiếm 6,89%); năng suất bình quân cả năm là 13 tấn/ha, tăng 16% so với năm 1995, sản lượng ước đạt 11.657 tấn, tăng 34% so với năm 1995, bình quân lương thực mỗi người/năm là 1.496kg, so năm 1995 tăng 24,6% (kể cả hoa màu).

Diện tích hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày xuống giống hàng năm là 200 ha, tăng 10,4% (từ 181 ha năm 1995 tăng lên 200 ha năm 2000); phần lớn nhân dân trồng bắp lai, rau muống, rau dền... lấy hạt. Đồng thời nhân dân cải tạo vườn tạp, đất hoang hóa để trồng cây ăn trái được 3,8 ha chủ yếu trồng nhãn, xoài...

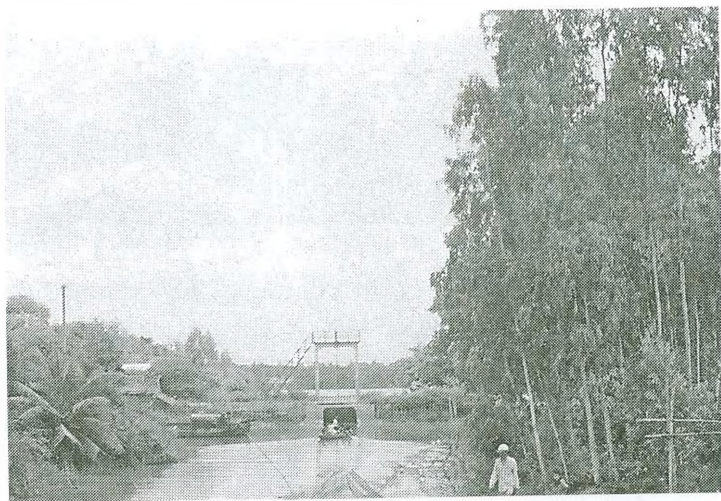
Việc tranh chấp đất đai từng bước được ổn định. Tổng

nhận đơn là: 228 vụ, đã hòa giải thành là 150 vụ đạt 65,78%, còn lại 78 đơn chiếm 34,22% (trong đó chuyển về trên 52 đơn, loại bỏ 18 đơn, trả lời bằng văn bản 5 đơn, tồn 3 đơn), bên cạnh đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân được 1.850 giấy, so diện tích toàn xã đạt 99,30%.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn được phát triển, đã nạo vét khai thông vàm kinh Mã Trường, xây dựng cống với kinh phí là 3,16 tỷ đồng; thực hiện 48 công trình lớn nhỏ với khối lượng là 785.239m³ (trong đó Nhà nước cấp trên đầu tư là 2,6 tỷ đồng, chiếm 81,76%, nhân dân đóng góp 740 triệu đồng).

Về giao thông đi lại, đã vận động nhân dân nâng cấp lộ làng cao 0,4m so đỉnh lũ năm 1996, với khối lượng đào đất là 20.793m³; rải cát sông các lộ làng phục vụ đi lại vào mùa mưa với kinh phí 624 triệu đồng (trong đó nhân dân đóng góp là 567 triệu đồng chiếm 94,15%, ngân sách xã 36 triệu đồng, chiếm 5,85%). Đồng thời thi công 1 đoạn dọc bờ kinh Mã Trường phục vụ cho việc vận chuyển vật tư, nông sản... chiều dài 2.950m với kinh phí 5 triệu đồng từ nguồn ngân sách xã. Đặc biệt năm 2000 được cấp trên quan tâm đầu tư kinh phí rải nhựa đường liên xã chiều dài 9.600m. Tổng kinh phí là 2,34 tỉ đồng (trong đó Nhà nước đầu tư 1,31 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 1,03 tỷ đồng).

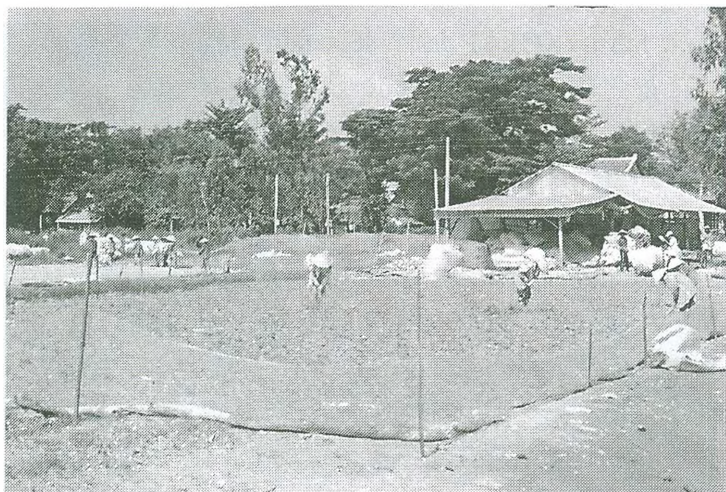
Tổ chức khảo sát, di dời 158 hộ dân ra khỏi vùng bị sạt lở với kinh phí là 126,4 triệu đồng (từ nguồn ngân sách tỉnh).



↑ Cống dầu nguồn
rạch Mã Trường - sông
Tiển (ấp Tân Thới giáp
ấp Thượng) tưới tiêu cho
nông nghiệp Cù lao Tây.



Văn phòng Hợp
tác xã nông nghiệp ấp
Tân Thới (2003). →



Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phát (chủ doanh nghiệp Lê Văn Giom - ấp Hạ): - Sơ chế mũ tái sinh; - Nuôi heo nái giống; - Cưa xẻ gỗ; - San lấp mặt bằng...



Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã là 2,21 tỷ đồng, tổng chi phí các hoạt động địa phương 5 năm qua là 2,10 tỷ đồng, tồn 24,5 triệu đồng.

Thu thuế đất sản xuất nông nghiệp và đất ở hàng năm cơ bản đạt chỉ tiêu trên giao. Cụ thể năm 1996 đạt 88,49%, năm 1997 đạt 99,72%, năm 1998 đạt 100%, năm 1999 đạt 100,30% và đến ngày 28/8/2000 thực thu thuế nông nghiệp được 517 tấn, đạt 96,96%, đất ở được 5.385 kg đạt 85,09%.

Vận động nhân dân đóng góp quỹ xây dựng nông thôn, quỹ đền ơn đáp nghĩa thông qua các năm được 345,5 triệu đồng, đã chi các công trình phúc lợi công cộng và nhà tình nghĩa là 345,5 triệu đồng. Riêng năm 2000 đã thu quỹ đền ơn đáp nghĩa (tính đến ngày 28/8/2000) được 16,9 triệu đồng, so chỉ tiêu đạt 56,66%.

Thu lao động công ích hàng năm đạt chỉ tiêu rất thấp. Tổng thu từ năm 1995 đến 1999 là 92,5 triệu đồng. Riêng năm 2000 (tính đến ngày 28/8/2000) thu được 24,2 triệu đồng, so chỉ tiêu đạt 45,03%. Thu quỹ an ninh quốc phòng năm 2000 tính đến ngày 10/8/2000 được 7,1 triệu đồng, so chỉ tiêu đạt 172,23%...

Phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp đến nay được 68 cơ sở, tăng 17 cơ sở so năm 1995, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ.

Giá trị sản lượng ngành nông nghiệp là 30,4 tỉ đồng, trong đó trồng trọt chiếm 88%, chăn nuôi chiếm 12%, tăng 22% so với năm 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 24%.

+ Công tác chăm lo đời sống nhân dân:

Do kinh tế phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và nâng lên. Qua điều tra thống kê xã có hộ giàu chiếm 28%, hộ khá chiếm 45%, hộ trung bình chiếm 19% và số hộ nghèo chiếm 8% (không còn hộ đói). Số hộ xây dựng nhà kiên cố chiếm 0,23%, bán kiên cố 4,49%, nhà gỗ tạp 39,79%, nhà đơn sơ tre lá chiếm 64,40%. Về tiện nghi sinh hoạt gia đình như xe gắn máy, ti vi, radio-cassette chiếm 85%; 147 phương tiện phục vụ sản xuất các loại chiếm 4,28% số hộ toàn xã. Bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, khởi sắc. Số hộ dùng điện lưới quốc gia đạt 52,69%, so kế hoạch đạt 100%; số hộ dùng điện thoại là 138 máy (bình quân 1 máy/100 dân). Đồng thời xây dựng 5 cụm bơm điện phục vụ cho 630 ha (lúa + màu) chiếm 64,50% diện tích toàn xã, so nghị quyết đạt 100%. Ngoài ra, tư nhân còn đầu tư xây dựng 2 cơ sở cơ khí sửa chữa máy móc phục vụ nông nghiệp...

Chánh sách xã hội được thực hiện tốt như cho vay xóa đói giảm nghèo 342 hộ, số vốn 425 triệu đồng; giải quyết việc làm là 29 hộ, số vốn 75 triệu đồng; nâng cao nền nhà 328 hộ số vốn là 1,915 tỉ đồng; cho vay sản xuất nông nghiệp được 699 hộ, số vốn là 2,5 tỉ đồng. Hầu hết các hộ vay đều sử dụng đúng

mục đích nhờ đó giảm hộ nghèo được hơn 75%, hộ khá và giàu tăng đáng kể so 1995 (Xem bảng thống kê ở cuối trang⁽¹⁾).

Chi trợ cấp thường xuyên cho 50 gia đình (các năm qua) với kinh phí là 313,4 triệu đồng; xây dựng 17 căn nhà tình nghĩa, kinh phí 243,6 triệu đồng (trong đó cấp trên đầu tư là 171,9 triệu đồng, chiếm 70,58%, nhân dân đóng góp 71,7 triệu đồng, chiếm 29,42%). Xuất ngân sách xã hỗ trợ đột xuất cho 85 gia đình chánh sách và nhân dân nghèo gặp khó khăn, số tiền 10,8 triệu đồng; hỗ trợ 13 gia đình liệt sĩ hạ thế diện sinh hoạt kinh phí 7,8 triệu đồng. Qua khảo sát thực tế, mức sống gia đình chánh sách có: giàu 6 hộ, khá 3 hộ, trung bình 28 hộ, nghèo 2 hộ, so nghị quyết đạt 100%.

Được sự quan tâm của cấp trên, đầu tư xây dựng trạm y tế với kinh phí 120 triệu đồng (trong đó Nhà nước cấp trên 100 triệu đồng, nhân dân đóng góp 20 triệu đồng). Trạm có 1 bác sĩ và đội ngũ cán bộ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân được 8.357 lượt người (trong đó miễn phí 3.131 lượt người, số tiền cấp thuốc miễn phí là 17 triệu đồng). Ngoài ra ,các nhà thuốc nam y còn điều trị cho 24.543 lượt người (miễn phí). Vận động mua xe cấp cứu kinh phí 12 triệu đồng, đã chuyển bệnh về tuyến trên là 473 ca. Hội Chữ thập đỏ còn thực hiện

| (1) | Hộ nghèo | Hộ trung bình | Hộ khá | Hộ giàu |
|-----------|----------|---------------|--------|---------|
| Năm 1995: | 40,2% | 38,5% | 11,14% | 10% |
| Năm 2000: | 8% | 19% | 45% | 28% |

công tác nhân đạo như bắc 2 cây cầu ngang kinh Mã Trường kinh phí 3 triệu đồng, cất 17 nhà tình thương, kinh phí 17,8 triệu đồng. Đồng thời còn vận động nhân dân đóng góp tiền là 11,2 triệu đồng, gạo 1.380 kg cấp lại cho 141 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các chỉ tiêu y tế quốc gia hàng năm đều đạt từ 95% trở lên, làm hạn chế dịch bệnh xảy ra.

Công tác truyền thông dân số hàng năm đều đạt 100%, áp dụng tốt bốn biện pháp tránh thai đã góp phần hạ tỷ lệ dân số còn 1,44%, so với năm 1995 giảm 0,36%, tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm còn 3,2%.

Thường xuyên phát động phong trào vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch, phòng chống bệnh cho phụ nữ; đến nay có 1.720 hộ sử dụng bình lọc đạt 56,41% và 1.536 hộ có nhà tắm đạt 11,22%.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển, chất lượng dạy và học được nâng lên, thi tốt nghiệp tiểu học đạt 99% trở lên, trung học cơ sở đạt 98% trở lên; huy động trẻ em 6 tuổi đến trường đạt 98%, được trên công nhận xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đạt 100%, tỷ lệ bỏ học hàng năm là 3,6%. Riêng năm học 1999-2000 tỷ lệ bỏ học là 4,5% (trong đó Trung học cơ sở chiếm phần đông). 5 năm qua, xây dựng và sửa chữa 28 phòng học kinh phí 450 triệu đồng (trong đó tổ chức Viện trẻ em tài trợ 50 triệu đồng, Nhà nước cấp trên 250

triệu đồng, nhân dân đóng góp 150 triệu đồng) góp phần xóa lớp học ca 3. Đội ngũ giáo viên mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở từng bước được bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn, chính trị để nâng cao trình độ tay nghề.

Xây dựng 11 trạm truyền thanh, kinh phí 9,6 triệu đồng phủ sóng gần khắp xã, cung cấp thông tin cho 65% hộ dân. Xây dựng và nâng cao hoạt động câu lạc bộ hát với nhau 1 tuần 2 đêm. Tổ chức hội thi liên hoan gia đình văn hóa và các phong trào khác hàng năm đạt kết quả tốt.

Phong trào thể dục thể thao được duy trì và phát triển, xã có 1 sân vận động, 2 sân mi-ni, 2 sân bóng chuyền, 2 sân cầu lông, 2,7% dân số thường xuyên tham gia tập thể dục thể thao.

Kiểm tra 47 lượt điểm, tụ điểm hoạt động văn hóa, qua đó phát hiện 4 điểm vi phạm, phạt tiền 500.000đ.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư và gia đình văn hóa, được nhân dân đồng tình, đến nay đã đăng ký 2.716 hộ đạt 98,07% số hộ toàn xã và đạt: 127,27% so nghị quyết. Đã được trên công nhận 2.010 hộ, đạt 74% so với số hộ đăng ký. Xây dựng được 1 ấp văn hóa được tỉnh công nhận và đạt 33% so với Nghị quyết. Đồng thời còn triển khai thực hiện quy ước ấp văn hóa, có 2.000 hộ tham gia đạt 65,59% số hộ toàn xã. Vận động nhân dân xây dựng 212 ngọn đèn đường phục vụ ánh sáng ban đêm, kinh phí 96,1 triệu đồng

(nhân dân đóng góp là 69,4 triệu đồng, ngân sách là 26,7 triệu đồng); có 70% số hộ toàn xã làm cột cờ đúng qui định, riêng ấp văn hóa đạt từ 95% trở lên.

Nhìn chung, lĩnh vực văn hóa - xã hội đã mang lại hiệu quả đáng kể. Tuy nhiên công tác xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa còn yếu, thiếu thường xuyên, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh môi trường thực hiện còn thấp, nguyên nhân chính là do một số người dân nhận thức chưa cao.

+ Quốc phòng và an ninh:

Hành đạo của các tôn giáo cơ bản là phù hợp chính sách của Đảng và Nhà nước. Việt kiều về thăm quê đông, vui vẻ, sinh hoạt theo pháp luật và qui định hiện hành. Tuy nhiên, về trật tự an toàn xã hội chưa được đẩy lùi còn xảy ra 187 vụ, tăng so với nhiệm kỳ trước 42 vụ (trong đó địa phương giáo dục xử lý: 177 vụ, lập hồ sơ chuyển Công an huyện khởi tố 10 vụ), nổi cộm là hiếp dâm, số đuôi, gái mại dâm, mua bán phụ nữ và chống người thi hành công vụ, v.v...

Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao. Đồng thời đã thu gồm xử lý 43 thanh niên dạng "3 trốn" và 1 đào ngũ.

Về phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đã xây dựng được 19 Liên tổ với 125 Tổ an ninh nhân dân. Lực lượng

dân quân tự vệ được 302 đồng chí, so dân số đạt 2,22%, phúc tra thống kê lực lượng quân dự bị 1-2 được 2.756 đồng chí. Công tác huấn luyện quân sự hàng năm đạt 100% kế hoạch.

Công tác thanh tra cũng được tăng cường, đã kiểm tra việc thu, chi sai nguyên tắc, vi phạm Luật Ngân sách và Luật Nghĩa vụ quân sự. Kết quả đã thu hồi lại cho Nhà nước và nhân dân số tiền 162,1 triệu đồng và vàng 24K là 96 chỉ.

Công tác giải quyết đơn thư tranh chấp dân sự đã tiếp nhận 309 đơn, hòa giải thành 261 đơn, đạt 73,46%, chuyển về trên 37 đơn, tồn 9 đơn.

Nhìn chung, lĩnh vực an ninh quốc phòng nhiệm kỳ 1996-2000 đạt được kết quả đáng kể, góp phần giữ gìn và ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên chất lượng hoạt động của các tổ an ninh nhân dân, dân quân tự vệ chưa cao, tệ nạn xã hội còn xảy ra nhiều...

PHẦN THỨ TƯ KẾT LUẬN

Hơn 300 năm kể từ khi lưu dân người Việt đặt chân lên một cù lao ở thượng lưu vùng châu thổ sông Cửu Long. Họ đã tốn không biết bao công sức, kể cả xương máu trong đấu tranh với thiên nhiên với mong muốn biến cù lao hoang vắng này thành một thôn ấp mới trù phú, hưng thịnh như tên mà họ đặt cho nó: Tân Hưng, rồi sau phân ba làng Tân Huệ, Tân Quới và Tân Long.

Cù lao Tây trở thành một bộ phận lãnh thổ của dân tộc. Từ đó nhân dân Tân Quới cùng với nhân dân cả cù lao đi vào lịch sử xây dựng quê hương và chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc từ chống quân Xiêm La can thiệp đến thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Do điều kiện xã hội đặc biệt, ở Tân Quới đạo Thiên Chúa và Phật giáo Hòa Hảo hình thành sớm và phát triển, lôi cuốn đại bộ phận nhân dân. Bọn thống trị tay sai ở địa phương triệt để khai thác đặc điểm này để chống phá phong trào cách mạng ở Tân Quới và cả cù lao. Bị dòng xoáy cách mạng cả nước cuốn hút, dù chậm trễ so với một số địa phương, nhưng Đảng bộ Tân Quới cũng ra đời, kịp thời lãnh đạo nhân dân đưa phong trào cách mạng địa phương hòa cùng xu thế cách mạng của cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Tân

Quới vượt qua mọi khó khăn, hy sinh, gian khổ cùng nhân dân miền Nam đưa cuộc Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến thắng lợi sau cùng; chiến thắng vĩ đại 30/4/1975 của cả dân tộc có phần đóng góp công sức của cán bộ và nhân dân Tân Quới, để lại cho hậu thế bài học kinh nghiệm quý báu.

1. Nhân dân Cù Lao Tây nói chung, nhân dân Tân Quới nói riêng đã kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết, chung lưng đấu cật của dân tộc trong đấu tranh chống chọi với thiên nhiên trong công cuộc khai hoang xây dựng xóm làng, cũng như trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược để bảo vệ độc lập của Tổ quốc.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Tân Quới luôn phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc, sẵn sàng chiến đấu dù phải hy sinh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ quyết giành cho kỳ được độc lập dân tộc.

3. Trong suốt hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mặc dù được sự hỗ trợ của trên và xã bạn nhất là Tân Huê, nhưng nhân dân và Đảng bộ Tân Quới luôn nêu cao tính tự lực, tự cường, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong mọi tình huống. Đặc điểm này thể hiện cụ thể nhất là lúc tình hình địch đàn áp căng thẳng, Chi bộ có quyết định: một bộ phận sang An Long, Tân Thành... và một bộ phận ở lại bám trụ, nắm tình hình động viên nhân dân giữ vững phong trào cách mạng.

4. Do đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng mà đúng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh, trong từng giai đoạn của cách mạng, đã tạo được niềm tin vững chắc trong nhân dân; dân tin vào Đảng, Đảng dựa vào dân và từ dân mà phát triển là qui luật của cách mạng Việt Nam. Nhờ đó mà Đảng ta đã phát huy được sức mạnh đoàn kết của toàn dân, đoàn kết lương giáo, đoàn kết các dân tộc, đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết, phá tan mọi âm mưu chia để trị, kích động tôn giáo của thực dân đế quốc... đưa cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở xã Tân Quới đến thắng lợi cuối cùng.

Những bài học quý báu trên luôn được Nhân dân và Đảng bộ Tân Quới trân trọng, vận dụng và phát huy trong công cuộc cải tạo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

oOo

Bước vào thời kỳ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, nhân dân Tân Quới, người theo đạo cũng như người không theo đạo, đã phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù, thông minh, sáng tạo... đã làm cho quê hương ngày càng ấm no, giàu đẹp.

So với lịch sử dựng nước, lịch sử đấu tranh giành và giữ độc lập thì, thời gian 25 năm vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển của Đảng bộ và nhân dân xã Tân

Quới không phải là dài. Song, nhìn lại chặng đường 25 năm qua cũng có rất nhiều điều gọi mở cho mỗi cán bộ, đảng viên và người dân trong xã suy ngẫm về những thành tựu to lớn đã đạt được, cùng với những bài học kinh nghiệm quý báu trong quá trình xây dựng và phát triển của xã nhà. Đó là:

Một là: Khi chấm dứt chiến tranh, tiếp quản xã Tân Quới từ "con số không" (không Đảng, không chính quyền, đoàn thể, các tổ chức quần chúng và đặc biệt là không có cơ sở vật chất gì). Đây là một khó khăn, thách thức lớn. Song được Huyện ủy quan tâm tăng cường đảng viên, cán bộ từ huyện xuống, lập lại chi bộ, thành lập chính quyền cách mạng, từng bước lãnh đạo nhân dân trong xã tập trung khắc phục vượt qua khó khăn ổn định cuộc sống và phát triển đi lên.

Hai là: Cùng với một số xã khác, xã Tân Quới nằm trọn vẹn ở đầu Bắc Cù lao Tây cho nên việc đi lại, giao lưu với các nơi khác bên đất liền luôn là một trở ngại, khó khăn lớn, nhất là từ năm 1986 trở về trước. Từ khi đổi mới năm 1986 đến năm 2000 xã Tân Quới được Đảng, Nhà nước quan tâm, đầu tư lớn cùng với sự cố gắng và nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ, của các cán bộ và các tầng lớp nhân dân, nên đời sống, sinh hoạt của người dân và bộ mặt xã hội của xã nói chung đã có sự thay đổi và phát triển mạnh mẽ.

- Về sản xuất nông nghiệp, khi tiếp quản năm 1975 đa

phần trong 1.101 ha đất nông nghiệp của xã chỉ làm lúa một đến hai vụ, đến năm 1978 tăng lên 1.356 ha, sản lượng lúa đạt 3.382 tấn/ha. Đến năm 2000 xã đã chuyển dịch quay vòng đất lên 3 vụ được 38 ha, tổ chức tốt khai hoang, phục hóa tăng diện tích gieo trồng đến năm 2000 lên 1.808 ha, năng suất bình quân cả năm đạt 9 tấn/ha, sản lượng lúa đạt 16.272 tấn (tăng gấp hơn 5 lần so năm 1975), lương thực bình quân mỗi người đạt 1.680kg (tăng gấp 6 lần so năm 1975). Chăn nuôi gia súc, gia cầm mỗi năm tăng từ 6 đến 9%, góp phần từng bước cải thiện và nâng cao đáng kể cuộc sống người dân - kể cả vật chất lẫn tinh thần.

- Về giao thông, thủy lợi, chăm lo đời sống các mặt của người dân. Khi tiếp quản gần như là con số không, đến năm 2000 con đường trục liên xã đã được nâng cấp và trải nhựa; lộ kinh Mã Trường cũng được nâng cấp và trang bằng. Mỗi năm, xã được huyện hỗ trợ cùng với kinh phí của xã và nguồn đóng góp từ nhân dân hàng chục triệu đồng để phục vụ cho phát triển giao thông, thủy lợi và hệ thống điện, trường, trạm. Đến năm 2000 toàn xã đã có 1.660 hộ dân được sử dụng điện lưới, đạt 52,8%; Xã đã xây dựng được 5 trạm bơm điện phục vụ tưới cho 550 ha, đạt 62,1% diện tích; xây dựng 45 đường nước tưới tiêu với tổng chiều dài 20.123 mét và 8 đường cộ phục vụ cho sản xuất dài hơn 8.000 mét; thu ngân sách xã đến năm 2000 đạt 989.980.700 đồng.

Năm 2000 so với năm 1975 thì tình hình đời sống kinh tế, xã hội, dân trí và các mặt nói chung của người dân xã Tân Quới đều tăng từ 5 lần đến 10 lần; Đặc biệt là điện lưới Quốc gia đã về đến Cù lao Tây, làm đổi đời người dân trong xã. Việc quan tâm đầu tư, chăm lo phát triển các mặt nói chung của Nhà nước đối với người dân xã Tân Quới là rất lớn và ngày càng phát huy hiệu quả.

Ba là: Hệ thống Đảng, chính quyền, đoàn thể của xã Tân Quới không ngừng được củng cố và phát triển toàn diện.

Năm 1975, khi tiếp quản xã chưa có chính quyền, chưa có chi bộ, chỉ có 1 đảng viên tại chỗ và 2 đảng viên được huyện tăng cường về tái lập chi bộ, lãnh đạo các mặt hoạt động trong xã. Cũng trước khi tiếp quản xã không có Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; không có Mặt trận Tổ quốc, phụ nữ, nông hội, xã đội, công an và cơ sở vật chất... nhìn chung là không có gì.

Trước tình hình và yêu cầu bức xúc của cách mạng, được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, các đảng viên, cán bộ xã nhanh chóng khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo xây dựng hình thành và phát triển bộ máy chính quyền, chi bộ và các tổ chức xã hội như ngày nay. Đồng thời đề ra mục tiêu và quyết tâm vừa làm, vừa học, kết hợp xây dựng với đúc rút kinh nghiệm tại chỗ, với việc đưa đi đào tạo để nâng chất đội ngũ cán bộ,

đảng viên của xã nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của xã hội.

Đến năm 2000 xã Tân Quới có hệ thống chánh trị Đảng, chánh quyền, Mặt trận và các tổ chức quần chúng phát triển hoàn thiện. Đặc biệt đến năm 2000 xã Tân Quới là một Đảng bộ có 7 chi bộ, 68 đảng viên đa phần trẻ, nhiệt tình, có trình độ, năng lực hoạt động thực tiễn, được phân công đều trên các lãnh vực. Công tác chăm lo xây dựng, củng cố chánh quyền, đoàn thể, nhất là công tác xây dựng Đảng của xã Tân Quới từ năm 1975 đến năm 2000 luôn được cấp ủy đảng xã quan tâm đặc biệt và đạt nhiều kết quả tốt.

Chính nhờ có sự quan tâm chu đáo cùng với sự nỗ lực chung của chi bộ, rồi Đảng bộ và của từng đảng viên mà Chi Đảng bộ luôn phát triển, luôn đạt tiêu chuẩn Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Nhiều đồng chí đến nay đã trưởng thành, đang là những cán bộ chủ chốt của Đảng, chánh quyền ở huyện, tỉnh như đồng chí Võ Hoàng Vũ, Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tam Nông; đồng chí Hà Ngọc Ánh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông; đồng chí Lê Văn Hôm - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện Tam Nông; đồng chí Võ Thanh Liêm - Phó chánh Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp;...

Bên cạnh những thắng lợi và thành tựu to lớn đã đạt được trong 25 năm xây dựng và phát triển... Đảng bộ và nhân dân xã

Tân Quới cũng tự đánh giá và nhìn nhận những tồn tại yếu kém đó là:

- Nhận thức tư tưởng của một số đảng viên còn yếu kém, nặng lo kinh tế gia đình dẫn đến buông lơi nhiệm vụ, không thiết tha với Đảng, thậm chí có trường hợp xin ra khỏi Đảng.

- Một số đảng viên, cán bộ tư tưởng còn cũ kỹ hẹp hòi, nhỏ nhặt, trì trệ, lập trường giai cấp công nhân còn yếu, an phận nên vô tình quên đi tính năng động sáng tạo, hạn chế lòng nhiệt tình và tính chiến đấu...

- Một vài đảng viên chưa nhất trí cao với chủ trương cải tạo nông nghiệp cũng như một số chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và địa phương. Công tác đấu tranh xây dựng nội bộ đôi khi làm chưa tốt, chưa kịp thời thiếu thường xuyên và thiếu chặt chẽ.

- Nguyên nhân chính là do công tác giáo dục chính trị tư tưởng của chi ủy, Đảng ủy xã đôi khi làm chưa thường xuyên, chưa sâu sát. Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng đảng viên và các tầng lớp nhân dân chưa kịp thời, chưa chắc. Cấp ủy đôi khi thiếu kiểm tra uốn nắn, để chủ động ngăn chặn các lệch lạc, hạn chế đảng viên mắc sai phạm.

oOo

Nhìn lại chặng đường 180 năm (1820-2000) khai hoang và lập làng, đấu tranh giành và giữ độc lập, xây dựng và

phát triển... Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân xã Tân Quới có quyền tự hào chính đáng về truyền thống quý báu, cùng với những thành tựu to lớn trên bước đường xây dựng quê hương phần vinh tươi đẹp.

Nhân dân Tân Quới nhất là thế hệ trẻ luôn ghi nhớ công lao của các bậc tiền bối, các anh hùng liệt sĩ, những người có công... để vừa tự hào, vừa phát huy tinh thần cách mạng tiến công, nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa, xây dựng quê hương, đất nước ngày càng thêm giàu đẹp, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

PHỤ LỤC

I. DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ TÂN QUỚI

| Số TT | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán | Ngày, tháng tham gia CM | Ngày, tháng hy sinh | Chức vụ, cấp bậc, đơn vị lúc hy sinh |
|-------|------------------|----------|--------------------|-------------------------|---------------------|--|
| 1 | Bùi Văn Buốt | 1923 | Tân Quới | 1960 | 1962 | Du kích xã Tân Quới (TQ) |
| 2 | Nguyễn Văn Chúng | 1914 | Tân Quới | 1943 | 30/12/1946 | Du kích xã TQ |
| 3 | Nguyễn Văn Hoàn | 1912 | Tân Quới | 1941 | 1946 | Du kích xã TQ |
| 4 | Phạm Văn Khi | 1914 | Tân Quới | 1945 | 1946 | Thư ký xã TQ |
| 5 | Nguyễn Văn Hoạch | 1925 | Tân Quới | 1957 | 10/7/1963 | Du kích ấp Cả Môn - Tân Long |
| 6 | Nguyễn Văn Đảo | 1931 | Tân Quới | 1946 | 9/1946 | Du kích xã TQ |
| 7 | Nguyễn Văn Ngung | 1936 | Long Khánh | | 6/1960 | Trung đội phó, bộ đội địa phương tỉnh DT |
| 8 | Trần Hồng Hương | 1925 | Tân Quới | 1944 | 3/10/1951 | Trung đội trưởng |
| 9 | Đinh Văn Bồng | 1932 | An Long | 1959 | 23/5/1963 | Thư ký Nông hội xã An Long |
| 10 | Nguyễn Văn Quen | 1922 | Tân Quới | | 1/4/1969 | Phó Bí thư Huyện ủy |
| 11 | Phạm Văn Đánh | | Tân Quới | 1945 | 13/3/1946 | Đội viên tự vệ chiến đấu quân TQ |
| 12 | Trần Thắng Bi | 1917 | Cao Đà, Phú Lý, NH | 1958 | 5/8/1970 | Ủy viên BCH đơn vị Việt kiều - cán bộ xã |

LS truyền thống & cách mạng xã Tân Quới - Phụ lục

| | | | | | | |
|----|--------------------|------|-------------------------|------|------------|---|
| 13 | Nguyễn Văn Năm | 1944 | Tân Quới | 1945 | 13/3/1946 | Tiểu đội trưởng Tự vệ chiến đấu quân |
| 14 | Phan Văn Nếp | 1912 | An Phong | 1940 | 23/1/1941 | Xã đội trưởng du kích xã An Phong |
| 15 | Trần Văn Khải | 1960 | Tân Quới | 1982 | 29/1/1983 | Chiến sĩ D3, E812, F309 BTL 479(1) |
| 16 | Nguyễn Văn Không | 1921 | Tân Quới | 1960 | 1962 | Trung sĩ D 502 |
| 17 | Nguyễn Văn Đốc | 1920 | Bình Thành | 1945 | 25/6/1948 | Trung đội trưởng E115 BĐDP tỉnh SaĐéc |
| 18 | Ngô Văn Ngai | 1903 | An Long | 1943 | 1945 | Cán bộ thông tin tuyên truyền xã An Phong |
| 19 | Nguyễn Thanh Thịnh | 1964 | Tân Quới | 1982 | 21/5/1983 | Bình nhất, C2, D208, BTM Mặt trận 979 |
| 20 | Phạm Duy Lương | 1966 | Tân Quới | 1984 | 10/9/1984 | Chiến sĩ C2, D4, E330, F2 |
| 21 | Trương Văn Hùng | 1964 | Tân Quới | 1982 | 2/9/1984 | Hạ sĩ D500 Đoàn 7701, MT 779 QK7 |
| 22 | Nguyễn Thanh Hùng | 1964 | Tân Quới | 1982 | 21/9/1986 | Đại đội phó C3, D4, E, F4 - QK9 |
| 23 | Huỳnh Văn Khoe | 1908 | Long Điền A. Chợ Mới | 1946 | 1948 | Cán bộ giao liên huyện Chợ Mới |
| 24 | Phan Văn Nấu | 1963 | Tân Quới | 1984 | 18/10/1984 | Chiến sĩ C16, E2, F330 |

| | | | | | | |
|----|--------------------|------|-----------------|------|------------|--|
| 25 | Nguyễn Văn Thạnh | 1963 | Tân Quới | 1982 | 7/3/1983 | Trung sĩ C7, D5, E2, F8, QK9 |
| 26 | Nguyễn Minh Nguyễn | 1962 | Tân Quới | | 28/8/1986 | Bình nhứt C11, D3, E1 |
| 27 | Phạm Hữu Tâm | 1968 | Tân Quới | | 2/11/1986 | Hạ sĩ, Tiểu đoàn huấn luyện F330 |
| 28 | Huỳnh Bá Thông | 1964 | Tân Quới | 1986 | 22/8/1987 | Trung sĩ, D10, F330 |
| 29 | Phạm Văn Phái | 1966 | Tân Quới | 1986 | 14/11/1987 | Hạ sĩ D10, E330, MT 979 |
| 30 | Nguyễn Văn Hai | 1940 | Tân Hòa Bắc, VL | 1962 | 1/9/1966 | Đội phó xã Tân Hòa Bắc, TX Vĩnh Long |
| 31 | Hoàng Bửu Chánh | 1964 | Tân Quới | 1985 | 19/5/1988 | Thiếu úy, B trưởng D5, E2, F330 |
| 32 | Nguyễn Văn Đảo | 1967 | Tân Quới | 1988 | 6/11/? | Hạ sĩ Tiểu đoàn trinh sát, F330 |
| 33 | Đoàn Hữu Trí | 1964 | Tân Quới | 1985 | 25/1/1988 | Thượng sĩ D5, E2, F330 |
| 34 | Nguyễn Văn Hùng | 1937 | Tân Quới | 1960 | 8/1962 | Xã đội trưởng |
| 35 | Nguyễn Văn Hậu | 1969 | Tân Quới | 1988 | 5/11/1988 | Hạ sĩ D1, E1, F330, QK9 |
| 36 | Trương Hoàng Vũ | 1962 | Tân Quới | 1982 | 12/2/1985 | Trung sĩ, Tiểu đội phó C2, D1, E99, F302 |
| 37 | Nguyễn Văn Thành | 1963 | Tân Quới | 1982 | 20/6/1982 | Chiến sĩ C9, D12, E4, F330 |
| 38 | Trần Thanh Hải | | Tân Quới | 1989 | 29/6/1990 | Thượng sĩ, Đội chuyên viên kỹ thuật F4b |

| | | | | | | |
|----|-----------------|------|----------|------|-----------|------------------------------------|
| 39 | Lê Văn Trắng | 1967 | Tân Quới | 1985 | 23/3/1986 | Trung sĩ C5, E2, F330 |
| 40 | Huỳnh Văn Đục | 1938 | An Phong | 1961 | 1961 | Đội du kích An Phong |
| 41 | Nguyễn Văn Canh | 1964 | Tân Quới | 1985 | 1986 | D5, F330, QK9 |
| 42 | Phan Văn Sâm | 1934 | Tân Quới | 1954 | 16/6/1961 | Trung đội trưởng BDDP |
| 43 | Nguyễn Văn Quý | | Tân Quới | 1945 | 9/10/1969 | tính ĐT Đảng viên, cơ sở mặt áp |
| 44 | Ngô Văn Chải | 1930 | | 1950 | | Trung, TQ |
| 45 | Nguyễn Văn Lĩnh | | | | | Cán bộ xã - du kích |
| 46 | Bùi Văn Bu | 1947 | | | | Chống Mỹ Cán bộ xã |

(1) C: đại đội; D: tiểu đoàn; E: trung đoàn; F: Sư đoàn; BTL" Bộ Tư lệnh;
 BDDP: Bộ đội địa phương; BTM: Ban Tham mưu; MT: mặt trận; QK: quân khu.

II. DANH SÁCH BÍ THƯ CHI BỘ XÃ TÂN QUỚI TỪ 1946 ĐẾN NAY (12-2003)

| Số TT | Họ và tên | Bí danh | Làm Bí thư Chi bộ năm | Ghi chú |
|-------|------------------------------|-----------|--|---------------------------------|
| 1 | Tô Ngọc Lợi (1927-1979) | Lợi | 1946 | |
| 2 | Trần Văn Sớ (1920) | Kế | 1947, 1951-1954 | |
| 3 | Phạm Văn Quý | | 1948 | |
| 4 | Nguyễn Ngọc Ân (? - 1967) | | 1949 | |
| 5 | Nguyễn Trường Phòng | Hai Chiến | 1954, 1964 | |
| 6 | Nguyễn Văn Quý | Sáu Nghị | 3 đ/c làm BTCB trong thời kỳ chống Mỹ nhưng chưa xác minh rõ thời điểm | Thay đ/c Hai Chiến |
| 7 | Nguyễn Văn Quen | Tư Hồng | | |
| 8 | | Hai Hồng | | |
| 9 | Nguyễn Văn Đờm | Tám Đờm | 1975 | |
| 10 | Nguyễn Văn Tông (1930) | Bảy Tông | 5/1975 | Huyện ủy chỉ định |
| 11 | Đỗ Hữu Long (1927-1998) | Ba Tỷ | 1977-12/1980 | |
| 12 | Võ Hoàng Vũ (1953) | | 12/1980-11/1982 | Hiện là BTHU Tam Nông (12/2003) |

LS truyền thống & cách mạng xã Tân Quới - Phụ lục

| | | | | |
|----|---------------------------|--|-----------------------------|-----------------------|
| 13 | Phan Văn Thòn | | 11/1982-6/1987 | |
| 14 | Nguyễn Văn Na (1959) | | 6/1987-9/1988 | |
| 15 | Nguyễn Văn Bùng (1962) | | 9/1988-6/1998 | |
| 16 | Nguyễn Văn Khôn (1956) | | 6/1998-6/2000 | |
| 17 | Võ Văn Đức (1960) | | 6/2000 đến nay (12/2003) | Nhiệm kỳ 2000-2005 |

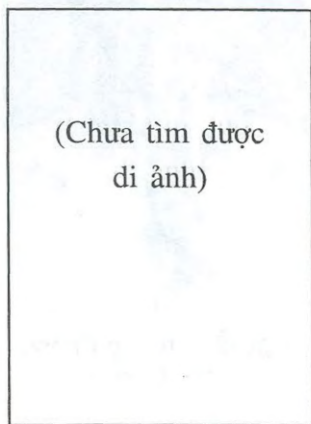
III. ẢNH CHÂN DUNG CÁC Đ/C BTCB XÃ TÂN QUỚI



Tô Ngọc Lợi (Lợi)
(1927 - 1979)



Trần Văn Sô (Kế)
(1920)



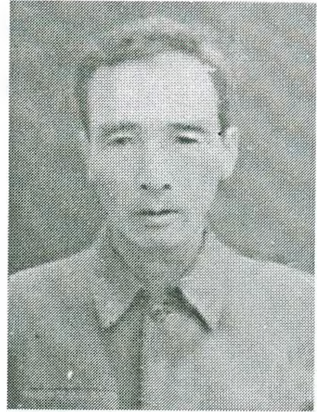
Phạm Văn Quý
BTCB 1948



Nguyễn Ngọc Ân
(? - 1967)



Nguyễn Trường Phòng
(Hai Chiến)



Nguyễn Văn Đờm
(Tám Đờm)



Nguyễn Văn Tông
(1930)



Đỗ Hữu Long (Ba Tỷ)
(1927-1998)



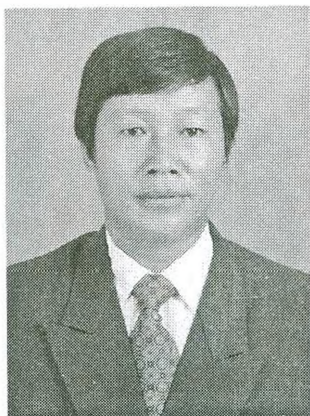
Võ Hoàng Vũ
(1953)



Phan Văn Thôn



Nguyễn Văn Na
(1959)



Nguyễn Văn Bùng
(1962)



Nguyễn Văn Khôn
(1956)

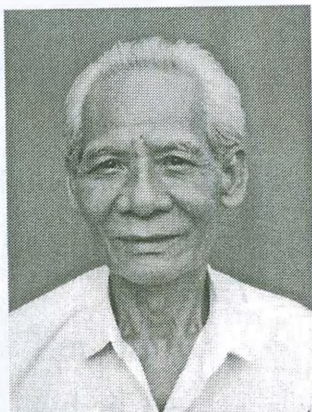


Võ Văn Đức
(1960)

IV. ẢNH CHÂN DUNG NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG



Ông Nguyễn Văn Đơn
(1911)
gia đình có công tiêu biểu



Ông Hứa Quang Minh
(1928)
gia đình tín đồ Phật giáo
Hòa Hảo có công với
cách mạng



Ông Trần Ngọc
Phán (1928) gia
đình Thiên Chúa
giáo có công với
cách mạng.

V. SỐ VÀNG TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG XÃ TÂN QUỚI

| | |
|--------------------------------|-----------|
| - Số liệt sĩ: | 46 |
| - Số thương binh: | 7 |
| - Số người tham gia cách mạng: | 157 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| + Bộ đội: | 131 |
| + Các hình thức khác: | 26 |
| - Các tài sản qui lúa: | 33,1 tấn |
| <i>Trong đó:</i> | |
| + Ấp Hạ: | 11,5 tấn |
| + Ấp Thượng: | 2,4 tấn |
| + Ấp Tân Thới: | 19,2 tấn. |

VI. MỘT SỐ HÌNH ẢNH KT-VH-XH 1975-2000

Ruộng rau dền
lấy hạt (giống).



Ruộng rau muống
lấy hạt (giống).



Bắp lai -
một thế mạnh
nông nghiệp
Tân Quới.





Xen canh
lúa - hoa màu.

Trồng hoa màu
"truyền thống" xen
"hiện đại" (tủ rơm
và phủ vải nhựa).



"Nhà máy xay lúa
di động" - loại hình
tiểu thủ công nghiệp
phổ biến ở
cù lao Tây

Trụ sở
Hội Chữ thập đỏ
xã Tân Quới và
đội xe chuyển bệnh.



Cất nhà trong cụm
dân cư ấp Tân Thới.
(cấp đường liên xã).





Nhà sàn phòng
và vượt lũ
khá phổ biến
ở Tân Quới -
cù lao Tây.

Trao nhà
tình thương.



Phụ nữ nghèo
được hỗ trợ vốn
phát triển
kinh tế gia đình.

Điểm sinh hoạt
tôn giáo
(ấp Thượng).



Điểm sinh hoạt
tôn giáo
(ấp Trung).

Đường nhựa liên xã
cù lao Tây.





Ông Nguyễn Long Lĩnh
Phó Chủ tịch UBND
xã Tân Quới phát biểu
huấn thị lớp dạy nghề
cho trẻ em hồi hương.

Diễn đàn
thiếu niên.



Trẻ em Tân Quới
vui chơi
tết Trung Thu.

Tổ phụ nữ
hỗ trợ vốn
cất nhà
tình thương.



Hướng dẫn
cách nuôi con
không bị
suy dinh dưỡng.

Đại hội PN
xã Tân Quới
(nhiệm kỳ
2001-2006).



MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| – Lời giới thiệu | 7 |
| – Phần thứ nhất | |
| Lịch sử truyền thống từ khởi thủy đến năm 1930. | 9 |
| + <i>Chương I.</i> Khái quát về xã Tân Quới | 9 |
| + <i>Chương II.</i> Tân Quới trên Cù lao Tây từ buổi đầu khai phá đến năm 1930. | 26 |
| – Phần thứ hai | |
| Truyền thống đấu tranh cách mạng của cán bộ và nhân dân xã Tân Quới (1930-1975) | 48 |
| + <i>Chương I.</i> Từ vận động thành lập Đảng đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 48 |
| + <i>Chương II.</i> Xây dựng và củng cố chính quyền, chuẩn bị kháng chiến, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). | 72 |
| + <i>Chương III.</i> Nhân dân xã Tân Quới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) | 95 |

| | |
|--|-----|
| – Phần thứ ba | |
| Tân Quới 25 năm xây dựng và phát triển | |
| (1975-2000) | 116 |
| + <i>Chương I. Tái lập Chi bộ xã, xây dựng chính quyền</i> | |
| của dân, do dân, vì dân; cải tạo xã hội cũ, | |
| xây dựng Chủ nghĩa xã hội theo đường lối | |
| Đại hội IV và Đại hội V của Đảng (1975-1986) | |
| 116+ <i>Chương II. Đảng bộ và nhân dân xã Tân Quới hưởng ứng</i> | |
| công cuộc đổi mới của Đảng, tiến hành công nghiệp hóa, | |
| hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, góp phần | |
| xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1986-2000) | 156 |
| – Phần thứ tư | |
| Kết luận | 210 |
| – Phụ lục: | 219 |
| I. Danh sách liệt sĩ xã Tân Quới | 221 |
| II. Danh sách Bí thư chi bộ xã Tân Quới từ 1946 đến nay | |
| (12-2003) | 225 |
| III. Ảnh chân dung các đ/c BTCB xã Tân Quới | 227 |
| IV. Ảnh chân dung những người có công với cách mạng | 231 |
| V. Sổ vàng truyền thống cách mạng xã Tân Quới. | 232 |
| VI. Một số hình ảnh KT-VH-XH | |

**LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG & CÁCH MẠNG
XÃ TÂN QUỚI (1820 - 2000)**

(Sơ thảo)

- *Chịu trách nhiệm xuất bản:*

NGUYỄN VĂN THI

UV.TV.HU - Trưởng Ban TG.HU Thanh Bình

- *Nhóm biên soạn:*

Th.S. NGUYỄN HỮU HIẾU

CN. PHẠM VĂN ĐÔNG

- *Biên tập, trình bày + bìa:*

LÊ ĐỨC HÒA

- *Ảnh:*

ĐỨC LÊ + TƯ LIỆU

- *Cộng tác + sửa bản in:*

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Ảnh bìa 1:

*Đầu Cù lao Tân Quới phía thượng lưu - giữa sông Tiền -
sông Cái Vĩnh.*

Ảnh: ĐỨC LÊ

In 500 cuốn, khổ 14x20cm, theo giấy phép xuất bản số 53/GPXB do Sở VH TT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31/10/2003.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2003.



Sông nước cù lao Tây



Hiện đại hóa nông nghiệp



BƯU ĐIỆN TÂN QUỚI

TÂN QUỚI POST OFFICE

BƯU ĐIỆN TÂN QUỚI